

EM NHỎ HỒNG!
 Stay cho em uống
THUỐC BAN NÓNG (RAKEMID)
NHA THUỐC TÂY KIM-QUAN
KIM-QUAN
 SỐ QUANG TRUNG 11, N. TH. H. 11, SAIGON

K.N. số 260 ngày 20-6-63

KINH - LÝ VĂN - PHÒNG
 110, đại lộ Nguyễn-Huệ — Saigon
 Điện-thoại : 23.187

Phạm - văn - Lạng
 Giám-Định Trắc-địa-sư
 Géomètre — Expert
 373, Phan-thanh-Giản SAIGON

PHỔ THÔNG
 TẠP-CHÍ
 GOP PHẠM XÂY DỰNG VĂN HÓA VIỆT NAM
 PHỔ BIẾN VĂN HÓA ĐÔNG TÂY KIM-CỔ

Giám-đọc, Chủ-bút : Nguyễn-Vỹ
 Tòa-soạn : 233, đường Phạm-Ngũ-Lão, Sài-gon — Đ.T. 25.861
 Ty Quản-lý : 531, Đại-lộ Trần-hưng-Đạo — Saigon

NĂM THỨ VI ★ số 121 ★ 1-3-1964

1.— Thành lập một Hàn-lâm-viện	Nguyễn-Vỹ	7 — 9
2.— Nhân một ngày giỗ Bích-Khê	Đình-Cường	10 — 20
3.— Chuyển xe cuối ngày (truyện ngắn)	Mỹ-Khanh	21 — 30
4.— Tại sao (thơ)	Đạm-Vân	31
5.— Đường lên cung Quảng xa xăm (khoa học)	Võ-quang-Yến	32 — 39
6.— Thi ca Nhật-bản hiện đại	Lê-huy-Oanh	40 — 47
7.— Truyện thần thoại hy-lạp	Đàm-quang-Thiện	48 — 51
8.— Gửi núi rừng (thơ TĐBN)	Minh-Đức	52
9.— Tiếng nói gái trai thế hệ	Phổ-Thông	53 — 61
10.— Hiệp-khí-Đạo (Aiki-do)	Bs. Nguyễn-Anh-Tài	62 — 63
11.— Đơn côi, Thân mình (thơ)	Thu — Mị	64
12.— Mười một giờ gõ 14 tiếng (truyện vui)	Phương-Chi	65 — 68
13.— Phải sống (thơ TĐBN)	Đào-thanh-Khiết	69
14.— Hai lối mộng	Nguyệt	70 — 75

15.— Nhớ cổ hương (thơ)	Hoàng-Huệ	76
16.— Bác-sĩ trong thời kháng chiến	Bs Anh-Tuấn	77 — 79
17.— Hẹn mùa mai nở (thơ)Dạ-Oanh	80
18.— Nét sần trong đá (truyện dịch)	Lâm-Ngũ-Đường	81 — 88
19.— Thêm một xuân đoàn kết	Thiếu-Sơn	89 — 93
20.— Lá thư Saigon	Cô Minh-Đức	94 — 97
21.— Chua chát, gửi người... (thơ).Anh — Thủy	98
22.— Tuấn, chàng trai nước ViệtNguyễn-Vỹ	99 — 102
23.— Xem triển lãm hội họa	Châu-Giang	103 — 106
24.— Minh ơi!	Diệu-Huyền	107 — 112
25.— Những người đàn bà lưng danh.	Tân-Phong	113 — 117
26.— Người tù 69	Nguyễn-Vỹ	118 — 122
27.— Thư bạn đọc	P.T.	123 — 130
• Tranh vẽ	Ngọc-Dũng	



- * Chúng tôi hoàn-toàn không chịu trách-nhiệm về những bài lai cáo của bạn đọc, (theo thể-lệ chung của các tạp-chí quốc-tế).
- * Bài lai cáo không đăng, không trả lại.
- * Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiện trích đăng những bài trong tạp-chí PHỔ-THÔNG, nhưng yêu-cầu đề rõ xuất-xứ: « Trích Tạp-chí PHỔ-THÔNG » và đừng viết tắt.
- * Cấm trích, dịch, phỏng đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.
- * Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays. Copyright by PHỔ-THÔNG, printed in Việt-Nam.

Tổng-Phát-hành PHỔ-THÔNG ở Âu-Châu và Phi-châu

• Notre représentant général pour l'Europe et l'Afrique

• Our general agent in Europa & Africa

LONG HIỆP

13, Rue de la Montagne Ste. Geneviève — PARIS Vè

(vente — abonnements — Publicité)

W19982

101

Một hy - vọng

CHÍNH PHỦ CÁCH MẠNG

Sẽ thành lập một Hàn-Lâm-Viện chẳng



Sau khi bản nghị-án thành-lập Hàn-Lâm-Viện Việt-Nam của chúng tôi được thuyết trình tại Ủy-Ban Văn-hóa Giáo-dục trong Hội-đồng Nhân-sĩ, và đăng tải trong số đặc biệt Xuân Phồ-Thông vừa rồi, chúng tôi vui mừng được tin ông Bùi-tường-Huân, Tổng-trưởng bộ Quốc-gia Giáo-dục của tân Chánh-phủ Cách-mạng, đã bắt đầu đi đến sự thực hiện công trình cấp bách ấy.

Chúng tôi thành thật cảm ơn Giáo-sư Bùi-tường-Huân, Hội-viên Hội-đồng Nhân-sĩ, vừa đảm nhiệm Bộ Giáo-dục đã chú trọng ngay đến vấn-đề Hàn-Lâm-Viện Quốc-gia.

Nếu được như thế, nếu một thời gian gần đây nước Việt-Nam sẽ hãnh diện có một Hàn-Lâm-Viện Quốc-gia, thì Hội-đồng Nhân-sĩ và Chính-phủ Cách-mạng sẽ để lại một công tác trọng đại cho Văn-học-sử nước ta. Ít nhất, Chính-phủ Cách-mạng Lâm thời cũng sẽ có công kiến thiết được một công trình vĩnh viễn.

Chúng tôi ước mong một ngày gần đây được thảo luận với ông Tổng-trưởng Quốc-gia Giáo-dục về vấn-đề này, và góp một vài ý kiến thô sơ về việc tổ chức Hàn-Lâm-Viện Việt-Nam cho thích hợp với nhu cầu văn-hóa hiện đại.

Sẵn đây, chúng tôi xin phép được nhắc lại một đôi sự-khiện đã qua.

Ngay từ số 1 của **Phò-Thông tạp-chí** xuất bản lần đầu tiên tại Dalat, ngày 1-1-1950, trong bài xã-thuyết chúng tôi đã trình bày sự cần thiết cho nước Việt-Nam phải có một Hàn-Lâm-Viện. Sau đó, ông Nguyễn-Đệ, đồng lý văn-phòng của Bảo-Đại, đã hưởng-ứng ý-kiến của chúng tôi và đã dự-bị thành lập Hàn-Lâm-Viện. Nhưng Ông Nguyễn-văn-Tâm, Thủ-tướng chính-phủ thời bấy giờ, bỏ qua dự-án, viện lẽ nước nhà đang bị chiến tranh, chính - phủ không có thì giờ nghĩ đến việc khác không cần thiết.

Ngày nay chính-phủ Cách-mạng đã cương quyết xúc tiến các công tác khẩn cấp, cần thiết cho sự phát triển quốc-gia trên mọi lĩnh-vực, chính-trị, kinh-tế xã-hội cũng như văn-hóa. Bên cạnh Thủ-Tướng có một Thiếu-tướng Phó Thủ-tướng phụ trách về Văn hóa. Trong Hội-Đồng Nhân-Sĩ cũng có một Ủy-ban Văn-hóa Giáo-dục.

Chúng tôi được hân hạnh biết Thiếu-tướng Phó Thủ - tướng Đỗ-Mậu. Tuy là con nhà Võ nhưng ông rất ham mộ nhà Văn, và chúng tôi hoan hỉ được thấy Thiếu-tướng đặc-biệt lưu ý đến việc thành lập Hàn-Lâm-Viện.

Chúng tôi cũng vui mừng nhận thấy lần đầu tiên nước Việt-nam có một ông Tổng-trưởng Bộ Giáo-dục chú trọng đến vấn đề Văn-hóa Dân-tộc.

Đồng thời, chúng tôi có nhận được thư của một số các bạn trí thức Việt-Nam ở Hải-ngoại, rất hoan nghênh lời đề nghị thành lập Hàn-Lâm-Viện Việt-Nam. Trên lĩnh-vực Văn-hóa, Hàn-Lâm-Viện quốc-gia sẽ đưa nước Việt-Nam lên hàng ngũ các cường quốc văn-minh, và chứng tỏ sức sinh hoạt tinh-thần mãnh-liệt của Dân tộc ta.

Chúng tôi tin rằng tất cả những nhà Văn nghệ và Trí thức chân chính có ý-niệm về giá trị tinh-thần của Dân-tộc Việt-Nam, đều mong muốn sớm có một Hàn-Lâm-Viện.

Có điều này mà chú g tôi mong ông Tổng-trưởng Giáo-dục lưu ý, là sự cần thiết cấp-bách soạn-thảo một Bộ **Tự-điền Việt-nam** hoặc cũng có thể là một bộ **« Bách-Khoa Tự-Điền Việt-Nam**, mà trách-nhiệm và đảm bảo, dĩ-nhiên, phải gán cho một cơ-quan duy nhất có đủ thẩm quyền và uy-tín, tôi muốn nói : một **Hàn-Lâm-Viện Việt-Nam**.

★ Ai sẽ là người tham-gia trong Hàn-Lâm-Viện ? Đây chúng tôi chỉ xin góp một ý kiến thô sơ mà thôi.

Hàn-Lâm-Viện Việt-Nam có thể gồm 24¹ hoặc 30, hay 36 người chẳng hạn, trong đó thành phần Trung, Nam, Bắc sẽ bằng nhau, (thứ dụ mỗi phần là 8 hoặc 10, 12 người). Nó sẽ được lựa chọn trong những đại diện có khả năng văn hóa của mỗi ngành hoạt động chuyên môn, thương-mại, kỹ-nghệ, nông-nghiệp... mỗi ngành học thuật, văn học, khoa học... mỗi tôn giáo, Thiên chúa giáo, Phật giáo, Hồi giáo... v.v...

Hàn Lâm Viện phải là tượng trưng tổng quát của tất cả **những yếu tố tinh thần vật chất của dân tộc Việt-Nam**.

N. V.

NHÀ VĂN LÊ-VĂN-TRƯƠNG TẠ THẾ

Ông Lê-văn-Trương, một nhà văn nổi danh thời Tiền-chiến, tác-giả nhiều bộ tiểu thuyết có giá trị, vừa từ trần tại Sài-gon, đường hẻm Bùi-Viện, ngày 25-2-1964, hưởng thọ 59 tuổi. Chúng tôi rất cảm động báo tin buồn này cho bạn đọc và trân trọng chia buồn cùng Bà Lê-văn-Trương và tang quyến. Xin cầu nguyện cho Vong-Linh nhà Văn-sĩ tài hoa được tiêu diêu Tiên-cảnh.

NGUYỄN-VỸ

NHÂN MỘT NGÀY GIỖ

B
Í
C
H
-



K
H
Ê

GIỮA cái không-khí náo nhiệt của những ngày sắp Tết, ngày giỗ thi-sĩ Bích-Khê, đúng vào ngày rằm tháng chạp, được tổ chức thật đơn-giản, thật trang trọng tại nhà bà Ngọc-Sương, chị ruột của thi-sĩ. Trong một căn phòng ấm-cúng, hương khói tỏa đầy cùng với hơi trầm xông lên bàn thờ đặt ở góc trái, với hai ngọn nến đỏ chày từng giọt nước

mắt trước di-ảnh của thi-sĩ, một bình hoa glaiêul đỏ sẫm mà người yêu từ hơn hai mươi năm về trước đem đến cắm trước ngày giỗ một ngày, một đĩa trái cây và những phong bánh. Đến dự ngày giỗ Bích-Khê trong vòng thân mật gồm những văn-thi-sĩ tên tuổi như Nguyễn-Vỹ,

* Đinh-Cường

BÍCH-KHÊ

Đinh-Hùng, Nguyễn-ngu-Í, Tô-kiều-Ngân, Hoàng-trúc-Ly. Tiếc là thiếu hai người bạn thân của Bích-Khê: Tam-Ích và Hoàng trọng-Miên. Nhưng điều cảm động là sự có mặt của bà Ngọc-Kiều, người mà cách đây hai mươi năm là nguồn thơ, là vẻ xao-xuyến nhất của thi-sĩ, người đã bám tay vào điệu đàn của linh hồn chàng:

*Ôi! cặp mắt của người trong
tự ngọc
Sáng như gương và chớp chóa
kim-cương!
Mỗi cái ngó là một vì sao mọc!
Mỗi liếc yêu là phảng phất mùi
hương,
Hai mắt ấy chói hào quang sáng
ngọt
Dẫn hồn ta vào thế-giới thiêng-
liêng
Hớp nhiều trăng cho niềm tình
rất ngọt
Say nhạc hường nổi bỗng giữa
đào nguyên.
(CẶP MẮT — Tinh Huyết tr, 62)*

Bắt đầu buổi tiệc là lời cảm ơn của ông Lạc-Nhân Nguyễn-quí-Hương, anh rể Bích Khê. (Ông Lạc-Nhân là một nhà báo tên tuổi từng cộng-tác với báo Tiếng Dân của cụ Huỳnh-thúc-Kháng ở Huế, rất được bạn bè kính mến về tài-đức cũng như cuộc

sống trong sạch của ông) ông nhắc đến cái chết và sự nghiệp để lại của Bích-Khê cùng tin-tưởng ở sự-nghiệp “đáng kể” hơn ở các thi-sĩ đến dự, những nhà văn nhà thơ còn sống. Tiếp theo, ông mời nghe lại hai buổi tao-dàn kỷ-niệm Bích-Khê được ghi lại trong magnétophone, với giọng đọc của Thái-Thủy, tiếng sáo của Tô Lang, các giọng ngâm của Tô-kiều-Ngân, Hồ Điệp, Lê-Liễu, nhắc nhở đến một khoảng đời thơm hương tình-ái cùng những kỷ-niệm của thi-sĩ. Trong bàn tiệc còn được Nguyễn-Vỹ nhắc đến một Hàn-mặc-Tử với lần ngồi sát nhau ở bãi biển Qui Nhơn — lúc đó Hàn-mặc-Tử vừa mới phát bệnh phung — và ai cũng xa-lánh chàng — Nguyễn-Vỹ còn mỉa-mai: bây giờ Qui-Nhơn hân-hạnh có mộ Hàn-mặc-Tử ở trên cao Ghềnh-Ráng, chứ chính lúc trước dân Qui-Nhơn ghét Hàn nhất.

Đinh-Hùng nhắc đến một Mai Đình với gương mặt đỏ khác thường là người yêu đã lán-xã vào với Hàn-mặc-Tử.

Hàn-mặc-Tử là người đầu tiên cảm phục thơ Bích-Khê, thúc-dẩy Bích-Khê, viết bài ca-tụng Bích-Khê đăng ở báo Trong Khuê

BÍCH-KHÊ

Phòng: “Mồng tám Tết năm ngoài (1938) tôi nhận được ba bài thơ của Bích-Khê ở Phan-Thiết gửi tặng tôi. Ba bài ấy đã làm cho tôi sững-sốt với cái khò-điêm của thiên tài sắp sửa...”

«... Suốt trong năm 1938, tôi hết sức khích - lệ chàng, mong-mỏi ở chàng một thi sĩ xuất-sắc cao cường».

(Trong *Khuê Phòng* số 98, 10 *Jun 1939*)

Sau này Hàn - Mặc - Tử trở thành bạn chí thân của Bích Khê và thường ra vào thăm nhau (Hàn Mặc Tử ở Qui Nhơn và Bích Khê ở Quảng Ngãi rồi sau vào Phan Thiết). Bà Ngọc Sương nhắc đến một người bạn thân khác của Bích Khê là Chế Lan Viên. Nguyễn-Vỹ kể lại sự chua xót mà Thế Lữ, — vì sự kiêu ngạo và làm Chế Lan Viên là người Chàm thật, rồi chê thơ Chế Lan Viên, Hàn Mặc Tử, Bích Khê (thật ra đó là sự ích kỷ và lòng ghen ghét của Thế Lữ đã cố đim những nhà thơ cùng thời, cũng như Tự lực văn đoàn không nhận in thơ Hàn Mặc Tử) Chế Lan Viên gần gũi với gia đình Bích Khê nhiều nhất. Lần Bích Khê nằm bệnh, Chế Lan Viên về tận Thu Xà thăm. Bích Khê mừng ứa nước mắt.

Đến nửa phần tiệc còn có

những mẩu chuyện vui và rất thật, của những người bạn đã sống gần nhau thời tiền chiến. Đinh Hùng kể chuyện đi xe lửa với Lưu Trọng Lư. Lưu Trọng Lư là người mơ mộng nhất, lẫn thật với hư. Một hôm hẹn với người yêu ở Thanh Hóa, nhưng khi tàu qua Thanh Hóa, Lư lại không xuống. Tàu qua khỏi rồi Lư lại không biết là mình đi đâu, sau rốt vì là chuyến tàu direct nên Lư theo vào đến tận Saigon !

Nguyễn Vỹ nói thêm : có hôm vừa đi chơi ở đâu về còn mặc quần tây trắng, gặp Nguyễn Vỹ đến rủ đi, Lưu Trọng Lư lại mặc thêm một cái quần khác vào, đến lúc ra Bờ Hồ, Nguyễn Vỹ chỉ cái quần trắng lôi ra, Lư mới hay và đứng cởi quần ngay nơi Bờ Hồ, thật rõ là quá đời mơ mộng (con người như vậy mà bây giờ là người sống mầu mực và đặc lực nhất ở Bắc Việt). Tô Kiều Ngân còn nhắc đến nhà thơ thời kháng chiến Trần quang Dũng tưởng đã chết ở Bắc Việt, bây giờ lại sống lại ở bên kia Bến Hải. Chính thời kháng chiến đã làm cho cái chết của Bích Khê ít người biết đến, bạn bè ở xa không về đưa đám được và đi cào bị thất lạc gần hết trong những trận bom.

BÍCH-KHÊ

Giữa câu chuyện qua lại, Nguyễn Vỹ còn nhắc đến cô Minh Đức vừa ở Pháp về, nói trường thơ Bạch Nga của ông được lancer ở Pháp nhờ Minh Đức, Minh Đức còn là fondateur của cái Club P.C.A. (Pas comme les autres) gần những người sống ‘không như những người khác’. Tôi nhớ lại một cô hay mặc áo dài đỏ đứng trong Cầu lạc bộ Văn nghệ ở sân Phan đình Phùng, hỏi Nguyễn đăng Thực chủ trương Văn nghệ Tập-san, khoảng 57-58. Bây giờ thì khác hẳn.

Buổi tiệc tiếp tục cho đến mười giờ tối, những que nhan được thắp tiếp nối, hai hàng nến tàn dần, giọng ngâm thơ trong magnétophone thật trầm, thật buồn. Cùng với giọng hát ràn rụa của Jackson trong nhã nhạc « Silent Night, Holy Night » hương trầm loang ra và bà Ngọc Kiều ngồi đáng e-dè ở đầu bàn, tôi bắt gặp trên nét mặt người thiếu phụ một thoáng buồn như hồi tưởng lại cả một vùng kỷ-niệm thiên đường từ xa lắm — từ những đêm đến lớp học để nhìn ánh mắt ngừng lại của người yêu trong khi giảng bài, hay những bức thư tình qua lại cùng Bích Khê...

Khi buổi tiệc sắp tàn, ông bà Lạc Nhân bàn tính in lại Thơ

Bích Khê gồm Tinh Huyết (đã xuất bản 30 décembre 1939) và Tinh Hoa (di cảo chưa xuất bản), được thêm ý kiến của Nguyễn Vỹ và Đinh Hùng, sẽ cùng giới thiệu với ông Lãng Nhân Phùng tất Đắc, nhà văn và là chủ nhà in I.D.E.O. đề in. Có lẽ ra Tết, gia đình Bích Khê sẽ lo hoàn thành tập thơ đó để những người yêu thơ được giữ lại, dù sau này « trời đất nổi cơn gió bụi » cũng không thể cuốn mất những gì còn lại của Bích Khê.

Bây giờ thì tiệc đã tàn. Tôi muốn nhắc lại cùng các bạn cái khung cảnh, mà ở đó, Bích-Khê đã sống, đã lớn lên.

Mùa hạ năm ngoài tôi từ Huế vào Quảng-Ngai để về thăm Thu Xà. Thu-Xà cách bến xe khoảng mười cây số. Với một con đường gồ ghề đá sỏi, hai bên là đồng lúa xanh mát rượi, thỉnh thoảng có những trạm canh của dân vệ, tôi đi ngang một ngã tư mà Tạ-thu Thâu đã bị bắt tại đó — thời kỳ Việt-Minh — con đường còn ghi lại dấu vết chiến tranh đó đã đưa tôi đến nhà Bích-Khê, lúc trời đã chạng vạng. Tôi bước vào một sân trồng đầy hoa hồng, cảm giác thật êm đềm, tôi hỏi thăm bà Ngọc-Sương và người cháu của Bích-Khê vừa ở Sài-gòn ra. Tôi

được giới thiệu với một mẹ già tóc bạc trắng nhưng còn khá sức khoẻ, tôi cúi đầu chào. Đó là thân mẫu của Bích Khê. Năm nay đã 82 tuổi. Sống cùng với người anh trưởng và hai chị của Bích-Khê. Gia đình gồm 8 chị em. Bích-Khê là con út. Anh chị em Bích-Khê phần đông đều có tâm hồn văn nghệ. Gia đình thuộc trung lưu, nhưng vì là con út nên Bích Khê được hưởng đầy đủ sự nuông chiều. Buổi sáng tôi đi thăm mộ cùng với người cháu Bích Khê. Mộ Bích Khê nằm thật buồn cạnh hàng tre già cao vút, giữa một mảnh đất của hội quán. Trời nắng chói chang tôi đứng mãi bên mộ thi sĩ. Những con chim từ núi bay về đậu trên những nắm mộ và đàn bò dạo ăn cỏ thản nhiên, tôi chợt nhớ bài thơ Nắm Mộ của Bích Khê thật hoang vu như nghĩa trang nhưng trầm ấm tha thiết :

*“ Mây tuyết, thời gian bay tợ
nhạc*

*Hồn tôi đã thoát đã tiêu dao
Những tờ thơ nát đầy hơi hám
Tay khách đa tình sẽ chuyển trao
Rời những mùa thu vô hạn thương
Trở về dưới biển chấp chờn hương
Mùa thu ám ảnh nhà thi sĩ
Muốn thời tiêu vàng giữa khóm
sương
Gió tiêu sẽ quạt buồn thanh tịnh*

*Về chốn thôn già viếng mã tôi
Bầy cỏ xanh xao, mây lớp phủ
Trên mồ con quạ đứng im hơi !.*
(trong Tinh Hoa chưa xuất bản)

Tôi nghĩ đến mộ Hàn Mặc Tử được xây trên Ghềnh Ráng có tượng Đức Mẹ trắng ngay đầu mộ, chiều mây trắng phủ đầu, nghĩ đến một vùng mộ trồng toàn hoa violettes của thi sĩ Anh John Keats, trên bia không đề tên mà chỉ đề :

« Here lies one whose name was writ in water » (Nơi đây an nghỉ một người mà tên đã ghi trên mặt nước), đề rồi ước mong mộ Bích Khê sẽ được xây trên một ngọn núi của tỉnh Quảng Ngãi (chính gia đình Bích Khê cùng đã dự định từ lâu). Hình ảnh miền quê hương Bích Khê với xóm dừa Cỏ Lủy, một bến sông qua Phú-Thọ. Những mảnh đá to nhìn xuống biển xanh tuyệt diệu. Tôi đã đứng trên cao đó, sau nhà bác Khâm, nhìn về núi Thiên Ân, núi Thiên Bút và dòng sông Trà Khúc với bãi cát trắng muốt.

Bích Khê đã ra chào đời giữa hai yếu tố thiên nhiên đó : núi và sông. Tên thật là Lê-quang-Lương, sinh ngày 21 tháng hai năm Bính Thìn, tức là ngày 24 tháng 3 năm 1916. Sinh hạ trong một gia đình Nho-giáo có tư tưởng cách



Phần mộ Bích-Khê tại Thu-Xà

mang Ông nội làm quan triều Tự Đức, đã tự treo cổ hủy mình khi không chịu vì lợi danh mà sát hại dân chúng. Ông thân sinh là người thông-uyên Hán-học, có dự vào những cuộc vận động xuất dương của cụ Phan chu Trinh.

Năm 13 tuổi, ra Đồng Hới học Tiểu học và đỗ đầu kỳ thi Tiểu học Pháp-Việt toàn tỉnh vào năm sau.

Theo ban Trung-Học tại trường dòng Pellerin, Huế (Hàn Mặc Tử cũng học tại trường này). Học xong ban Trung Học năm 1932, Bích-Khê ra Hà Nội học tự. Về văn chương, tài-năng của Bích-Khê phát triển rất sớm. Năm 12

tuổi bắt đầu làm thơ Đường-Luật, mà ông thân sinh đã phải làm ngạc nhiên, nên để có bạn đến chơi nhà là ông đem ra khoe tài con mình.

Nét mặt lúc nào cũng trầm buồn, cuộc đời Bích-Khê luôn luôn thay đổi và kéo dài những chuỗi ngày đau yếu.

Nhân dịp hè, Bích Khê rời Hà Nội. Cùng người bạn vào Phan-Thiết sống với người anh đang làm việc tại đó. Sự cuộc sống không được đầy đủ, Bích-Khê bàn với bạn mở một trường tự. Nhờ sự vận động của người chị và sức giúp đỡ của hai anh nên trường được mở. Trường

sống được 2 năm, thành linh người chị bị Tòa Mật-thám bắt giải về quê-quán, Bích Khê buồn thương chị, lại thêm trường thiếu một tay đảm đang, sau đó ban giáo-học lại không được hòa-hảo, nên Bích-Khê chán-nản bỏ lên chùa ông Rau ở (chùa ông Rau ở núi Tà-Cú, Phan-Thiết), sau đó lại thất-vọng nặng nề giữa tình bằng-hữu, giữa tình thương yêu đầu tiên trong đời, Bích Khê rời Phan-Thiết về quê sống với mẹ. Tính rụt rè và ít giao-thiệp, cửa phòng Bích-Khê luôn luôn khép kín, sống cạnh mẹ và say đắm với nàng thơ, mãi mệt đến nỗi đau ngực, gia-đình đưa ra Huế soi diện mới biết là phôi yểu, Bích-Khê phải nằm dưỡng-bệnh tại đây hơn một năm. Bệnh lành, Bích-Khê lại về sống bên mẹ. Lúc ấy vào năm 1936. Bích Khê xin mẹ cho ở cùng nơi, từ núi xuống biển, và sau cùng lại dời vào ở hẳn trong chùa, ăn chay trường trai và tụng kinh Phật, nhưng rồi lại rời khỏi cảnh tịch ấy trở về nhà. Bích Khê sống mát-mẻ bên lòng mẹ, lòng chị. Nhờ hoàn-cảnh và tình gia-đình đậm-đà, Bích Khê ở nhà được một thời-gian khá lâu. Thời kỳ này Bích-Khê sáng-tác rất nhiều thơ Đường Luật, gửi đăng ở các báo Tiếng Dân, Tiểu-Thuyết thứ

năm, Người Mới với bút hiệu Lê-mộng-Thu hoặc Bích-Khê. Sau Bích Khê chuyển sang làm thơ mới như các thi sĩ Thế-Lữ, Lưu-trọng-Lưu, Huy-Thông, Thái Can v.v... gửi đăng ở Phụ-Nữ Tân-Văn ở Saigon. Bích Khê bắt đầu đọc say mê Valéry, Mallarmé, nghiên-cứu Baudelaire, Verlaine, Rimbaud. Năm 1938 lại vào Phan-Thiết, đi dạy Trong một lớp tối Bích-Khê bắt đầu cuộc đời tình-ái của mình: một cuộc tình hết sức thơ-mộng và cũng là một kỷ-niệm đầy đau thương đã diễn ra ở đó.

Trong số học sinh lớp tối, Bích Khê để ý đến một cô học trò tên Ngọc-Kiều — với cử-chỉ dịu dàng và tính nết dễ thương— Rồi Bích-Khê yêu, yêu với lòng chân thành, si mê. Tuy là thầy nhưng Bích Khê không lớn tuổi hơn Ngọc-Kiều mấy, và nàng đã đáp lại bằng một niềm yêu-thương thăm kín. Ngọc-Kiều đẹp, có đôi mắt thật buồn, buồn như biết trước truyện tình sẽ tan vỡ, dù rằng mối tình trở nên khấn khít giữa hai người. Thời gian làm tăng thêm sự khấn-khít ấy. Và hai người định việc kết hôn. Bích Khê biên thư bày tỏ cùng gia-đình. Gia-đình vào Phan-Thiết đề cập người đến hỏi ý-kiến gia-đình Ngọc-Kiều. Một sự bất ngờ chưa

chất mà Bích Khê không thể ngờ trước là gia-đình Kiều từ chối. Viện lẽ đã hứa với một người khác. Trước sự ép buộc của gia-đình, Kiều bạo dạn bày tỏ là chỉ yêu một mình Bích Khê nhưng gia-đình vẫn không chịu. Ngọc-Kiều buồn, ốm nặng và như phát điên. Gia-đình Kiều thấy con càng ngày càng rối loạn thần kinh nên đành ưng thuận, cho người mời gia-đình Bích Khê đến tính việc hôn nhân, nhưng vì lòng tự ái quá cao nên Bích Khê từ chối Mặc dù Bích-Khê yêu Ngọc-Kiều không cùng. Sau đó, Bích-Khê và Ngọc-Kiều vẫn thường thư từ an ủi nhau và thỉnh thoảng gặp nhau, thương khóc cho mối tình. Cũng từ đó, thơ-đau-thương Bích-Khê tuôn ra lai-lãng, Bích-Khê thường gửi cho Hàn-mặc-Tử xem, và tâm-sự với Hàn-Nam. Năm 1940, Bích-Khê trở về sống với người anh thứ tại Sông-Cầu rồi về Thu-Xà để dự lễ cưới của chị. Cũng trong năm này, chứng bệnh đau phổi trở lại với Bích-Khê, Bích-Khê lại ra Huế, nằm chữa bệnh tại bệnh viện Pasquier một thời gian rồi về nhà tự điều-trị. Thấy Bích-Khê yếu nhiều, gia-đình thêm lo-lắng. Sau những ngày chán-chê cuộc sống, yếu đi vì đau ốm, Bích-Khê cảm thấy cô-đơn khốc-liệt,

chiều chiều Bích-Khê ra ngồi trước sân như chờ một người quen trên dặm mòn:

*Ôi chiều mùa thu sao mà buồn
Tàng khói biếc đầy... tràn về thôn
Giòng sông như đờ không muốn
chảy*

*Có phải hôm nay chở nặng hồn?
Gió về mang cả mù lắng-tầm
Buồn cất lên đờn những miếng đờn
Người viễn-khách, lòng sầu vạn
cỏ*

*Dặm mòn muốn gặp một người
quen*

(DẶM MÒN - trong Tinh-Hoa,
chưa xuất bản)

Mặc dù thuốc than đầy đủ, tâm bồ rất nhiều, nhưng càng ngày Bích-Khê càng xanh xao tiêu tụy. Một hiện tượng lạ là cách bốn, năm năm về trước, khi nằm dưỡng bệnh lần đầu tại nhà thương Huế, Bích-Khê nằm mộng thấy một nàng tiên hiện ra giơ cao tay rải từng mảng bông vải. Bông bay trắng xóa và rơi xuống đất rập lẩn thành chữ và thành bốn câu thơ. Bốn câu thơ ấy báo cho Bích-Khê biết là sẽ chết vào Lập xuân Nhưng bao mùa xuân qua, Bích-Khê vẫn sống, nên hết tin ở cái chết vào mùa xuân của mình.

Đến năm 1945 diêm mộng

ấy lại tái hiện, một hôm, giữa đêm trăng, Bích-Khê bảo người nhà đi ra sân ngắm trăng, ánh sáng xanh dịu của trăng đã khơi lại tâm sự ngày cũ. Mỗi tình xưa, người xưa lại sống về hồn thi sĩ. Sáng hôm sau, Bích-Khê trao cho chị bài thơ « Làng Em » và nói : « em mong một bóng hình trở lại nhưng không bao giờ » :

*Nơi đây : làng cũ buồn thu
quạnh !*

Anh có khi nào trở lại chưa

*Ngày đi chậm lắm. Giòng sông
biếc*

*Hừng sáng trong trời sợi sợi
mưa*

*Nơi đây : thành phố đời ngưng
mạch*

*Mấy nàng lai khách vẫn buồn
mơ*

*Đường lên hội quán sương
khuya xuống*

Đâu mái chèo trai rơi nhớ nhờ?

Anh có khi nào còn trở lại

Chờ lúc hoàng hôn trăng đã lên

Tìm ngõ nhà em anh sẽ thấy

*Khóm lan thơm nặng khí ưu
phiên*

Là lúc đêm về trên mái ngói

*Những nhánh nhàn muện cánh
dơi bay*

*Em đang nôi bệnh trong phòng
vắng*

*Tình đậm theo trăng sáng sáng
đầy*
(Trong Tinh-Hoa, chưa xuất bản)

Rồi như trăng sao mang niềm cảm nghĩ ấy đến cho Ngọc-Kiều. Một hôm, thỉnh linh Bích-Khê nhận được thư Kiều gửi thăm, cho biết đã có chồng và hai con. Nàng xin phép Bích-Khê cho nàng được về thăm, vì tình xưa vẫn không chết trong lòng nàng. Bích-Khê nửa mừng nửa ngại. Cả nhà đều vui mừng sắp được tiếp Ngọc-Kiều, vì đó là niềm an ủi cuối cùng cho những ngày tuyệt-vọng của Bích-Khê. Thư trả lời đồng ý. Kiều từ Saigon ra Thu-xà, hai người gặp nhau nghẹn ngào, Kiều úp mặt vào tay khóc mướt. Ở lại Thu-xà mấy hôm rồi nàng từ giã, để lại cho Bích-Khê một hồn đau, một xác gầy. Bích-Khê tiễn nàng ra cửa với cảm-giác vĩnh-biệt. Cách mười hôm sau, Bích-Khê nhận được đồ cam của Kiều từ xa gửi về, và cũng từ đó, Bích-Khê không bao giờ trông thấy bóng nàng nữa.

Bệnh tình Bích-Khê càng đi lẫn vào tuyệt-vọng. Gia đình vẫn chạy thuốc than đầy đủ cho đến phút cuối cùng. Vì Bích-Khê biết trước cái chết của mình nên vẫn tươi tỉnh, nói chuyện

nhieu và vui vẻ an - ủi gia đình. Trước hai tháng từ giã cõi đời, Bích Khê cứ tụng niệm « Di-lạc-tôn-Phật » và tin tưởng ngày nhắm mắt có Phật đến rước. Nhờ sức tin tưởng mãnh liệt ấy, nên sự chết đối với Bích Khê như Bích Khê sắp trở về quê, cái quê hương đầy hương hoa hạnh phúc.

Qua mùa đông, trời bắt đầu lập xuân, Bích Khê sửa soạn cho mình cái chết, Bích Khê xin mẹ mua một bộ đồ trắng mới và gọi chị lại nhờ chép lời di chúc trao cho mẹ, căn dặn mẹ phải làm đúng. Những lời di chúc Bích Khê đề lại như sau :

1) Khi chết không được khóc
2) Chết xong liệm liền chôn liền
3) Đám rất giản dị, một cái hòm vừa kín, một tấm drap đắp điệu thi hài và khi chôn không cờ trống.

4) Những bà con, bạn bè đến chúc điếu, tiền bạc không nhận, phải đem trả tận nhà.

5) Ngày cúng giỗ chỉ một nén nhang, một bình hoa, không cúng cơm cá.

6) Tập thơ « Tinh Hoa » chị và anh về mang quyền xuất bản.

Một tối sau khi ăn cháo xong, Bích Khê gọi mẹ lên ngồi một bên, nói cho mẹ biết là còn ba ngày

nữa, nhắm ngày rằm, Bích Khê sẽ chết. Và nói cho người xuống chùa Phú Thọ xin phép mời một vị sư, bạn cũ của Bích-Khê, lên ở với Bích-Khê 3 ngày đêm để tụng kinh cho Bích Khê nghe. Đến đêm thứ ba thì Bích-Khê trút hơi thở cuối cùng. Đúng như lời Bích-Khê nói. Lúc ấy là 12 giờ khuya ngày 15 tháng chạp năm Ất-Dậu (tức là ngày 17-1-1946). Cái chết đến với Bích-Khê nhẹ nhàng quá, nhưng cũng chưa xót làm sao. Người ta nghĩ đến bệnh lao. Nghĩ đến cái tuổi 30 phải lia khỏi đời. Nghĩ đến những thi-sĩ văn sĩ chung số phận : Keats sau mấy năm khổ cực với vi trùng lao đã trờ trần tại La Mã, Thạch Lam, Vũ-trọng-Phụng đã chết trong sự cơ-hàn cay-cực tại Hà Nội.

Khi mùa Xuân tới, khi cảnh vật chung quanh hồi-sinh lại, thì Bích-Khê qua đời. Bích-Khê qua đời giữa mùa Xuân tao-loạn. Chỉ có sự chứng-kiến của gia-đình. Năm mộ năm thật buồn qua những năm chiến-tranh cho đến bây giờ, sau 17 năm, tôi được dịp về thăm, được nằm lại trong căn phòng hoang-vắng của Bích-Khê mà cửa sổ nhìn ra một sân đầy hoa-hồng, những cánh hoa hồng mà tôi đã

hái đến cảm trước mộ Thi-sĩ,
đề rồi những trẻ chăn bò đến
lấy mang đi...

Saigon, 29-1-1964.



★ Trích điểm thơ Bích-Khê
XUÂN TƯỢNG TRUNG

Hỡi lời ca man dại
Điệu nhạc thờ hơi rừng,
— Đêm nay Xuân đã lại
Thuần túy và tượng trưng
Nâng lên núp vú đời
Sữa trắng nhi nhĩ giọt ;
Bay qua cụm liễu phơi
Những cườm tay diềm hột
Sương — Phất phơ lau lách,
Khe uốn mình giai nhân :
Đường non khéo điêu khắc
Những dáng hình khỏa thân :
lạ mây nầy vàng chạm,
lìa ngọc bén màu ngân.

Chủ xuân đương triều lăm !

Lời ca như hạc theo
Gió lên. (Tình mùa reo
Những điệu vầng châu báu
Đường cổ con chim báu
Ria cánh trên ngại lòng).
Xède xède màu lông công,
Vườn thơm khua sắc mát :
Rồng uốn vốc từng cong
Áo bạch mai khoát khoát ;
Mội-đào chờ khoát lạc..

Hồn tôi như đỉnh hương
Bốc lên mình thánh giá
Ý xuân mát đến xương
Ngậm tuyết phun lá chả !
(Trong tập *Tình Hoa*,
chưa xuất bản)

TỶ BÀ

Vàng sao nằm im trên hoa gầy
Tương tư người xưa thôi qua
đây

Ôi ! Nàng năm xưa quên lời thề
Hoa vừa đưa hương gầy đê mê

Tôi qua tìm nàng vay du dương
Tôi mang lên lầu lên cung
Thương

Ôi tôi bao giờ thôi yêu nàng
Tình tang tôi nghe như tình lang

Yêu nàng bao nhiêu trong lòng
tôi

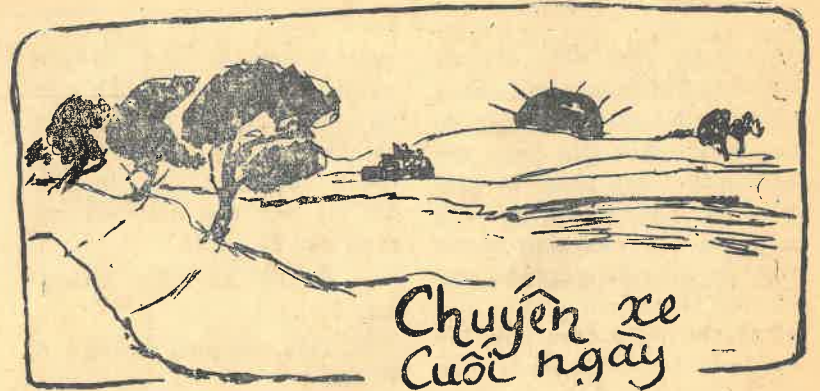
Yêu nàng bao nhiêu trên đôi môi
Đâu tìm Đào Nguyên cho xa xôi
Đào nguyên trong lòng nàng
đây thôi

Buồn lưu cây đào xin hơi xuân
Buồn sang cây tùng thắm đông
quân

Ô ! Hay buồn vương cây ngô
đồng

Vàng rơi ! Vàng rơi : Thu mênh
mông.

(*Tình Huyét* — trong 25.)



TRUYỆN NGẮN

★ *Mỹ-Khanh*

TUẤT lượn một vòng
nửa quanh bên xe rồi mới
chịu đạp đi thẳng. Vài người
đàn bà ngồi xếp bên vệ
đường, với chiếc mũng cũ
kỹ cấp ở nách, nói chuyện
rì rầm. Nó đã thừa biết đó
là những người làng bán quà
vật tại đây, bây giờ hết hàng
ngồi đợi chồng, con chờ về,
song đi ngang qua họ, nó
cũng lên tiếng : « Ra không ?
ra không ? » Họ quen câu
hỏi lầy lẹ, chẳng ai trả lời.

Buổi chiều, cảnh bên xe
thừa khách trông buồn tẻ.
Những chiếc ô-tô hàng đủ

kiểu, sơn đủ màu, đậu ngay
ngăn một dãy, trông trơn,
vẳng lạng. Chúng nằm nghỉ
sau những giờ hoạt động ồn
ào đê rồi lại sẵn sàng phăng
phăng trên đường thiên lý
đưa đón khách mười phương.
Mấy bác cảnh binh trong trạm
gác đã xếp sổ sách cho vào
cặp, còn nán lại mời lẫn nhau
điều thuốc trước khi ra về.
Vài cô hàng bún, chị bán giải
khát, ông hàng phở già cũng
đang thu dọn. Có giọng đàn
bà cãi nhau về tiền bạc nổi
lên chỉ chóc một góc đường.
Tuất đạp đi chậm rãi. Từ đây

về nhà nó hơn năm cây sô, nó cũng không cần vội vàng cho lắm. Nó có vẻ như vừa đi vừa ngắm cảnh trời chiều với đám mây trắng lững lờ trôi vô định, hoặc chiêm ngưỡng mây tòa nhà của tinh lý tân thiết ẩn hiện đằng xa. Nhưng kỳ thật là nó mãi nhằm tính về sô thu ngày hôm nay. Nó hơi buồn buồn. Hai buổi cộng lại, nó mới cảm được 20 đồng, con sô chỉ mới bằng nửa mọi người. Nó không tin dự đoán, nhưng khi sáng ra khỏi ngõ, nó gặp cụ Răng, một người đàn bà có tiếng « gay » nhất xóm, nó đã không bằng lòng rồi. Suốt buổi, nó gặp toàn những khách hàng — theo lời nó — Không « ngon » một tí nào. Đầu tiên, một ông lão khăn đen, áo dài, che dù cẩn thận bảo nó chờ đi quận. Nó đoán ông cụ cũng bậc thân hào nhân sĩ đi dự hội nghị hội nghiêc gì đây. Nó bèn ráng đập cho êm, giữ vững tay lái. Mỗi khi một chiếc Jeep nhà binh lướt qua, ông già nín thở nó muốn ngã. Lên cái dốc, nó ráng thiêu điều hụt hơi mà vì tự ái, nó không bảo ông cụ xuống. Nó muốn rằng khách hàng phải xem nó như một

người lớn đi thỏ chuyện nghiêp, nó rất sợ khách ngờ vực tài nó. Nó sợ họ chỉ nhìn cái thân hình chưa mấy trưởng thành của nó, không tin vào đôi tay tuy còn non mà có thừa sức rắn chắc :

— Ê, chờ có được không mấy ?

— Dộc này phải xuống à ? Tệ rứa !

— Thôi, để kêu xe khác. !

Vậy mà, đến nơi, ông già đưa nó có bốn đồng bạc. Nó kỳ kèo, xin một chục. Ông cụ độc túi nói :

— Qua đi khiêu nại về việc ruộng đất em ơi, có tiền đâu cho nhiều.

Đứng nài nỉ mãi, nó mới được một đồng bạc nhôm trắng, ý hẳn còn sót ở túi áo trong, nó không còn biết nói câu gì nữa, lặng lẽ quày xe ra. Mãi gần trưa, có hai mẹ con người đàn bà nhà quê đi phở sấm vật vờ, gọi nó. Sau khi buộc giỏ hàng cho bà vững vàng rồi, và bê thùng con đặt lên *porte-bagage* phía trước, nó ngồi lên yên giữ tay lái cho bà lên phía sau rồi mới đập đi. Bà ta cứ luôn mồm dặn thẳng con :

— Ngồi yên nghe con, cho khéo đó con, rồi dặn Tuát :

— Chờ cho vững đó em !

Tuát nổi khùng, buông sông :

— Té chết đâu mà bà lo quá rứa !

Ngồi sau Tuát, bà khách không cãi lại nữa lời, nhưng nó đoán bà ta không bằng lòng cho câu nói trắng trợn của nó, không một tý cử kiêng gì hết. Lúc đến nhà, soát lại giỏ hàng thấy đồ chai nước mắm, bà ta quát tháo ầm lên rồi đòi bớt tiền, không đưa đủ sô mười đồng đã trả giá trước. Trời nắng như thiêu như đốt, phần bụng đói, Tuát cúi lên, vắt tờ giấy bạc vào chân bà khách để phản kháng cái việc bớt tiền xe. Vào nghề, dần dần nó cũng học thêm những cử chỉ, những ngôn ngữ để bảo vệ cho nguồn lợi thiết thực của sức lao động, đòi với một sô khách hàng hay kỳ kèo, chỉ li từng đồng bạc. Nó thường tuyên bố một cách rất... anh hùng :

— Chẳng thà chờ rẻ 5, 10 đồng cho những kẻ biết điều,

tôi không tiêc, còn cái hạng đó thì... thì nửa đồng cũng không sai được với tôi ! Phải là người có mặt ở đây lúc bây giờ, mới thấy được vẻ cương quyết của nó, và mới thấy cái giá trị của câu vừa tuyên bố. Nó lên tay, xuống ngón trẻ môi, há miệng làm đủ điệu bộ.

Thằng Tuát mới vào nghề chừng hơn tháng nay. Sô là nó cũng chưa đi làm, với cái tuổi mười bảy còn non nớt và cái thân xác chưa hoàn toàn nảy nở như nó. Nhưng ở đây nó thể chân người anh vào nghề từ lâu, có danh sách ở nghiêp đoàn xe thỏ.

Sau ngày tiếp thu, sự buồn bán được mở mang, các công trình kiên thiết có cơ hội phát triển trong những vùng quê gần thị xã. Người ta dùng chiếc xe đạp làm phương tiện vận chuyển hàng hóa mua sỉ từ phố quận về bán lẻ trong các tiệm buôn nhỏ tận xóm làng, lần hồi công việc ấy đã tạo cho người dân lao động thành một nghề thực thụ. Và những người đàn ông đồng ruộng đã

biết xoay chiều đổi hướng, kiếm thêm cái nghề nẩy vào nghề nông vốn dĩ cổ truyền của họ, để tăng số ngân quỹ gia đình cho kịp với mức sống tối thiểu hiện tại. Anh hai Ngọ — anh cả thằng Tuất đi thổ đã năm sáu năm, từ ngày cũng còn non nớt, ngớ ngẩn hơn nó bây giờ nữa. Hồi ấy mẹ nó không chịu cho đi, nhưng anh hai nó năn nỉ hoài, mẹ nó cũng xiêu lòng không biết có phải vì ở lứa tuổi đó, Ngọ dễ có óc bắt chước anh em, và thích làm những việc có vẻ kẻ cả. Khi Ngọ có ý vào nghề đi thổ để giúp mẹ nuôi đàn em đỡ vất vả, thì bà Tân ứa nước mắt liền, và đề khoe với xóm giềng sự hiểu hạnh của con. Bà vui vẻ bán con heo độc nhất trong chuồng, vay mượn góp thêm một nghìn đồng. Năm tháng đi qua cùng với sức khoẻ của đứa anh lớn trong nhà ngày một trọng tuổi, gia đình nó có vẻ phong quang hơn xưa. Mẹ nó đã thôi đi làm mướn, mấy em nó đã có quần áo sạch sẽ và đi học trường làng. Bữa cơm nào cũng có cá, canh đầy đủ. Cái chuồng heo bây giờ đã xây thêm

chiều dài vì không phải một con heo mà đến ba con. Ngọ cưới cô vợ rất xinh, mỗi khi cười lộ chiếc răng vàng bên khoe. Tuy vậy, ngày hai buổi, anh ta vẫn không rời chiếc xe đạp cũ kỹ đón khách, chờ hàng. Hồi đầu năm nay, Ngọ đi thi hành quân dịch, vào tận Lục tỉnh Nam-phần xa vắng. Mẹ nó mất đi một cánh tay phải, cả ngày buồn ủ ê, lo cho vận-đề sinh sống của gia đình. Thịnh thoảng, Ngọ cũng nhận tiêu gửi một đồng lương về giúp mẹ mong phần nào lập bớt khoảng trống do nó ra đi. Nhưng gần đây, suốt bốn năm tháng liền, mẹ nó không còn được cầm mảnh giấy báo tin vào nhà bưu điện lãnh thư báo đảm và run tay xé ra nữa. Việc ấy đã có kẻ khác làm, không ai xa lạ ngoài con dâu bà, có nụ cười xinh để lộ chiếc răng vàng bên khoe miệng. Anh nó, có vợ, đã quên nghĩ đến mẹ và đàn em còn vụng dại.

Đền lượt thằng Tuất năn nỉ mãi, mẹ nó mới đồng ý cho nó ra nghề, nhập vào nghiệp đoàn, thề chầu cho anh hai. Buổi sáng đầu tiên

nó dắt chiếc xe ra ngõ, mẹ nó đã đứng trong sân nhìn theo, ái ngại cho thân hình còn non nớt của con sớm phải dạn dày nắng gió, cũng như ngày nào bà đã nhìn theo mà ái ngại cho thằng con cả. Hôm ấy, Tuất mở hàng được may mắn. Buổi chiều, khi làn khói xám quện trên mây mái tranh thôn Hạ, nó hân hoan đạp xe về cầm bốn chục đồng bạc đặt vào tay mẹ nó. Những mẫu giày năm giày mười nhàu nát, đen đui từ trong túi quần thằng bé lầy ra đã làm cho mẹ nó rơm rớm nước mắt. Bữa cơm tối hôm ấy đôi với nó ngon đặc biệt, từ hồi người anh ra đi mặc dầu mẹ nó chưa sắm món gì lạ ngoài canh rau là thức ăn căn bản.

Sáng dậy, nó định vớ chiếc áo trót dầm mồ hôi đêm qua mặc vào đi làm thì tìm hoài không thấy. Nhìn ra sợi dây thép dăng ngoài sân, nó bắt gặp chiếc áo mới giặt phơi lên còn rữ nước. Nó không hỏi ai mà cũng đoán biết đó là công trình của mẹ nó vào những giờ nó còn ngủ. Tuất thấy thương người mẹ cặm cụi, lúc nào cũng kiên nhẫn chịu đựng, không mấy khi

thờ than về những nỗi vất vả do đàn con mang lại. Những hồi Tuất tự thấy mình nói năng, hành động giống người anh, Tuất đoán thề nào mẹ cũng buông lời trách móc, hờn dỗi :

— Đó, mi rồi cũng như thằng Ngọ !

Nhưng không, mẹ nó chẳng hề nói gì như nó đoán. Thịnh thoảng, mẹ nó vẫn nhắc đến người anh đi xa với một giọng đầy thương nhớ anh, chăm chút như là anh nó còn bé lắm.

Tuất vào nghề, tỏ ra chăm chỉ và cố gắng. Bạn với nó là chiếc xe đạp, là đoạn đường từ nhà vào thị xã, từ thị xã về nhà, thân hoặc có xa chút nữa là ngõ chợ mới, ngõ cầu sắt, vẫn quen thân không ngày nào xa cách. Nghỉ ở nhà, đôi với nó, hóa ra cực hình. Nó thường nghe mấy bác đồng nghiệp có tuổi nói nghề thổ nhiệt người, thịnh thoảng cần nghỉ dưỡng sức, nhưng nó chưa thấy mệt bao nhiêu. Luôn luôn nó muốn ai cũng xem sức nó ngang người lớn hoặc đang vươn lên còn muốn mạnh hơn họ nữa.

★



Bây giờ, mặt trời chỉ còn chiếu rọi vài tia nắng cuối ngày, màu vàng lợt trải rộng trên giải ruộng lúa xanh bên vệ đường. Gió mát phơn phớt khiến Tuát cảm thấy dễ chịu hẳn đi. Nó đạp chậm rãi và huýt gió theo điệu một bài hát thiếu niên.

Chợt có tiếng hỏi từ quán nước vọng ra :

— Ê, xe thô về đâu đó, cho đi với !

Tuát hãm xe từ từ, nghiêng đầu nhìn vào cho rõ hơn, rồi mới đáp :

— Về Ngã Ba. đi không ?

Một binh sĩ rời chiếc sạp trong quán nước, đứng lên xách ba lô và quay lại phía sau, anh ta phát một cử chỉ rú ai cũng đi. Tuát nghe có tiếng dưng dưng không rõ, và tiếng hỏi dục của anh ta :

— Thôi, đi cho luôn, cùng đường mà. Ở đây chút nữa rồi đi với ma.

— Hết xe rồi !

Có tiếng lép lẹp lép và bóng một người con gái bước theo sau anh lính. Trời đã hết cả nắng mà cô ta cứ đội nguyên chiếc nón, một ngón tay ngoéo vào giữa quai,

mắt nhìn xuống đất ra dáng e thẹn ngập ngừng nửa đi nửa ở. Thằng Tuát ý chừng đã gặp những người khách kiêu đó, nên nó nói một cách tự nhiên :

— Có đi thì ngồi lên ! Làm chi như con gái mới về nhà chồng, không thầy sấp tời sao ?

Người lính vừa nói như phân trần, vừa ngồi lên miếng ván lót ở *porte-pagage* phía sau :

— Cô em họ ở gần. Tôi về phép gặp, rú cùng đi cho vui.

Tuát cười dòn tan, phụ họa :

— Ừ, phải rồi, sẵn dịp chị đi luôn với anh cho vui, chứ có việc chi ! Nó ranh mãnh, kéo dài mấy tiếng « chứ có việc chi », làm cô gái lờm lờm hẳn một cái đích đáng điềm thêm một nụ cười duyên :

— Cái thằng quý nói bá láp hoài !

Tuy vậy, cô cũng kín đáo nhìn trước nhìn sau một lần nữa rồi mới chịu lấy nón cắm ở tay vịn áo ngồi lên phía trước. Thằng Tuát nhanh nhẹn giật lấy chiếc nón, đưa cho

người lính, cười hề hề :

— Thôi, anh cầm dùm cho chị, tiện hơn,

Người con gái làm bộ dang co, giật chiếc nón lại, nhưng khi Tuát mới bắt đầu đạp xe đi, cô ta ngoan ngoãn ngồi yên ngay và nhẹ răng cười một mình. Cô ta ngồi hơi nghiêng đầu về một bên, vừa để cho thằng bé dễ trông xe phía trước, vừa tránh cái vòng tay của nó choàng ngang lưng cô. Mùi thoang thoang của xà phòng, của một loại dầu, của thứ bi-ăng-tin láng vàng của ai.

Đường vắng xe, Tuát đạp hơi nhanh. Mồ hôi đã bắt đầu thấm ướt áo, nhưng mãi theo dõi câu chuyện của hai anh em người lính, nó cũng vui vui quên hẳn rằng nó đang chờ trên xe hai khối thịt non trăm ký.

Những lời đòi thoại hình như được nổi lại cho phần dờ dang trong quán lúc nãy, Tuát chẳng hiểu đầu đuôi :

Cô gái ngồi trước Tuát lên tiếng :

— Rồi sau chị nó có gặp anh lần nữa không ?

— À, sau bà, không. Anh

đi hoài, đâu có nhà mà gặp.
Kể ra cũng tội nghiệp.

— Chỉ có chồng rồi, anh chưa hay à?

— Trời, ai đó?

Người con gái bĩu môi cười to:

— Cái chi mà Trời với Đất! Bộ mấy ông đi ra mà thiết cái nỗi gì. Người ta nói phụ nữ cứ mà!

— Dấu sao cũng người cũ chớ, nghe vậy ai không tiếc? Thôn Năm chứ còn mình...em?

Cô ta cười, nói úp mồm:

— Không biết.

Không có lời đáp lại, đôi bánh xe vẫn lăn đều, nghiền trên những chỗ cát sỏi lồi lõm của đoạn đường xấu khiến thằng Tuất phải cò sức đạp.

Bỗng phía sau có tiếng la thất thanh:

— Té rồi, ông lính té rồi!

Nó quay lại, thất sắc, hăm thẳng nháy xuống. Người con gái hoảng hốt vọt nhanh khỏi xe, chiếc áo dài vương mắc bị giật mạnh ra, nghe rẹt một đường. Nó chạy bộ trở lại khoảng mười thước tây. Người lính nằm ngửa, mặt tái nhợt, mắt nhắm nghiền, tay còn ghì chiếc nón trên ngực.

Cái bê rê văng ra ngoài, lúc ấy đã được một chị đàn bà lượm lên, cầm nơi tay.

Đồng bào những nhà dọc hai bên quốc lộ đổ xô ra xúm quanh nạn nhân, mỗi người bàn góp một câu. Thằng Tuất chen đám đông bước vào, vẻ thiếu nã. Họ biết ngay nó chở người lính. Nhiều tiếng chép miệng xuýt xoa:

— Tội nghiệp, răng rùi quá em?

— Mà chở từ đâu ra đến đây thì bị?

— Ai có con còn nhỏ mà cho đi thế sớm quá!

Cũng có những tiếng nhיע móc hần:

— Ai biểu nhỏ mà làm đờc, chở một lần hai người!

Lần nì thì mi có nước ngồi tù!

Lại có những người cãi nhau vì lý do tai nạn:

— Rõ ràng tôi thấy xe đương chạy, anh lính tự nhiên ngã ra. Có lẽ bị trúng gió.

— Ngã chi được! Không lẽ anh ta ngồi không vững à?

— Chớ tại sao?

— Chắc là thằng nhỏ đi chưa thạo, lính quỳnh chỗ

quãng đường sỏi, hắt anh này xuống đất.

Thằng Tuất, trước cảnh tượng nhao nhao, chỉ biết khóc. Vài người đàn bà khuyên nó:

— Chuyện rùi mà, ai muốn chi vậy. Em có khóc cũng chẳng làm sao được.

Nó gạt nước mắt, lùi thui đến chỗ vạt xe khi nãy. Chiếc xe nằm khênh bên vệ đường, hai chiếc bánh chổng lên, tro trên. Cái ba lô của người lính buộc kỹ bằng giây cao su hầy còn vững vàng bám chắc vào sườn xe. Người con gái em họ anh lính đi đâu chẳng thấy. Tuất sức nhớ là phải tìm cô ấy để cô ấy mình oan cho nó khi người ta báo chính nó làm ngã xe và hắt nạn nhân xuống đường. Nó dắt xe đến chỗ xảy ra tai nạn, nhìn quanh quẩn, cô gái đã đi tự bao giờ. Chứng cứ là chiếc nón úp trên ngực người lính cũng không còn đó.



Thằng Tuất bị một vò rùi nặng song cũng còn gặp may nhiều. Thân nhân người lính kiện nó ở tòa, vì nạn nhân không chịu đựng nổi, chệt tại bệnh viện năm hôm sau. Nhờ những bà con hai bên đường làm chứng, nhờ cái nắm cơm mửa sặc mùi rượu chỗ nạn nhân ngã, nó khỏi bị tội. Tuy vậy, nó mất công nhiều trong việc làm ăn, ra vào hầu tòa năm ba bận. Mẹ nó sụt sịt khóc mãi, thắm vái van cho nó qua khỏi tai ương và bàn với nó bỏ cái nghề nguy hiểm ấy đi. Nó không nghe, lại vẫn hàng ngày đạp xe đi về trên quãng đường quen thuộc, chờ hàng đón khách, thỉnh thoảng, thấy một người lính đi cùng một cô con gái, nó đạp lướt qua và lăm bằm: « Đó, cũng là ông anh về phép với cô em họ »! Quãng đường tai nạn, (nó đặt tên thế) làm Tuất hơi rờn rợn người mỗi lúc nó phải đi qua. Một chiều, thổ hàng quá nặng, nó dừng xe bên gốc cây vào quán nước nghỉ, thì đúng là quán nước có người binh sĩ đón xe nó

dạo trước. Bà già chủ quán, nhân thấy Tuất, nhắc lại nạn nhân :

— Rứa mà ảnh còn thiếu tôi 15 đồng, chưa trả thì chêt đó. Thôi tôi cũng cứng luôn cho ảnh.

Tuất cười đáp :

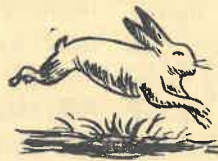
— Không lo đâu bà. Bữa sau có cô em, cô ấy sẽ lại trả

Bà già trẻ chiếc môi thâm đen những cốt trầu :

— Em chi ? Cái con trời

đánh ở đâu cùng xóm với ảnh, thầy đàn ông là cứ cà-kê nói chuyện hoài, tôi nghe phát ghét. Sau bữa đó, nghe đâu thật kinh nó nhảy đi Saigon rồi !

Tuất hình dung lại dáng người con gái thân hình mập phệ, chắc nịch trong làn áo nylon màu vàng tươi ngồi phía trước xe hôm nào... Nó nhìn lại bà già một lần nữa mỉm cười...



★ QUẢNG CÁO DẦU XỨC TÓC

Một anh chàng nọ, ăn mặc có vẻ chải chuốt, tay cầm một lọ dầu :

— Thưa quý ngài, hăng chúng tôi mới phát minh được một thứ dầu xức tóc rất tốt, rất hiệu nghiệm, chưa có một thứ dầu nào sánh bằng. Mùi nó thơm dịu, xức nó mát da đầu và tóc trở nên mượt. Trước kia đầu tôi cũng sồi, thế mà tôi xức thứ dầu này trong vòng một tháng, tóc tôi trở nên xanh tốt như...

Vừa nói anh ta vừa đưa tay lên sờ chiếc nón và vô ý sờ luôn cả đầu tóc giả bỏ xuống, để bày cái đầu trọc lóc như quả dưa khô.

Người đứng xem được một trận cười no nê.

tại sao

★ ĐAM-VÂN
(Phú Thọ — Pleiku)

Hỡi Thượng-đế vì sao con buồn mãi ?
Sớm tuôi đầu ngang trái với tang thương,
Và nhiều đêm thôn thức tiếng đoạn trường,
Lòng mộ lạnh vẫn vương niềm luyến ái !
Vì sao nhi ! vì sao con cứ mãi,
Khóc âm thầm hiện tại giết tương lai ?
Và đâu đây thoáng lạnh tiếng thở dài,
Trong canh vắng mắt u hoài đắm lệ.
Vì sao nhi ! vì sao con cứ đề
Nỗi đơn côi ngự chế cả tâm hồn
Và nhiều khi lặng đứng giữa hoàng hôn
Tim lạnh buốt đập dồn và tê nhói
Vì sao nhi ! vì sao con tự dối,
Cả lòng mình đề ghép nỗi thương đau,
Đào mộ tim đề vùi lấp chôn sâu,
Một mộng ước buổi ban đầu mới chớm
Ôi tình yêu !!! đến với tôi chi sớm,
Cánh hoa lòng mơn trớn đã tàn phai
Đề cho tôi ném đặng những canh dài,
Bên tấu khúc của trần ai sầu thảm !
Vì sao nhi ! vì sao con lãnh đạm
Với mọi người và cả đám ước mơ,
Đề người ta khổ mãi bởi đợi chờ,
Mà con vẫn thờ ơ... trong tuyết vọng.
Thượng đế hỡi, vì sao đời xây mộng,
Trên đau buồn trên tang tóc của nhau ?
Cho con tìm vẫn vùi mối tơ sầu,
Và hợp mãi bên nhịp cầu tình ái.
Vì sao nhi ! vì sao trời tối mãi
Chuỗi ngày tàn chứa vạn sự cô đơn,
Đề thế nhân ôm ấp chuyện tui hờn
Trong cay đắng, trống trợn... và ngao ngán.

Bước qua năm thứ 7
kỷ nguyên không gian

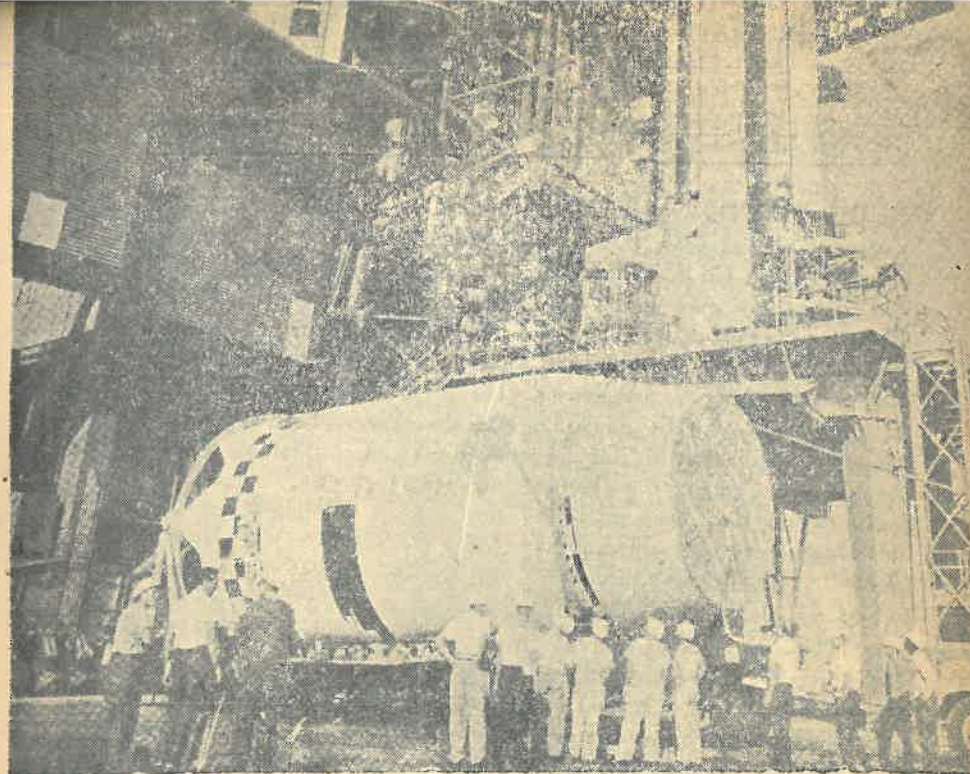
đường
lên
cung
quảng
xa
xăm

* Từ thưở trăng sầu, ta ca hát,
Tình vương ý nhạc của bao la...*

N. V.

* Võ-Quang-Yến
(Paris)

Saturn I, hỏa tiễn mạnh nhất thế giới đã được bắn hôm 29-1-1964 : nặng 562 tấn trước lúc khởi hành, cao bằng một ngôi nhà 16 tầng, với một sức đẩy 752.000 kilô, có thể đưa lên quỹ đạo một vệ tinh nặng 17 tấn. (Chiếc vệ tinh nặng nhất của Nga là Sputnik VII chỉ nặng có 7 tấn).



Tầng thứ hai của hỏa tiễn Saturn. Theo dự định của Mỹ, hỏa tiễn này sẽ đem người lên cung trăng khoảng 1970.

TỪ năm 1957, từ lúc những chiếc vệ tinh nhân tạo đầu tiên hé mở con đường ra không gian, người ta tưởng nay mai con người sẽ ra chu du vũ trụ và trạm nghỉ đầu tiên sẽ là đất cung Hằng gần gũi quả đất. Nhiều nhà khoa học, văn sĩ tưởng mộng đã sắp thành sự thật và nay mai những câu chuyện dự tưởng sẽ nhường chỗ cho những bài tả chân rõ ràng, tỉ mỉ của những người dự cuộc.

Nhưng, đáng buồn thay, tiếp xúc với sự thật của không gian, mộng vẫn còn là mộng và những chương trình, kế hoạch với những chi tiết đầy đủ tiếp tục nối đuôi nhau đưa thất vọng lại cho các nhà chuyên môn.

Khó khăn bên Mỹ

Mỹ thường cho biết rõ kết quả các thí nghiệm nên ai cũng đã thấy hố sâu chia đôi các kế hoạch và

các thực hiện. Theo chương trình Centaur định vào cuối 1958, hỏa tiễn dùng kính khí lỏng làm nhiên liệu phải ra đời giữa năm 1961. Chương trình cũng định vệ tinh bản lên cao 480 cây số sẽ nặng 3850 kilô, còn nếu dùng dây phi thuyền thì phi thuyền cũng đạt đến 655 kilô. Nhiều sứ mệnh sẽ phó thác cho hỏa tiễn Centaur, đặc biệt là đặt lên một quỹ đạo 24 giờ những vệ tinh đồng bộ của kế hoạch Advent (nghĩa là những vệ tinh đứng yên so với mặt đất). Đáng khác, cuối năm 1962, hỏa tiễn Centaur còn phải đưa lên cung trăng những vệ tinh khảo sát Ranger và sau đây những đài tự động đầu tiên Surveyor. Như ta biết, hiện nay chưa một hỏa tiễn Centaur nào được đem ra dùng. Những kỹ sư hàng Pratt và Whitney có nhiệm vụ chế tạo đang gặp nhiều khó khăn và không hy vọng vượt qua hết được trước 1965 ! Trong lúc chờ đợi, chưa một Ranger nào chạm vào cung trăng, các Surveyor thì còn nằm trong một góc, còn kế hoạch Advent thì bị phế bỏ.

Vào đầu một cuộc khảo cứu hàng không không gian, những thất bại này cũng là lẽ thường. Nhưng đáng buồn là qua năm 1964, tình hình cũng chẳng tốt đẹp gì hơn 5 hỏa tiễn trong chương

trình Centaur định cho năm 1963 không có một chiếc nào được bắn. Kế hoạch Ranger phải đình chỉ lại một năm. Những vệ tinh Gemini dùng hỏa tiễn Titan II đã ra khỏi các xưởng Mc Donnell nhưng không một chiếc nào được đặt lên quỹ đạo. Bên mặt các vệ tinh khí tượng, kế hoạch Nimbus, thay thế các Tiros trước kia, cũng bị hủy bỏ. Những vệ tinh khoa học OSO II, SERT, OGO, IMP... hết còn được nghe nói đến. Sau cùng hai vệ tinh Mercury đã được ghi trong chương trình. Nhà phi hành Gordon Cooper trong chiếc đầu tiên đã tỏ ra vô cùng can đảm vì đã bay với những máy móc hư hỏng, chưa nói đến suốt 33 giờ không một giọt nước vào miệng ! Sau cuộc bay này, cơ quan NASA tuyên bố chấm dứt kế hoạch Mercury và sau này, trong một tờ trình chính thức, cho biết những dụng cụ đặt ở kỹ nghệ không đủ bền bỉ để đưa ra dùng ở không gian.

Thất bại phía Nga

Chẳng ai trách được Nga không theo đúng chương trình đã định trước vì Nga không hề cho biết một chương trình nào ! Tờ chức của Nga là đặt trước một số giai đoạn không hạn chế thời gian và tùy kết quả mà bước qua giai

đoạn sau. Tuy nhiên người ta cũng chú ý là có lẽ Nga đã hiểu rõ kỹ thuật hàng không rất khó khăn nên không đặt trước chương trình. Đặc biệt Nga chỉ chăm lo một số nhỏ kế hoạch và soạn sửa rất kỹ càng. Mặc dầu vậy, thất bại cũng chẳng ít. Chiếc Venusik chẳng hạn, bản hôm 12-2-61, chỉ bay được 15 hôm thì tắt máy phát thanh. Các chuyên gia đã cố gắng sửa chữa, nhờ ngay cả đài Jodrell Bank bên Anh nhưng không được gì. Chiếc Mars I, bản hôm 1-11-62 cũng không đem lại kết quả mỹ mãn. Nhiệm vụ của đài tự động này là chụp hình sao Hỏa khi bay cách khoảng 6000 cây số, nhưng như tường đường đi không theo được đúng. Hơn nữa, 5 tháng sau, khi bay được 116 triệu cây số, Mars I cũng mất liên lạc với quả đất.

Mới chuyện bản những vệ tinh mà khó khăn đã nhiều rồi, huống hồ ngày nào phải thực hiện những cuộc viễn du thật sự ! Khó khăn không những ở trong chuyện chế tạo máy móc mà còn ở khoảng vũ trụ xa lạ mà ta chưa hề biết. Ngày nay, nhờ những vệ tinh nhân tạo, người ta biết được vũ trụ không phải trống rỗng mà chứa đầy những nguyên thể có sức mạnh giết người. Nguy hiểm nhất là những prôtông (hạt nhân nguyên

tử kính khí) từ mặt trời phát ra khắp thái dương hệ. Người ta biết con người bắt đầu bị thối loạn mỗi khi nhận vào cơ thể một vài chục rem bức xạ, còn nếu quá 500 rem thì chết ngay tức khắc. Đáng khác mặt trời có những hôm bất động như hôm 23-2-56, phát ra mỗi giờ 10.000 rem luôn tiếp trong 15 giờ ! Những cuộc bộc nổ này có thể biết trước được vài giờ. Nếu phi hành gia bay quanh quả đất thì người ta có thì giờ đưa về lại quả đất. Nhưng nếu phi hành gia nằm trong phi thuyền đi xa thì không chạy trốn đâu được. Trong phi thuyền Apollo, các chuyên gia Mỹ đã nghĩ cho đặt một bộ máy kiểm ba, hề thấy mặt trời bộc nổ thì xoay ngay phía có khiêng đỡ về phía mặt trời. Nhưng ngày nay người ta biết khiêng đỡ chẳng ích được gì : vì những từ trường trong vũ trụ, các prôtông từ từ phía xông lại chứ chẳng gì từ phía mặt trời.

Cách mạng trí giác

Chỉ lấy có một ví dụ mà đã thấy tất cả khó khăn rồi. Và khó khăn ngày càng tăng khi người ta càng biết thêm vũ trụ, trong lúc những khó khăn đầu tiên chưa vượt qua được. Những nhà chuyên môn đầu tiên về hàng không

không gian chỉ chú trọng đến một vấn đề : làm sao bắn vệ tinh ra khỏi được sức hấp dẫn của quả đất và sau đấy kiểm cách tăng gia trọng lượng vệ tinh. Ai cũng biết muốn bắn một vật làm vệ tinh quanh quả đất thì phải đạt cho được tốc độ 8 cây số/giây ; muốn bắn một phi thuyền ra vũ trụ nghĩa là vượt khỏi hoàn toàn trọng lực quả đất thì tốc độ kia phải tăng lên 11 cây số/ giây. So với những vật liệu của thế kỷ 19, tốc độ 1 cây số/giây của những viên đạn ca-nông đã là khó đạt được. Vì vậy, bao nhiêu khó khăn đều đổ dồn vào vấn đề tốc độ. Ngày nào đạt được tốc độ lớn, tất nhiên người ta tưởng vấn đề đã giải quyết xong và mộng viễn du vũ trụ trở thành sự thật.

Nhưng như đã thấy khó khăn còn nhiều và một cuộc khảo cứu căn bản vũ trụ tưởng rất cần thiết. Nếu nay mai các hỏa tiễn thành công đưa được phi thuyền ra khỏi quả đất, chưa chắc gì các nhà phi hành đã ra đi được. Một thế giới chưa từng biết, khác hẳn quả đất, sẽ làm thay đổi tất cả điều kiện kỹ thuật. Những khái niệm căn bản của môn vật lý học, nhiệt độ, áp lực,... đẩy dẩy trong sách vở chúng ta hết còn có nghĩa lý khi ta đi ra khỏi quả đất. Đẳng khác, vật liệu ở quả đất được

lớp khí quyển che chở, mỗi khi ra ngoài sẽ bị biết bao kích thích vũ trụ đủ thứ tác dụng vào. Đi sâu hơn nữa, cả một nhận định tổng quát cần được sửa đổi. Ở trên mặt quả đất, một vật đứng yên nếu không bị ảnh hưởng một năng lượng nào. Ở ngoài vũ trụ, trạng thái đứng yên không còn nữa : vạn vật đều luôn luôn di chuyển. Một điềm trong quả đất là tương đương với một tốc độ ở khoảng không gian. Trí thức con người cần phải cố gắng mới tham hiểu nổi sự chuyển vị này.

Khi người ta bảo bắn một vệ tinh lên cao 200 hay 300 cây số mới nghe chẳng thấy gì là quan trọng. Trên mặt quả đất, di chuyển 200, 300 cây số có gì là xa xăm. Từ Huế vào Đà-nẵng Quảng-ngãi hay Qui-nhon, Phan rang, khác chẳng chỉ thêm một trận mưa, luồng gió hay giọng nói líu lửng. Nhưng đem dựng đứng 200-300 cây số là cả một vấn đề. Ở cao độ ấy, con người phải đặt bày ra nhiều hình thức tư tưởng và hành động khác, hay nói như Albert Ducrocq, con người phải gây ra một cuộc cách mạng trí giác hoàn toàn.

Vài trăm cây số...

Trong những năm đầu tiên của kỷ nguyên không gian, các chuyên gia chưa tiến lạnh được vì còn phải thâm nhập một tinh thần

không gian trước khi sáng tạo ra được những phương tiện cần thiết. Muốn đạt mục đích này, trước tiên cần phải sáng tạo những phương sách đề lập lại ở mặt đất những điều kiện của không gian. Bên phía Nga cũng như Mỹ, người ta không ngớt chế tạo máy móc khổng lồ có nhiệm vụ chẳng hạn phá hủy trọng lực quả đất, rồi ở trong ấy vật liệu và phi hành gia cùng nhau chịu đựng thử thách của những điều kiện mới.

Sau đấy công việc tiếp tục ra sao ? Máy ai dám chắc chắn một chương trình nào. Có người đã ví cuộc khảo cứu không gian như cuộc đổ bộ của quân Đồng-minh lên bờ biển Normandie hồi 1944. Mỗi khi đạt đến đất, quân đội chỉ đóng giữ đấy cho đến lúc vật liệu được mang lại đầy đủ mới bắt đầu tấn công vào mặt trận quân Đức. Tình hình hiện nay của cuộc bay ra vũ trụ cũng tương tự. Phi hành gia di chuyển xung quanh quả đất đợi thêm tài liệu rồi mới tính chuyện xông ra không gian. Hè vừa qua, nhà bác học người Anh, Sir B.Lovell tuyên bố mặc dầu đã tiến bước trong cuộc hàng không không gian, Nga không có một

kế hoạch nào gọi người lên cung trăng. Vừa rồi, giáo sư Sodov, Giám đốc các chương trình không gia của Nga, đã xác định Nga chưa có khảo cứu cách « hạ giới » lên đất cung trăng. Vì không thể đặt trước một chương trình dài hạn, các chuyên gia Nga chỉ kiểm cách giải quyết dần dần những khó khăn đã gặp. Bên phía Mỹ, tuy đã có kế hoạch đổ bộ cung trăng, phương pháp áp dụng cũng chẳng khác gì mấy: đôi bên đều đang kiểm cách đâm thủng khoảng cách vài trăm cây số chia đôi quả đất và vũ trụ bao la.

Thật vậy, mỗi khi vượt quá được khoảng cách ấy rồi, phi hành gia sẽ xông qua không gian mà điều kiện chắc sẽ không thay đổi ít ra cũng vài ngàn cây số. Lúc ấy con người mới có quyền nghĩ đến những cuộc du lịch xa xăm.

Trong lúc chờ đợi

Vừa rồi Thủ tướng Krutchev tuyên bố Nga chưa vội gọi người lên cung trăng. Ở Washington, các giới thẩm quyền đặt ngay nhiều câu hỏi : lũng củng nội bộ ? khủng hoảng canh nông ? rối ren với Tàu ? thất vọng ở Cuba ? hay nền chính trị uy tín tổn phí

quá nhiều trong lúc dân chúng cần tăng gia điều kiện sinh sống? Rất có thể tất cả chùng ấy lý do dồn dập lại với nhau. Dù sao phía Mỹ rất dè dặt. Phát ngôn viên của cơ quan NASA nhấn mạnh tuy Nga chưa muốn gửi người lên cung trăng, không có ai tuyên bố Nga dừng chậm cuộc khảo cứu không gian. Vậy Mỹ dừng nên trì hãm cố gắng, trái lại nên gấp rút bồi bổ chậm trễ của mình. Đồng thời ông James Webb, Giám đốc Cơ quan không gian Hoa-kỳ, đã vội xác nhận chương trình thiết lập vẫn được tuân tự tiếp tục như trước.

Nhưng Quốc hội Hoa-kỳ không lý luận như những nhà khoa học. Từ lâu, nhiều nhà lãnh đạo Hoa kỳ, đặc biệt cựu Tổng thống Eisenhower hiện đang còn nhiều thanh thế trong dư luận Mỹ, đã nghi ngờ ích lợi của một cuộc đổ bộ lên cung trăng. Theo ông nghị sĩ dân chủ Clark, nếu Nga chưa vội gửi người lên cung trăng, thì Mỹ cũng chẳng nên cần gấp rút để thắng cuộc, tiền nong nên để vào công việc nâng cao trình độ giáo

dục của dân chúng. Trong lúc cơ quan NASA tính cần phải tiêu 35 tỷ đôla nữa mới đặt chân lên được cung trăng, Quốc hội Mỹ vừa mới giảm bớt ngân quỹ thường niên của cơ quan NASA 500 triệu đôla (sút từ 5,7 tỷ xuống 5,2 tỷ). Kết cấu tức thời là phải hủy bỏ 4 cuộc bay đầu tiên của kế hoạch Apollo (dự định đặt người lên cung trăng trước 1970) và kế hoạch khởi sự chậm mất 9 tháng.

Đứng trước vấn đề tài chánh khá quan trọng cho cuộc phát triển công cuộc khảo cứu không gian, nhiều người đã nghĩ đến chuyện hợp tác Nga Mỹ trong mục đích khoa học. Ngay trước lúc bị nạn, cố Tổng thống Kennedy đã có đề nghị ở Tờ chức Liên hiệp quốc. Sau ít lâu lặng yên suy nghĩ, Thủ tướng Krutchev đã tuyên bố rất chú ý đến cuộc hợp tác ấy. Nhưng ai cũng biết cuộc hợp tác chỉ thực hiện được khi nào vấn đề giải đáp được thanh toán xong.

Trong lúc chờ đợi, cung trăng vẫn đang còn là vật sở hữu của các nhà thi sĩ.



● TIN THÊM

Bài này vừa viết xong thì có tin hôm 26-1-1964 một chiếc vệ tinh lần đầu tiên được bắn lên

với sự cộng tác của hai nước Nga và Mỹ. Đó là chiếc Echo II dùng vệ việc truyền tin.

Cao như một ngôi nhà 13 tầng. Echo II là chiếc vệ tinh không lồ nhất trong các vệ tinh nhân tạo. Được bắn từ đài Vandenberg bên Californie, Echo II đã tiến lên một quỹ đạo gần giống quỹ đạo đã định trước: một hình thuẫn, khoảng xa mặt đất nhất là 1313 cây số và khoảng gần nhất là 1033 cây số. Echo II chạy quanh quả đất mỗi vòng mất 109 phút và nằm nghiêng 81,5 độ so với xích đạo (Quỹ đạo tính trước là một vòng tròn cách mặt đất 1287 cây số, chạy mất 111 phút mỗi vòng và nghiêng 81,9 độ).

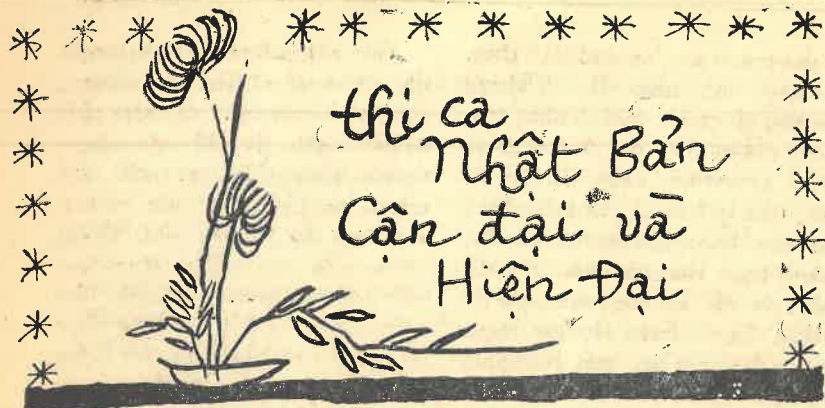
Echo II sẽ bay khắp những vùng có người ở trên mặt đất trừ hai miền cực đới. Từ mặt đất, nhìn mắt không người ta có thể thấy Echo II luôn trong 3 năm là đời sống định trước cho vệ tinh ấy. Muốn bắn một vệ tinh lớn như vậy, người ta đã dùng 72 bị chất dẻo đựng những tinh thể hóa chất pyrazol. Khi vệ tinh đã lên đến quỹ đạo, đang bay qua không phận Nam Phi, thì dưới tác dụng của sức nóng mặt trời, tinh thể biến thành khí, làm bật vỡ những bị chất dẻo và thổi phồng vệ tinh cho lớn lên. Vài giờ sau vệ tinh đạt được đường kính tối đa là 41 thước. Màng bóng vệ tinh làm bằng chất dẻo mylar, sơn thêm một lớp nhôm, tất cả không dày quá lớp cao-su của một quả bóng quần vợt. Tuy lớn, Echo II tương đối nhẹ: kể cả dụng cụ đo lường, vệ tinh chỉ nặng có 347 kilô.

Trái với những vệ tinh truyền tin khác như Telstar, Relay, Syncom là những « vệ tinh phát động » nghĩa là khi nhận được tin còn phóng đại ra trước khi truyền lại, Echo II thuộc về loại « vệ tinh thụ động » nghĩa là chỉ phản chiếu các luồng sóng điện như một tấm gương mà thôi. Hai nước Nga và Mỹ sẽ cùng nhau thí nghiệm về truyền tin với Echo II đúng như thỏa hiệp đã ký với nhau hôm 15-8-1963 giữa ông Phó giám đốc cơ quan NASA Mỹ Hygh Dryden và ông Hội viên Hàn lâm viện Nga Anatoly Blagonravov. Hai nước sẽ trao đổi với nhau tất cả những hình ảnh và tin tức mà Echo II đã thu lượm được. Đặc biệt hai đài Jodrell Bank bên Anh và Zemenki ở Viện Đại học Gorki sẽ trực tiếp nhận tin của Echo II rồi mới chuyển lại qua Mỹ.

Như ta thấy, Echo II chưa phải là cuộc hợp tác Nga-Mỹ để gửi người lên cung trăng nhưng cũng là một sự kiện đáng ghi nhớ vì đã là bước đầu của cuộc làm việc chung giữa hai nước.



Ranger IV đến trúng đích nhưng rơi về phía bên kia của mặt trăng và máy móc đều hư hết, còn Ranger VI vừa mới bắn hôm 30-1-64 rơi được vào « biển » Trầm lặng nhưng cũng chẳng chụp hình được vì các máy chụp hình đều bị hỏng.



★ Lê-huy-Danh

NHẬT - Bản, xứ Hoa Anh-Đào nở, vốn là quê hương của văn chương và Nghệ-Thuật. Nước Nhật gồm nhiều hòn đảo nằm giữa đại dương. Nước Nhật lại có những ngọn núi vừa cao đẹp vừa hùng vĩ chẳng hạn như núi Phú-Si. Núi cao, biển sâu, rừng cây bát ngát, những cảnh thiên nhiên ấy đã khiến cho dân tộc Nhật-bản vừa ham mê hoạt động vừa thích thả hồn vào những cõi siêu-thiên tuyệt diệu của tư tưởng. Đọc văn-học-sử Nhật, chúng ta đã gặp những thời kỳ vàng son lộng lẫy của

Nghệ-Thuật, những nghệ sĩ tài hoa cao diệu đã góp nhiều công trình quý giá cho văn học Nhật-bản và văn học thế-giới. Riêng về thi ca, người Nhật có hai loại thơ đặc sắc nhất là Tanka và Haikai.

Trong khoảng tiền bán thời đại Minh-Trị Thiên - Hoàng, các thi sĩ Nhật-bản tiếp tục sử dụng hai lối thơ Tanka và Haikai này.

Từ năm 1869, hoàng-đế Mutsuhito đã ra lệnh thành lập một Thi-Phòng tiếng Nhật kêu là

O-uta-dokoro. Từ dạo ấy cho tới nay, mỗi năm Thi - Phòng thường tổ chức một cuộc thi thơ; những bài thơ chiếm giải được công bố vào đầu năm sau; trong khi ấy những bài thơ của hoàng đế Mutsuhito và hoàng hậu Haruko cũng được phổ biến rất sâu rộng trong dân chúng. Dân Nhật vốn tôn thờ Hoàng-Đế của họ nên thơ của các bậc vương giả được họ đặc biệt chú trọng tới. Chúng tôi trích dẫn mấy bài:

Của Hoàng Đế

Nhìn tảng đá bực thêm
 Bị những giọt mưa xoi thủng
 Người ta có nên từ bỏ
 Ngay cả những việc khó khăn
 chăng?

Dù rằng nước
 Chiu theo khuôn của bình,
 Nhưng chính sức nước
 Đã xoi thủng những tảng đá.

Của Hoàng Hậu

Ngay cả đến kim cương
 Nếu chẳng được mài nhẵn
 Thì đồ trang sức kia
 Không có ánh hào quang.
 Con người ta cũng vậy
 Nếu có chịu học hà nh
 Thì chân giá trị
 Mới xuất hiện. (1)

Vào ngày mồng 10 tháng 11, 1952 và những ngày tiếp sau

đó, tại Đông-Kinh có những buổi hội lớn nhằm tuyên-cáo tuổi thành niên 18 của thái tử Akihito. Nhân dịp đó, có cuộc thi thơ toàn quốc với đề tài « Bông Hoa Cúc nở lâu dài ». Đề tài này do đương kim Nhật Hoàng đề ra. Còn hoa cúc, vương hiệu của hoàng gia, tượng trưng cho vị hoàng tử trẻ tuổi. Đây là bài của Nhật Hoàng Hirohito:

*Đóa hoa cúc trắng
 Lỏa hương thơm ngát mùa
 thu này;*

*Nó sẽ nở lâu dài
 Và mỗi ngày một mạnh mẽ*

Ngày 12-1-1955, tại hoàng cung có một buổi họp thường niên về thơ (uta-kai). Đề tài của buổi họp này là « Nguồn nước ». Có tất cả 8000 bài thơ từ các nơi gửi tới nhưng chỉ có 20 bài đáng kể là đặc sắc. Các bài của những người trong hoàng gia đều được đặt

(1) Có lẽ cũng bắt cảm hứng ở câu « Ngọc bất trác bất thành khí, nhân bất học bất tri lý » trong sách Lễ-kỷ của Trung-Hoa nên bài thơ này của hoàng hậu Haruko cũng giống như bài phong đạo dưới đây của Việt-Nam:
 « Ngọc kia chẳng giữa chẳng mài
 Cũng thành vô dụng cũng hoài
 ngọc đi;

Con người ta có khác gì:
 Học hành quý giá, ngu si hư đời.

ngoài cuộc thi, nhưng lại được dân chúng đặc biệt chú ý tới: Nhật Hoàng Hirohito có làm một bài như thế này:

*Khi trẫm đi vào rừng
Tầm mắt bị chặn lại,
Trẫm thấy nước trong
Chảy ra từ những tảng đá
Trên ngọn đồi đầy bóng mát.*

Và đây là bài của hoàng thân Takamatsu:

*Được mức lên vào mùa hạ
Nước của nó mát mẻ
Được mức lên vào mùa đông
Nước của nó lạnh giá
Kỷ niệm về nó đối với tôi êm
ái làm sao!*

Thi-Phòng của hoàng gia chắc hẳn đã góp nhiều công lao tốt đẹp vào việc bảo tồn truyền thống thơ cổ-diễn trước những hành động táo bạo của những lý thuyết gia chủ trương lối thơ mới.

Tuy nhiên, dưới ảnh hưởng những bản dịch các tác phẩm ngoại quốc, nhiều giáo sư đại học đường Đông-Kinh đã cổ xúy việc chấp nhận một lối thơ bắt chước lối thơ Tây Phương, xa rời những khuôn khổ cổ truyền. Lối thơ mới mẻ này được mệnh danh là Shintaishi.

Cho nên vào năm 1882,

người ta thấy xuất hiện một *Tuyên Tập Thơ Mới (Shintashisho)* do Toyama Shoichi, Inoue Tetsujiro và Yatabe Ryokichi trình bày. Tuyên tập này có 19 bài, loại thơ dài (naga uta) gồm 5 bài sáng tác, 13 bài dịch thơ Anh và 1 bài thơ dịch thi sĩ Pháp Charles d'Orléans.

Năm 1886, một tập thơ của thi sĩ Yamada Bimyo ra đời, mang khá nhiều sắc thái mới mẻ cả về nhịp điệu lẫn ý tưởng. Trong tập thơ đó có bài sau đây:

*Dầu tôi chết vào ngày nào
Tôi sẽ luôn giữ trái tim trong
sạch*

*Đề đón sự chết
Tôi sẽ luôn giữ trái tim được
thanh lọc
Đề mặt trăng không có tí vết
Và đề gió giữ nguyên màu
trinh bạch*

Trong số các nhà thơ cấp-tiến có Masaoka Shiki (1867-1902). Ông này cổ xúy việc cải tiến lối thơ Haikai và đặt cho nó cái tên mới là Haiku. Mới đầu Shiki làm nghề viết báo ở Đông-Kinh và cho xuất bản nhiều tập thơ của ông. Mặc dầu sức khỏe suy kém nhưng Shiki cũng gia nhập quân đội trong thời kỳ Trung Nhật chiến tranh. Khi

chàng rời khỏi quân ngũ trở về với đời sống thường dân, tờ *Nhật Bản nhật báo* mời chàng giữ công việc phê bình văn nghệ; chính trên báo này, Shiki đã cho đăng những bản tuyên ngôn về việc cải tiến lối thơ Haikai. Shiki chết sớm giữa lúc ông có 35 tuổi nên chưa thể phô bày hết tài nghệ của mình. Tuy nhiên, ông cũng để lại cho đời một tác phẩm quan trọng gồm 22 tập thơ trong số có 12 tập chuyên về lối Haiku, tức là lối Haikai cải cách. Sau đây là 2 bài thơ rút trong những tập đó:

*Biền rút xuống
Mặt trời chiếu vào mặt bùn.
Nồng nực quá...!*

*Tiếng ngỗng trời kêu.
Trong đêm tối, trên lớp đá dưới
kia*

Có những làn sóng trắng.

Từ khi Masaoka Shiki qua đời thì nhà thơ Takahama Kyoshi được coi như bậc thầy của loại thơ Haiku. Kyoshi sinh năm 1874 tại Matsuyama thuộc miền Shi-Koku. Ông đã tới Đông-Kinh gặp Shiki và hai người bạn đồng chí hướng này đã hợp lực trong việc cải tổ loại thơ Haikai. Kyoshi hiện còn sống và đào tạo rất đông học trò. Con trai ông cũng nối nghiệp cha để làm

lãnh tụ nhóm thi sĩ Haiku. Trong số những bài thơ của con ông có một bài như sau:

*Phơi mình dưới ánh nắng gay
gắt*

*Ngọn núi xa xa kia
Mới khô héo làm sao!*

Cũng phải kể đến Shimazaki Toson, một thi sĩ thường cho đăng thơ trên tờ *Bugaku-kai*, một tạp chí hướng về chủ thuyết lãng mạn. Năm 1897 thi phẩm đầu tay của Toson ra đời với nhan đề *Những búp măng non*. Tập này tiêu biểu cho một thái độ ly khai thơ cổ truyền. Năm sau Toson cho xuất bản tập thơ thứ hai nhan đề *Cỏ Mùa Hạ*; năm 1902, thi phẩm cuối cùng của ông ra đời với nhan đề *Những cánh hoa mạn rụng*. Sau tập này Toson chỉ chuyên viết tiểu thuyết thôi. *Bài ca gió thu* của Toson trong tập *Những cánh hoa mạn rụng* mở đầu bằng những câu như sau:

*Làn gió tây đầu tiên mát mẻ
như thế*

*Thời vào những lá mùa thu
Cơn gió thu quạnh hiu, buồn
rầu đến thế*

*Thời vào những lá trắc bá mau
rụng*

Tập *Những Cánh Hoa Mạn Rụng* của Toson còn có những bài thơ rất lãng mạn ca ngợi ái tình, chẳng hạn bài dưới đây:

Con cáo nhỏ ẩn náu trong vườn
Lợi dụng bóng đêm mờ ra ngoài
Dưới bóng đám cây nhỏ mùa

Cáo ta lẩn lút đánh cắp những
Ái tình không thể là con cáo
Và em chắc hẳn không phải

Dấu vết trái tim ta đã đánh cắp
em
Trong sự bí mật.. không ai biết
cả...

Người ta còn phải đề ý đến thi sĩ Yosano Tekkan (1873-1935), con trai một nhà sư ở Kyoto (1). Không chịu vào ngành tu hành theo ý muốn của thân phụ, Tekkan đi Đông-kinh theo học lớp của giáo sư Naobumi về loại thơ shintaishi (thơ mới) và loại tanka cải tiến. Nhưng chẳng bao lâu ông đi quá cả thầy học, chủ trương một sự tự do hơn nữa trong lối phát biểu. Năm 1894, Tekkan tung ra một tập thơ nhan đề *Một tiếng nói — một bài thơ — đảo lộn*, và thành lập vào năm 1900 nhóm *Thơ Mới* (Shinshisha) lấy tạp chí *Sao Mực* *Đông* làm phương tiện hoạt động. Người ta không thể tách rời tên ông ra khỏi tên vợ ông là nàng Yosano Akiko (1878-1941), con gái một thương gia

tại một tỉnh lỵ. Akiko là một người đàn bà nhiều đam mê và nhục cảm. Bà là linh hồn của nhóm *Thơ Mới* và là tác giả tập thơ *Mớ tóc rối tung* (*Midare gami*). Sau đây là hai bài thơ đặc sắc trong tập:

Hỡi người giảng luân lý kia
Không tiếp xúc ngay cả với
Máu nóng
Của một thân thể mềm mại
Người có cảm thấy khổ sở
không?

Ở Kamakura
Dâu rừng Sakya-Muni
Là đức Phật đi nữa
Ngài cũng vẫn là người đàn
ông đẹp trai
Trong đám cây mùa hạ.

Trong nhóm *Thơ Mới* có Ishikawa Takuboku (1885-1912), con trai một nhà tu hành ở thôn quê. Takuboku bắt đầu làm những bài Tanka từ năm 15 tuổi, rồi quay sang với lối thơ Mới. Tờ tạp chí *Sao Mực* *Đông* có đăng một số thơ của ông. Thi nghiệp của Takuboku gồm có những tác phẩm *Cảm Hứng* (1905), *Một Năm Cát* (1910)

(1) Bên Nhật Bản có những phái tu hành cho phép người tu hành được lập gia-dình.

và tập di cao *Đờ Chơi Buồn Thảm* (1912). Suốt đời chàng, Takuboku phải vật lộn với sự cơ cực và bệnh tật, nên thơ chàng thường có giọng buồn rầu, chán nản, đôi khi hẳn học uất ức:

Tôi làm việc, làm việc luôn luôn
Nhưng đời tôi nghèo khổ...
không biết vì sao...
Tôi chỉ biết im lặng ngắm bàn
tay tôi.

Các bài thơ của ông, viết bằng ngôn ngữ bình dân, đã được tạo ra từ một cảm hứng ngây thơ nhưng tàn nhẫn:

Ôi, nỗi buồn đau của cát
Nó không có sự sống!
Khi người ta nắm lấy nó
Nó tuột qua những kẽ ngón
tay.

Tất cả mọi người Nhật đều thuộc bài tanka dưới đây của Takuboku:

Trên lớp cát trắng
Ở bờ một đảo nhỏ
Thuộc vùng biển đông,
Tôi, đôi mắt đắm lệ,
Tôi rờn với lũ cua.

Takuboku được coi như một trong những thi sĩ lớn nhất và táo bạo nhất của lối thơ Tanka, nhưng cũng là nhà thơ tiên khu đáng kể nhất của thơ mới.

Dấu vết một nền văn hóa Pháp rộng rãi mà thi sĩ Horiguchi Daigaku mang trong tâm tưởng, đã được ông vạch ra trong những thi phẩm của ông. Chẳng hạn những câu thơ mở đầu trong thi phẩm *Tôi*:

Đây trái tim này đau khổ đến
thế,
Đây linh hồn này nghèo nàn
đến thế!
Cái miệng hoàn toàn cay đắng
của tôi
Trong nỗi đắng cay đơn độc
của tôi!

Hoặc những tiết đầu và tiết cuối trong tập *người Đàn Bà của Kỷ niệm*:

Trong khu vườn nhà tôi, một
con chim nhỏ ca hát
Sáng và chiều, những tiếng hát
âu sầu!
Trong kỷ niệm hồn tôi, một
người đàn bà khóc lóc
Hôm nay cũng như hôm qua,
những giọt lệ lạnh lẽo.

Hỡi chim nhỏ trong vườn, hỡi
người đàn bà của kỷ niệm,
Và mi nữa, cả mi nữa, hỡi trái
tim ta

Tất cả các người không ngừng
thian thờ sao?
Tất cả các người không ngừng
khóc lóc sao?

Thi phẩm của Sato Haruo

cũng đáng kể. Mới đầu, khoảng năm 1921, các bài thơ của ông được thu góp trong tập *Những Bài Thơ Tình Cảm*. Nhưng những tác phẩm chính của ông gồm hai tập *Những Nỗi Buồn Thôn Dã* và *Những Nỗi Buồn Đô Thị*. Thơ của Haruo thường đậm về ưu sầu, chẳng hạn bài **ĐÊM THU**:

*Gió đêm thổi lồng lộng
Lay chuyển bức vách thủy tinh
Và tôi ghét gió.*

*Trong sự thất vọng, tôi yêu
Kẻ không yêu tôi.
Hỡi gió thổi kia ơi,
Mi chế nhạo ta !*

*Sự chế nhạo sắc bén của mi
Có nói với ta rằng
Cái mà ta yêu mến chỉ là
Một chiếc lá khô*

Vào năm 1952, tạp chí *Yomi-uri* đã tặng giải thưởng thi ca cho toàn bộ tác phẩm của Sato Haruo. Đến cuối năm 1954, Haruo lại được một giải thưởng văn học khác với tác phẩm *Cảnh sắc ở Akiko*.

Trong loại thi sĩ « Haiku » có Miyoshi Tatsuji (sinh năm 1900) cũng chiếm được một chỗ ngồi đặc biệt trên thi đàn. Tatsuji là kẻ thừa kế cái tinh thần thuần túy của Basho và Saigyō, hai nhà thơ cổ điển nổi tiếng nhất về loại Haikai hồi thế kỷ XII và XVII. Tuy vậy ông cũng rất ưa văn chương Pháp, nhất là thơ của Baudelaire và Francis Jammes. Tatsuji được coi như nhà thơ Phù-Tang hoạt động nhất của thời hiện đại. Thi phẩm *Mũi Biền Mùa Xuân* của ông là một tập thơ đồ sộ nhất trong thi ca hiện đại Nhật-Bản. Đây là bài *Tự Ngôn* trong tập thơ, làm theo thể Tanka :

*Ở mũi biền mùa xuân
Cuộc hành trình của tôi chấm dứt*

*Tôi không thấy
Nhưng con hải âu
Rập rờn bay ra xa.*

Trung thành với thơ cổ điển nhưng lại yêu mến thơ tây phương, cái thái độ của Miyoshi Tatsuji có thể được coi như tiêu biểu cho cái thái độ chung của đa số các nhà thơ Nhật thời cận đại và hiện đại. Có kẻ chủ

trương bảo vệ thi ca cổ truyền, có kẻ chủ trương đổi mới thơ, nhưng đều bảo thủ hay cấp tiến họ cũng vẫn giữ thái độ bình tĩnh ôn hòa, không mấy người tỏ ra cực đoan, quá khích. Thi ca cận đại và hiện đại của xứ Hoa Anh-Đào đã phản ảnh chân thành sự tiến hóa của xã hội Nhật bản : tha thiết với nền văn hóa mới của Tây-phương, nhưng người Nhật vẫn thành tâm gìn giữ những cái hay cái đẹp

trong văn hóa cổ truyền của nước họ. Vì thế mà người Nhật tuy tha thiết với tinh thần dân chủ nhưng vẫn kính yêu Nhật-hoàng của họ. Vì thế mà thi ca Nhật tuy được canh tân, nhưng cái tinh hoa của những lối thơ cổ truyền như Haikai hay Tanka vẫn còn được giữ lại. Đó chính là cái đặc điểm của nền văn hóa Nhật nói chung và thi ca Nhật nói riêng vậy.



★ **MƯU MẸO CỦA CÁC ĐỨC ÔNG CHỒNG**

ÔNG A.— Muốn cho vợ ta làm việc, ta phải dùng chước mới được. Ví dụ chiếc áo sơ-mi của tôi sờn sờn sờn sờn thì tôi cầm chiếc áo ấy lên quây quây mấy vòng, rồi hỏi vợ tôi :

— Đồ rác em để đâu rồi ?

Vợ tôi thấy tôi hỏi đồ rác, bèn hỏi lại :

— Anh hỏi đồ rác để làm gì ?

— Để bỏ chiếc áo thổ tả này vào.

Vợ tôi liền chụp chiếc áo sơ mi, đưa lên xem và rầy tôi :

— Áo còn tốt thế này mà đòi vứt bỏ. Anh phí của lắm. Để em chữa xem anh còn mặc nó được cả năm không !

ÔNG B.— Kể anh cũng hay đấy ! Còn tôi, mỗi khi tôi muốn nền nhà sạch sẽ thì tôi giả vờ đánh rơi ít đồng bạc xuống gầm giường. Thế là vợ tôi lật tung cả đồ đạc lên tìm và nền nhà trở nên sạch bóng.



TRUYỆN THẦN THOẠI GY LẠP - LAMA

Artémis hay Diane * Đám-quang-Thiện

ARTÉMIS là chị Apollon, con gái của Zeus và Létô. Vì thấy mẹ đau đớn khi sinh Apollon và đi đâu cũng bị hắt hủi, nàng rất ghét sợ hôn nhân và một hôm nàng xin với Zeus: «Thưa cha yêu quý, xin cha hãy cho con được ở vậy mãi mãi. Cha hãy cho con một cái cung, những tên, một bó đuốc, một cái áo ngắn để cho con dễ đi săn các thú dữ. Cho con sáu mươi vị thần núi để theo con đi săn và hai mươi vị Nymphes để trông nom giầy, khí giới để săn, và chó của con».

Zeus ưng thuận tất cả. Từ đó Artémis có một ống đựng tên và một cái cung. Nàng rất thích đi săn lợn lòi, hươu và hoẵng.

Nàng chính là bà chúa Trăng. Cảnh thân hình và sắc đẹp của nàng, những bạn nàng đều bị lu mờ như những ngôi sao bị lu mờ cạnh ánh trăng vậy.

Ban đêm nàng thường soi đường cho các người lạc lối trên những đèo ngoằn ngoèo hay trong những khe núi, nhưng cũng có khi làm họ sợ vì ánh sáng của nàng thuận tiện cho các bóng ma hay các tà thuật xuất hiện. Ánh trăng còn làm cho những cây bị khô héo ban ngày trở lại tốt tươi.

Artémis như Apollon rất kiêu hãnh về cái ánh sáng rực rỡ của mình. Người ta kể rằng một hôm Niobé con gái của Tantale, dám cậy là mười hai

đứa con của mình đẹp hơn hai chị em Artémis. Bà Létô nghe thấy tức giận liền giao cho hai con tìm cách trả thù. Lạp tức sai con trai của Niobé đang tập săn bắn ở Cithéron bị Apollon bắn chết. Nghe tiếng kêu, sáu chị của chúng chạy lại liền bị Artémis bắn chết nốt. Trong chín ngày không ai muốn chôn cất cho chúng. Mẹ chúng ngồi giữa mười hai xác chết mà khóc than thảm thiết, khóc mãi rồi lại ngồi im như một pho tượng. Sau muốn hết đau khổ, bà xin Zeus hóa phép bà thành một ngọn núi đá. Bà liền đến núi Sipyle và ở đó đá bao phủ người bà. Từ đấy, tảng đá đó ngày đêm lúc nào cũng ướt đầm những nước mắt của người mẹ khổ nạn ấy.

Người ta còn kể lại cái thảm cảnh của Actéon. Một buổi chiều hạ, Artémis vào rừng thấy trong một cái hang rách rưới tiếng suối reo. Đang lúc mệt mỏi và nóng bức, Artémis và cả đoàn tùy tùng liền xuống tắm dưới suối. Cùng lúc đó, Actéon đi săn qua. Sợ trời run rui, anh ta thấy chỗ phong cảnh lạ liền nghĩ sẵn đi thơ thần dạo chơi. Trông thấy cái suối trong anh ta định lại uống nước. Bọn Nym-

phes thấy người lạ liền kêu ầm ỹ. Artémis tức giận bị người trông thấy, liền chụm hai tay lấy nước té vào người Actéon. Tức thì anh ta hóa ra con hươu sao. Khi đàn chó săn trông thấy anh ta dưới hình dạng mới ấy liền xúm lại và trong chớp mắt cắn anh ta tan tành. Xác anh ta lâu ngày không ai chôn cất và trong đám bụi rậm nơi anh ta bị đàn chó xé thịt, những người ở chung quanh thường thấy một hình người hiện lên. Họ sợ hãi tìm hỏi một nhà tiên tri. Thánh cho biết là phải về tìm xác của Actéon mà chôn cất, rồi dựng ở chỗ anh ta thường hiện lên một pho tượng cho anh ta.

Artémis tuy vậy cũng có lúc thấy tâm hồn rạo rức vì yêu đương. Thật vậy một lần nàng yêu một chàng đi săn trẻ tuổi và rất xinh đẹp là Orion. Nàng sắp làm lễ cưới với người đó thì bị Apollon tìm kế ngăn cản. Một hôm Orion đang bơi đặng xa. Đầu anh ta trông chỉ còn như một cái chấm đen. Apollon làm ra bộ như không rõ tài thiện xạ của chị và thách chị bắn trúng cái chấm đen ấy. Artémis tức khí ngấm và bắn trúng làm chết

Orion. Lúc biết sự thật, nàng thất vọng vô cùng. Nàng liền xin Zeus hóa Orion thành một chòm sao. Từ đó những đêm trăng tỏ, người ta thường thấy Orion và đàn chó đi săn trên trời có Artemis đốt đuốc đi heo.

Artémis có lần còn yêu một gã mục đồng trẻ và đẹp tên là Endymion. Zeus có một lần hỏi anh ta thích sống thế nào, Endymion trả lời thích bất tử, không bao giờ già và ngủ một giấc ngủ vĩnh viễn. Từ đó, trẻ và đẹp mãi mãi, anh ta ngủ liên miên trong một cái động. Một hôm trông thấy anh ta, Artémis đem lòng yêu mến và chiều chiều xuống ngắm chàng trai xinh đẹp ấy.

Artémis còn là vị nữ thần làm nảy nở cây cối, làm chín các mùa màng và hoa quả. Để đền ơn đó, nàng bắt người ta dâng mình những của sớm mới. Nếu ai quên liền bị trừng phạt ngay: hoặc nàng làm nước dòng lại làm hồng mùa màng, hoặc nàng cho các thú dữ đến tàn phá cây cối.

Ngày xưa ở cánh đồng Calydon xanh tươi có. vua Pénéee rất giàu có. Hoàng hậu mới sinh được một hoàng nam đặt

tên là Maléagre. Đứa trẻ vừa được bảy ngày thì những Parques hiện đến lâu đài của hoàng hậu và chỉ một canh củ đang cháy dở mà bảo: « Maléagre sẽ chết khi cây củ này cháy chết ».

Hoàng hậu nghe thế sợ hãi vội nhảy xuống tắt thanh củi và cắt nó vào kết sắt. Một năm được mùa, vua Pénéee quên không dâng mùa màng đầu tiên cho Artémis. Tức thì vị nữ thần cho một con lợn rừng rấi dữ tợn đến tàn phá ruộng và đàn nhò của nhà vua. Maléagre cùng các tay thiện xạ liền tổ chức cuộc săn con ác thú. Trong cuộc săn, Atalante một nữ đồng trinh đã tỏ ra rất nhanh nhẹn và khéo léo. Chính nàng đầu tiên là n bị thương con thú mà về sau Maléagre giết chết. Cảm về sắc đẹp và lòng can đảm của Atalante, Maléagre liền biểu nàng đầu và da con thú Nhưng mấy người cậu của anh ta cũng có dự cuộc săn, không bằng lòng cho một người đàn bà chiếm các thú đó liền cướp lại. Maléagre tức giận đâm chết các cậu. Althaea, mẹ anh ta, thấy các anh em bị giết cả, nhớ lại lời nói của các Parques liền mở kết sắt lấy mẫu củi cháy dở ngày trước mà ném vào đồng lửa cây củi cháy

và lúc nó tắt thì Maléagre từ già cõi đời.

Sau cuộc săn con lợn rừng Atalante trở về nhà bố. Nguyên lúc sinh nàng, cha nàng vì chỉ thích con trai nên dày nàng lên một ngọn núi thật xa. Một con gấu cái cho nàng bú và một bọn đi săn đem nàng về nuôi. Lớn lên nàng chỉ thích săn bắn thú dữ trong những khe núi sâu. Khi nàng trở về, cha nàng định gả chồng cho nàng. Nhưng vì không thích lập gia đình, nên nàng bắt các người cầu hôn phải qua một kỳ thử thách bao giờ cũng đưa họ đến cái chết. Biết mình vô địch, nàng thách họ chạy thi. Lúc đầu nàng để họ chạy trước rồi nàng đuổi theo. Mỗi lần đuổi kịp nàng lấy dao đâm họ. Nhiều vị anh hùng bị thua và bị giết như vậy. Một thanh niên nữa là Mélanios lại đến cầu hôn. Anh ta được vị nữ thần của hôn nhân là Aphrodite giúp. Bà cho anh ta ba quả táo bằng vàng của vườn Hesperides. Cuộc thi bắt đầu. Mỗi lần sắp bị đuổi kịp, Mélanios lại vút một quả táo bằng vàng xuống. Ba lần anh ta làm như vậy. Những quả táo đẹp làm mê Atalante. Ba lần nàng cúi xuống nhặt và mắt thì giờ như vậy: nàng để cho Mélanios đến trước. Cuộc hôn nhân của hai người hoàn thành.

Artémis bao giờ cũng được miêu tả với cái ống cắm tên trên vai và một con hươu cái hay một con chó dưới chân. Vì là thần trăng nên một đôi khi nàng cầm một bó đuốc. Thân hình nàng mảnh dẻ và nhanh nhẹn. Áo ngắn đến đầu gối để khỏi vướng khi đi săn. Thường thường nàng dùng một cỗ xe có những hươu cái kéo các vật công hiến nàng là: hươu cái, hươu, chó, gà sống, con cú, gấu, lợn rừng và chó sói. Các cây: nguyệt quế, đào kim nương, biền bá, bách hương và ô liu là những cây nàng thích hơn cả. ● ★



CHA. — Đùng rồi, sư tử là chúa tể muôn loài, nhưng đã là chúa thì nó còn sợ con gì nữa không?
CON. — Có chứ, nó sợ con sư tử cái nữa, ba à!

gửi núi rừng

★ MINH-ĐỨC

(Trong Tao-dân Bạch-Nga)

Núi Rừng nơi đâu
Bao giờ gặp lại
Nhớ nhung nhiều
Xa cách đã từ lâu
Còn chinh chiến chắc sẽ còn xa mãi
Đời thông xưa
Nhớ đời thông xưa vi vu xanh
Bông hoa rừng
Nhớ bông hoa lan rừng mong manh
Ngàn buổi chiều
Nhớ ngàn buổi chiều lên tím ngắt
Những con đường
Nhớ những con đường đá sỏi quanh quanh
Núi rừng ơi
Nơi đây vẫn minh quá
Tiếng ngựa xe, dồn dập suốt ngày đêm
Ánh sáng điện tưng bừng muôn sắc lạ
Nức nở giọng cười
Quên nét sao êm
Đâu bài thơ hoang vu
Đâu phút giờ vắng lặng
Bầy chim khuya âu yếm giọt sương thu
Nét khói mỏng vươn lên màu xanh nắng
Núi rừng ơi
Đâu tiếng hú âm vang
Bầy yêu ma cuồng dại lang thang
Tiếng rên rỉ
Lũ côn trùng bên xác lá
Xa rồi, ta đang xa tất cả
Đề mỗi chiều khi bóng ngả ngoài sân
Nhớ núi rừng
Nhớ núi rừng, có mình ta băng khuâng

Tiếng nói của

Gai. và
trái
thế hệ



xây dựng
ngày mai

★ NGUYỄN-THỊ MINH-NGUYỆT
(Đại học Văn-Khoa, Saigon)

TÔI mồ-côi cha năm 13 tuổi. Năm đó tôi vừa bước chân vào Trung-học với rất nhiều hăng-say và ước-mơ của tuổi trẻ. Buổi chiều tiếp-nhận tin cha chết, tôi đang ngồi trong lớp học. Tôi thoáng thấy nhiều ánh mắt thương-hại và mọng dò của các bạn nhìn tôi. Trên đường về nhà, tôi cúi đầu lầm-lũi bước, lá me rụng phủ trên đôi bờ vai bé nhỏ, gió sông thổi lộng vào nhưng tôi không thấy lạnh. Một cô Bé khác vào tuổi tôi chắc đã khóc ầm lên khi nhận tin buồn đó, nhưng tôi không hiểu sao tôi không khóc được. Sự đau đớn đến quá bất-ngờ làm tâm-hồn tôi xúc-động mạnh, tôi không còn ghi nhận được một cảm-giác nào nữa. Cho mãi đến mấy ngày sau, khi cha tôi đã nằm yên trong lòng đất lạnh, tôi mới thấy cả sự trống-rỗng, tê tái và chua xót xâm-chiếm cõi lòng và từng đêm, từng đêm tôi đã gục đầu lên bàn thờ cha mà khóc rất nhiều.

Từ đó, vành khăn tang trắng đã cướp mất nơi tôi nụ cười hồn-nhiên và ánh mắt ngây-thơ tràn-ngập niềm vui. Tôi bé nhất nhà nên được mọi người thương yêu, do đó tôi rất ghét điều gì phật-ý, ưa khóc-lóc và hờn-giận. Nhưng từ ngày cha tôi bỏ tôi mà đi không một lời từ-giã, tôi bắt đầu ý-thức được số-phận của con người, suy-ngẫm về cuộc đời sắp tới của tôi. Tôi sống nhiều với nội-tâm và âm-thầm như một chiếc bóng. Mắt tình thương của cha, tôi thấy mình cô độc bơ-vơ. Tôi biết rằng trọn đời — ngoài mẹ tôi — sẽ không có một người nào có thể yêu tôi như cha đã cưng yêu tôi.

Biết tôi buồn - khổ, mẹ tôi đã che-chở và thương-yêu tôi hết lòng. Có những buổi hoàng hôn mưa lạnh, ngồi gần bên mẹ, tôi thường nghe thấy tiếng thở dài rất nhẹ của mẹ và ánh mắt nhìn tôi thật âu yếm nồng nàn. Những lúc đó tôi thấy lòng ghen ngào rưng rưng và chỉ muốn ôm ghì mẹ vào đôi vòng tay bé nhỏ.

Thời gian lặng lẽ trôi, tôi đã lớn khôn hơn những mối sầu ngày cũ vẫn chưa nguôi. Lúc nào tôi cũng bị ám ảnh bởi

hình ảnh của người cha đã mất và nỗi nhọc nhằn yếu đuối của mẹ tôi. Từ ngày cha về thế giới bên kia, nhiều chuyện buồn đã đến với gia đình làm mẹ tôi thêm sầu thảm. Mẹ không nhọc nhằn về vật chất nhưng lại khổ tinh thần, điều đó đã làm tôi suy nghĩ và khổ đau không ít. Nhiều đêm, nửa khuya chợt tỉnh giấc, những cay đắng và tủi hận đã gặp trong cuộc sống hiện về rõ hơn bao giờ hết làm tôi rưng rức khóc. Mặc dù không hoàn toàn hiểu rõ tôi nhưng mẹ tôi đã an ủi vỗ về và chia sẻ với tôi những điều mà mẹ tôi ngờ là đang làm tôi khổ. Tôi vô cùng xúc động khi nghiệm ra rằng trong cuộc đời tôi, những lúc tôi đau đớn dù thể chất hay tinh thần là y như có mẹ tôi ở cạnh bên. Tôi thầm cảm ơn Thượng-đế đã ban cho tôi tình thương bao la cao quý đó. Tôi thường tự nghĩ tôi sẽ sống ra sao, có còn niềm tin gì ở cuộc đời nếu tôi mất tình thương yêu đó. Đôi lúc thấy yêu mẹ quá, tôi rất muốn làm một cái gì thật vẻ vang, phi thường để tỏ sự biết ơn và lòng thương yêu đối với mẹ. Ý muốn tha thiết đó thêm vào với những cảm nghĩ về những phi lý của cuộc đời, thân phận của con người đã khiến tôi

càng nuôi nhiều cao vọng, dặt rất nhiều cho tương lai. Nhưng thực tế thường phủ phàng cay đắng và cuộc đời không phải bao giờ cũng bắt buộc hiển danh cho ta những gì mà ta mong chờ ở nó. Vì thế có những thất bại, những nỗi buồn đã làm tôi chán nản, tôi muốn phó mặc cho định mệnh, sống không mục đích và lý tưởng. Nhưng rồi tình yêu đậm đà và sự hy sinh, khổ đau của mẹ làm tôi thức tỉnh. Ngày nay tôi thực hiện được một phần nhỏ của giấc mơ tuổi trẻ cũng là nhờ tình thương chân thành cao cả của mẹ và lòng cương quyết thẳng nghịch cảnh của tôi. Cuộc đời phi lý và ngăn ngui, thân phận con người thấp kém rề rúng, nhưng chính những ray rứt suy tư đó mà ta phải cương quyết tự tạo cho mình một cái

gì chứ không phải để buông trôi cho số phận, không nghĩ gì về tương lai.

Bước chân vào ngưỡng cửa Đại học, tôi tự khoác cho mình một lớp áo đạo đức nhưng trẻ trung và thật. Tôi chối bỏ và giã từ niềm đau dĩ vãng, nỗi suy tư hiện tại để hướng về tương lai, đắp xây cho mình một hoài bão vừa đủ thực hiện được hầu khỏi tủi thẹn khi nhớ đến người cha quá vãng, để giúp ích cho tiểu gia đình gồm một bà mẹ mà tôi hết lòng yêu kính và rộng hơn đôi chút là xã hội học đường, một xã-hội mà sau này tôi sẽ bước chân vào với cương vị một nhà mô phạm đứng đắn và tận tụy.

nỗi niềm người

★ TUYẾT-HƯƠNG

(Thân tặng Mai, người bạn học ngày xưa)

Anh,

NẾU có khi nào rồi rã, lật đọc đèn trang này, em xin

anh hãy tự hứa rằng : sẽ tha thứ tất cả. Nếu không, hãy bỏ qua xem như lòng chẳng muốn.

VỢ
?
TRÉ

Em phải nói vậy vì ít nhiều chi thể nào em cũng đã làm anh phật ý. Em hiểu thế nhưng tình vợ chồng lâu nay bị chao động. Mỗi lần vậy, em suy nghĩ rất nhiều đến Hạnh phúc của mình bị đe dọa.

Trong ý nghĩ em cũng như các cô, trước khi bước chân về nhà chồng, họ đã mơ hồ hiểu rằng: chung quanh mình người ta sẵn sàng «giương cung bắn sẻ», ngoài sự rộng lượng của cha mẹ. Nhưng sớm muộn chắc chắn rằng cô dâu thế nào cũng bị một vài vết trầy trật, xây xước ít nhiều tình cảm. Mỗi lần như vậy sự than vãn đối gia đình mình thành ra vô ích: cha mẹ chỉ cần khuyên vồn vện «khi nào cũng vậy, chịu khó đi con». Thề là hết, họ đặt gánh nặng nên luân lý, đạo đức cô truyền trên hết. Người con gái chỉ còn ưu tư cảm nghĩ. Và lần lần tức bực, uất ức đã xâm chiếm bản tính. Đó là nguyên nhân nảy mầm gây gỗ và bất hòa. Dù cho bây giờ tình yêu thương của chồng vô biên chẳng nữa, khó lòng xoa dịu khi vết thương hằn sâu trong tâm hồn vợ. Hạnh phúc có thể vì đó phai nhạt đi sự nồng ấm.

Sự trạng trên đã đưa đến

những cái lắc đầu khi cô gái nọ lập gia đình, thì bằng ánh mắt thông cảm, họ cười mà rằng:

« Phải chi riêng chỉ hai ta! Ai cũng mong ước khi bước qua cửa ngõ cuộc đời với nhiệm vụ mới mà, bốn phận thiêng liêng họ bằng lòng nhận lãnh, sẵn sàng đón nhận. Nhưng vẫn là: « phải chi riêng chỉ hai ta »! Bởi hạnh phúc đó họ đã chờ đợi, quyết liệt và tranh đấu tận cùng bằng những hoài bão đẹp đẽ: « em chỉ vì anh », vì anh chịu đựng hoàn cảnh eo hẹp và quyền uy cha mẹ. Ngoài ra, khó lòng họ chịu đựng nổi những lời nào ngọt ngào mà đau đớn, bóng gió mà cay chua, của kẻ liên quan mật thiết: anh chị, bà con, cô chú v.v.. với những lời đột ngột và soi mói ày, « trận chiến » bùng nổ bắt nguồn lời vu vơ thâm ý!

Là đàn ông, anh không thể hiểu được sự xúc cảm mãnh liệt của phụ nữ mỗi khi bị ai xúc phạm đến gia đình mình. Chính khi ấy, họ tự nhiên như thầy mình bị quật ngã rất mạnh mà chỉ đưa mắt nhìn không thể thốt nên lời. Va chạm lần đầu trở thành ấn tượng. Và dần dần đào sâu hồ chia cách khó lòng lập được.

Em đã sống qua những ý tưởng các đồng bạn ở học đường, những dằn dò thấy giáo, những la mắng cha mẹ, trước tuổi « bướm hoa ». Học đường, gia đình chuẩn bị lễ giáo mai sau cho hạnh phúc thanh thiêu, hiểu để gây dựng một gia đình — Bên anh, em đã cố gắng làm vui lòng chồng cùng những người quen lạ. Nhưng dù cho cố gắng đến đâu, em cũng chỉ là con mối trước những mũi tên nhọn. Ván bài lúc chia thầy đẽ, đèn khi cầm trên tay rồi mới biết có địch thủ đang rình. Em nghĩ trong gia đình cũng vậy không thể nào em tự ý đặt bày theo ý mình, những gì mà trước kia chưa có em, anh đã sống quen mắt. Đòi riêng anh, cái gì anh cũng có thể bằng lòng những những người thân anh thì sao? (không nói đến Cha Mẹ) Họ đâu phải là anh để chuẩn bị thúc đẩy, khuyên nhủ em trong nhiệm vụ mới!

Họ cũng không nói năng đến em bất cứ vấn đề gì. Sao anh không nghĩ một chút cho em! Sự có mặt của em ở gia đình anh thành vô nghĩa. Đó chẳng phải điều làm em nghĩ ngợi, tài hồ? Họ đòi hỏi những

như cầu mà bốn phận anh gánh vác, chưa một lần em được « vinh hạnh » tiếp xúc. Mà chỉ riêng anh, riêng anh phải trả lời, phải nghe như nghe lời dằn dò cắn mật. Còn em, em chỉ được anh truyền như mệnh lệnh theo chỉ thị mới ban hành. Nhưng họ là ai? Với em phải thế nào?

Anh,

Dù cho dốt nát, em cũng phải hiểu trước khi chung sống cùng anh. Bất cứ có gái nào, lấy chồng đều hiểu rõ giá trị sự có mặt chồng mình trong gia đình ra sao! Em cũng vậy, thì, với những người trên anh: anh chị em, chú bác, cô v.v... với tư cách liên quan mật thiết gia đình, em chỉ biết có kính trọng như đối kẻ thân tín mình. Kính trọng đâu có nghĩa phải cúi đầu vâng mệnh lệnh sai khiến! Em đã cố tránh điều khó khăn cho anh: giữa vợ và anh-cô v.v... nhưng không tài được. Anh vùng vẫy thoát lưới nhưng vùng vẫy chừng nào lưới càng siết chặt, siết chặt... Em âm thầm thương anh hơn, thương anh cùng với niềm chán nản của mình, nhất là khi anh phải xin lỗi và mong mọi người thương yêu

em, mặc dù chính anh đã nhận rằng: em vô tội trước những ý nghĩ áp đảo hiểu lầm. Đòi khi anh cũng trách em, em nói thế nào cho anh hiểu rõ lòng em đang muốn yên ổn. Từ gia đình mình, bằng lòng lãnh vai trò mới bên cạnh chồng và gia đình đã trở nên quen, em mong ước gì hơn thế nữa!

Em tự chất vấn mình, em chỉ thấy im lặng là hơn cả. Anh hiểu em là khác mà số phận em lại là khác hơn.

Em mong ở anh một điều phải quyết liệt vì bình đẳng, thẳng thắn cần thiết cho em tiếp tục cuộc hành trình mà chúng ta từng ước đợi. Anh

là kẻ nổi tiệp hơi thở đời em, anh hãy suy lại giới hạn một người vợ biết phục tùng chồng. Em như anh, cũng là một hội viên trong liên hiệp bình đẳng đó. Nhưng chỉ mình anh đặt em vào đầu cân để cân bằng bình đẳng ấy. Sự có mặt của em ở gia đình anh!

Không phải chỉ riêng hai ta bị khó thở, có nhiều kẻ vô tình, làm mất mát đi ít nhiều êm đềm tình vợ chồng đang say sưa hạnh phúc, khao khát, đợi chờ kết quả đó, em sợ tan biến dần trong cảm lặng... ● ★

tôi
đi

lãnh
lương

lần
đầu

★ PHẠM-CAO-HOÀNG
(Cựu học-sinh Pétrus-Ký — Saigon,
hiện công-chức ở Phan-thiết)

Hôm nay 6 tây, bác tùy phái gọi tôi xuống phòng lãnh lương. Tôi ngỡ và ngại ngừng như một cô dâu mới về nhà chồng, vì đây là lần đầu tiên tôi đi làm « công chức ». Nói ra thì hai tiếng công chức hơi oai, chứ thật ra tôi làm thư ký với lương tháng chỉ trên

2000 đồng. Đưa tay ra ký nhận lấy bạc, tôi nhớ tiếc mãi cái cảnh đi học xa nhà, cứ mỗi đầu tháng vào khoảng từ 5 tới 10 tây là tôi nằm nhà đợi thư bảo đảm. Mỗi lần bác phát thư đạp xe đi qua là mỗi lần tôi đứng ra nhìn, lòng cứ mong bác ấy ghé lại « tề xá » một chút. Rồi thất vọng

rồi chờ đợi như một cậu trai đôi mươi chờ đợi người yêu. Nhận được thư bảo đảm, đứng chờ ở ghi-sê bưu điện chẳng khác nào bây giờ, nhưng lúc bấy giờ tôi nhận tiền với sự hồ thẹn của lương tâm.

Nhớ lại cách đây mấy tháng còn là một học sinh trường trung học lớn nhất Đô thành, tôi vẫn cắm đầu vào sách vở để mong đến ngày thi. Cứ tưởng cuộc đời là đẹp lắm, tôi dự định tương lai với một bài toán giải sẵn. Nếu áp dụng câu « tuổi đôi mươi là tuổi đầy hoa mộng » vào tôi thế thật là đúng. Dù mô cô mẹ từ khi tôi vừa lọt lòng, tôi vẫn được sự chiều dài của ba tôi. Có lẽ tôi không được hưởng những sự âu yếm của người mẹ trên tâm hồn tôi lúc nào cũng cảm thấy thiếu thốn một cái gì. Vì vậy mới 17 tuổi tôi đã yêu. (con trai 17 tuổi mà biết yêu thì hơi sớm). Tôi yêu một cách say mê và được yêu. Tôi đặt hết tình thương vào người con gái tôi yêu. Ở nàng, tôi thấy cuộc đời tôi tạm đầy đủ, tôi tìm thấy sự chịu đựng, sự hy sinh mà tôi có cảm tưởng là hiện thân của mẹ tôi. Tôi

tin tưởng ở nàng, coi nàng là lẽ sống của tôi. Nàng đã làm khổ tôi rất nhiều nhưng tôi thấy hạnh diện khi được nàng làm khổ, vì tôi cho rằng người con gái nào khi yêu cũng thế. Tôi chăm học mong mỗi đề khỏi phụ lòng nàng. Học giỏi, tôi chưa lần nào gặp phải cảnh « đi không lại trở về không ». Tôi yêu đời ham hoạt động, tôi cứ tưởng trời cướp mất của tôi một người mẹ nên tôi được cái may mắn này để bù vào sự thiếu thốn kia: luật thừa trừ của Tạo hóa mà. Vì mãi tin như vậy nên tôi không ngờ những sự việc có thể xảy ra mà ở đời này có việc gì mà lại không thể xảy ra nhỉ? « Nàng đã bỏ tôi »!. Đối với kẻ khác thì chỉ là một sự thường mà thôi, nhất là với những kẻ xem tình yêu chỉ là đề thỏa mãn nhu cầu tình cảm trong tuổi hoa niên thì sự việc trên không lấy gì đáng quan tâm cho lắm. Nhưng với tôi thì là cả một biến cố quan trọng trong đời. Mất nàng, tôi mất hết cả hy vọng, mất hết cả tương lai, mất hết những ý hướng tính đề hoạt động. Tôi đâm ra khinh thường hết cả mọi người, oán ghét xã hội. Tôi nghi ngờ những kẻ tốt với tôi. Tôi không

muốn học nữa vì tôi nghĩ rằng học đề mà chỉ khi những cái mình đã nắm chắc trong tay mà còn đòi thay hướng chỉ bằng cấp tương lai, xa vời quá. Tôi đâm ra chán nản bi quan, bạn thân tôi thương hại tôi, khuyên răn tôi, tôi từ chối lánh mặt không chơi với chúng nó nữa đề giữ mãi tình cảm ban đầu. Cuộc sống tình cảm tôi hết chỗ bám víu, gia đình tôi, tôi không thích lắm, nhất là mình đã có mẹ kế thì sự việc sống trong gia đình chỉ là vụn vặt rắc rối. Mất người yêu là tôi mất hết tất cả, tôi thi tú tài II rớt luôn 2 khóa. Thế là tôi đâm ra sống mộng lung lạc hướng; nhiều lúc tôi có ý nghĩ muốn đi tu nhưng lại thôi vì còn phải đàn em dại. Tôi phải sống đề chịu đựng sự dày vò của tâm hồn và vật chất. Tôi lại quen với nhiều bạn gái, nhưng

không phải với ý tưởng xây dựng ban đầu mà là đề tìm hiểu những biến đổi tâm lý và những nhu cầu đòi hỏi của họ hầu tìm ra nguyên nhân người yêu tôi bỏ tôi. Tôi chưa lấy được mức quân bình của tình cảm, vẫn mong lung, không học được nữa và tôi tìm việc làm.

Ngày ngày với cuộc sống đều đều của một anh thư ký, tôi ít có thì giờ nghĩ lại chuyện xưa đề mà bi quan và oán ghét nữa. Tôi muốn dùng công việc để hàn gắn vết thương mà tiến nữa. Có lẽ sự lãnh tiền ở anh phát ngân viên cũng như ở ghi-sê bưu điện đều đều trong cuộc sống của tôi. Nhưng chắc chắn tôi sẽ không còn đến ghi-sê của chua chát nữa!

(Phan thiết 12-1-1964)

chuyện ngày qua

* NGƯỜI LÍNH CÔNG BINH (KBC 4992)

— Sương xuống rồi! Về đi anh.
Dũng lặng buồn, kéo sát
Thúy vào lòng:

— Em nghe chẳng! Gió thu
nghe lạnh lạnh, những chiếc lá
vàng lảo đảo rơi trong một chiều

tàn tạ, như báo cho anh một sự gì không đẹp sắp xảy ra. Anh sợ phải xa em và tình ta sẽ dở vớ; vì anh nghèo và đơn côi.

— Anh Dũng! Sao anh lại có ý nghĩ lạ vậy? Thúy sẽ là của anh mãi mãi, nếu thiếu anh em chết mất. Tình yêu đâu có đặt đến vấn đề giàu nghèo.

— Anh cảm phục em lắm.

Dũng nắm chặt tay Thúy, tự dè lòng thồn thức.

Chuồn chiều ngân nga, màng đêm buông phủ. Hai mái đầu xanh song song trong lòng đại lộ.

Rồi một hôm, Dũng được lệnh lên đường quân dịch và phục vụ tại một đơn vị tác chiến. Sau những giây phút men say chiến trường, Dũng không sao khỏi liên tưởng đến Thúy, người con gái hiền hòa miền lục tỉnh, cùng học một trường. Nàng sẽ ra tận sân ga, môi hé nụ cười, lòng tràn ngập nỗi niềm hân hoan đón chàng chiến binh, mà đã hơn năm rồi xa cách.

Thấm thoắt lại mùa phượng vĩ; Dũng được phép về thăm nhà, thì than ôi! Thúy ngày xưa đã đổi thay nhiều, nàng vội quên lời thề năm xưa, mà bước sang

thuyền khác. Dũng đau đớn cả người, thăm trách con người phụ bạc.

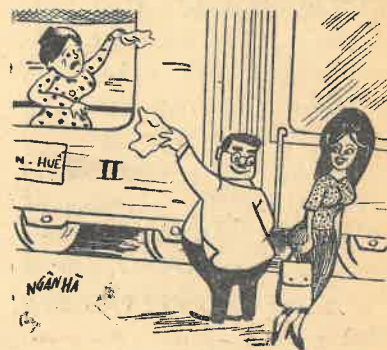
Lời nói ấy, tiếng nói ấy. Giờ đây chỉ còn là một dư âm tàn mạn, một hư ảnh đã qua rồi! Xa xôi lắm.

Tiếng súng ngoài tiền tuyến nổ vang. Phải chăng tiếng pháo vu-qui tiễn nàng lên xe về nhà chồng. Ôi! chua chát lắm, một sự gì xáo trộn trong lòng Dũng.

Đoành! đoành! đoành! Ba tiếng súng đưa Dũng về thực tại, báo hiệu giờ khởi hành của cuộc hành quân.

Vai "ba-lô"! Dũng lao mình ngoài sương gió.

Bên ngoài, mưa rơi! mưa rơi!



Một cảnh tiễn đưa trên sân ga.



(A I K I - D O)

★ B.S. NGUYỄN-ANH-TÀI

HIỆP - KHÍ - ĐẠO là một môn võ-thuật thuộc về loại nhuyễn công.

Vị sư-tổ sáng lập ra nó là Ông Morihei UYESHIBA, năm nay đã 83 tuổi.

Đó là một phái võ hồi thời tiền thế đệ nhị chiến không được ai biết, chỉ có một nhóm sĩ quan cao cấp trong quân đội Nhật được huấn luyện mà thôi, vì họ coi đó là một tinh hoa đặc biệt không muốn đem truyền bá ra ngoài.

Sau thế chiến, Ông sư tổ UYESHIBA thấy cần đem nó phổ biến ra ngoài như Nhu-đạo của Ông Jigoro KANO, nên từ đó dân gian mới được nghe tiếng nó.

Hồi năm 1940 tôi đã có dịp

thấy một đôn Hiệp khí đạo nhưng không biết xuất xứ đâu ra, cứ lầm tưởng là Nhu-thuật « Ju-jitsu ».

● Lịch Sử Hiệp Khí Đạo

Nguồn gốc Hiệp Khí Đạo ở bên Trung Hoa, cũng như hầu hết các phái võ có danh tiếng ở Á đông đều xuất ở một trong cửu đại môn phái ở Trung thổ.

Khi xưa Ông M. UYESHIBA, lúc thiếu thời đã đi tầm sư học đạo và thâm nhập được học môn « Cầm nã thủ » Ai có đọc qua « Đơn kiếm diệt quần ma » và « Thái A kiếm » của Kim Dung thì đều biết môn này. Được luyện nội công lực tinh vi « Thiên cân truy » ông rất thâm, và « cầm nã thủ » ông rất cao siêu.

Về nước, Ông sưu tầm thêm, và lập thành cái đạo : đó là Hiệp Khí Đạo, và cũng như Nhu-đạo, Hiệp Khí Đạo hiện giờ đang bành trướng ở Quốc-tế. Trong khi đó nước Trung Hoa là nơi nhau rún của các phái võ lại chìm đắm trong thâm lặng.

Nguyên Tắc của Hiệp Khí Đạo

Hiệp Khí Đạo có 2 nguyên tắc căn bản.

Thứ nhất là luyện nội công lực cho tinh vi. Sự luyện tập giống như ở YOGA : đó là luyện hô hấp. Ông Morihei

HIỆP KHÍ ĐẠO

UYESHIBA hiện giờ mỗi giờ chỉ hô hấp có 4 bận khi ông tập nội công lực. Đó là phép luyện khí. Và khi ông lấy hơi vào vận « Thiên cân Truy » thì nặng như núi Thái sơn, năm bảy người lực sĩ xô không lay chuyển. Cách đây mấy năm một tuần báo ở Thượng-hải có thuật chuyện một cụ già luyện « Thái cực chưởng » (không phải là KARATE hay TAEKWON-DO) cũng đã biểu diễn cho nhiều người Mỹ to lớn mà xô ông ta không lay chuyển. Chính tại Saigon hồi tháng chạp năm 1962 có một ông già người Mỹ, ông D. M. O'NEILL, 58 tuổi, có kiếng đạo đường Việt-Nam Hiệp khí Nhu-đạo Hội : ông đã tập Nhu-đạo lên tới ngũ đẳng. Sau đó ông qua tập Hiệp-khí-đạo và được giới sang Việt-Nam làm cố vấn thể thao tại căn cứ không quân Biên Hòa, đã có lần biểu diễn cho chúng tôi xem bằng cách đứng một chân theo độc cước tấn đề cho anh lực sĩ đẹp Nguyễn thành Nhơn và một anh bạn cũng to lớn như anh mà xô không lay chuyển được.

Nguyên tắc thứ hai là tập luyện cầm-nã-thủ theo bốn phương pháp. Nền tảng của Hiệp Khí Đạo là cái vòng thái cực. Đi từ vô cực xuống thái cực, từ vòng lớn, vòng xuống thấp lần tới cái vòng nhỏ, hoặc từ thái cực

đi vòng từ dưới thấp lên cái vòng lớn của vô cực. Như trong thái cực chưởng, thái cực sinh ra lưỡng nghi là Âm và Dương. Trong Hiệp Khí Đạo các thế võ đi từ Âm qua Dương hoặc từ Dương qua Âm tùy theo sức và vị trí căn bản của địch thủ. Trong lưỡng nghi sanh ra tứ tượng đó là bốn phép « Cầm nã thủ ».

Khi luyện Hiệp Khí Đạo tinh vi rồi thì thủ pháp, bộ pháp và thân pháp đều xuất nhập như ý, và ý nghĩ tới đâu thì tay chân tới đó ; đấu quyền cước, đấu chưởng, hoặc địch thủ dùng binh khí dao găm, côn, kiếm... đều cũng dùng một nguyên tắc.

Ngoài những công dụng tự vệ, thì Hiệp Khí Đạo còn là một phương thuốc trường sanh cũng như Thái cực chưởng, vì nó luyện nội công lực của ta theo YOGA. Muốn tập lúc nào cũng được. Ở sân tập thì phải quỳ hoặc ngồi xếp bằng theo YOGA, còn đứng, nằm, ngồi, đi hay đương làm công việc gì ta cứ tập trung nội công lực xuống đan điền thì một thời gian sau, sẽ thấy sự tiến bộ rõ rệt. Ấu cũng là một phương pháp y học trong ngành võ để giúp cho ta sống lâu vậy.



đơn côi

★ THIÊN-THU
(Đại học Văn-khoa)

Saigon hôm nay sao ám u
như hồn cô đơn nghe mùa Thu
như chìm trong sương, trong mây mù
như ngày anh đi xa Thiên Thu.

Hồn em theo mây đi chơi với...
theo mây bay về một phương trời
Hỏi anh những gì nơi phương Tây
Chấn cả đường về đây, anh ơi!

Sao anh không về đây
cùng đi con đường này
trong những ngày mưa đỏ
cùng gọi kỷ niệm xưa!

Ngoài kia trời đang mưa
Đường mòn buồn có độc
Em gục đầu.
không khóc.

Nghe hồn đi lang thang
Nghe sầu dâng mênh mang...
Con tim vừa khép cửa
Lạnh lùng ôi!

Đơn côi!

thân mình

về chị Thu-Phượng

★ LÊ-TRÂM-MI
(Lưu-Ly)

Và lần đó cũng là lần đi cuối
Bước giang hồ dừng lại chốn hoang tàn
Đường thành phố có nhiều khi đông ruồi
Kiếp phong sương chân đôi tượng môi đồn.

Ôc tri thức mọc meo chông lớp lớp
Cuộc sống này tựa lửa chổi chan nhiều

Vào ngõ trạm lời hẹn hò bỏ mất
Và trong tôi còn lại nét tiêu điều.

Trời thấp xuống núi đồi cao dứ dội

Suốt đời mình làm nô lệ cho người
Ôi! Xiềng xích tuần lưu đến ổng tối

Chiều âm u đỏ võ trắng thân tôi.
Mình đã trót hiến thân cho lãng bạc

Vững niềm tin rồi chết chẳng yếu mềm.

Khoảng thình không vạn thiên thần ca hát

Lời hẹn hò khơi kỷ niệm vui lên!

MƯỜI MỘT

GIỜ

GỖ

MƯỜI BỐN

TIẾNG

* Phương-Chi

Tư Tông là người thích đi chơi đêm nhưng lại thuộc vào hàng «chiên-si sợ vợ». Có những bận mãi vui la cà ở các quán rượu hay có những đêm say sưa «văn-nghệ», với các em út, Tư Tông đến 2, 3 giờ sáng, mới mò về nhà. Những bận về trễ như thế mà gặp «bà xã» vui thì Tư Tông chỉ bị «chính-huân» sơ sơ, nghĩa là bị bàn tay yêu kiều của phu-nhân nắm con «mực khô» (cà vạch) nơi cổ áo rút lại, hoặc bị bàn tay nội trợ bắt chước theo anh thợ hớt tóc xoa đầu. Nếu gặp lúc «bà xã» bị máu hành thì Tư Tông bị 10 ngón tay ngời viết vẽ rần rít những bức tranh lập dị trên khắp mình mẩy, hoặc bị bàn tay yêu điệu ấy

nắm lấy mái tóc trượng phu cho vào tráp khóa lại để luyện phép Yoga. Bị nhiều trận oái oăm như thế, Tư Tông vẫn không bỏ chiến thuật đi chơi đêm.

Chiều thứ bảy, Tư Tông gặp Li-li Sạn-cờ-mu, một cô gái Việt-Nam 100 phần 100 có tên Tây dài lê-thê đọc hút cả hơi thở. Khách «phong-ba» gặp gái «thiên quèn» liền trao lời ước hẹn:

— Đêm nay chúng ta gặp nhau ở «ba» Ngông-Đức, lúc 9 giờ...

Nhưng chiều lại, lúc ăn cơm xong, tình thế không tiện cho Tư Tông ra đi một tí nào cả.

Bà xã không biết bị dò mình, dò mảy thê nào mà mặt bà nhăn nhó như khi ăn ớt, giọng bà gắt gỏng như mấm ruột om. Những lúc như lúc nầy nều không có duyên có xác đáng để bỏ vợ ở nhà mà ra đi thì ngày mai có thể Tư Tông phải đi gọi thợ gấp để sửa lại mái ngói.

Đã 8 giờ hơn rồi mà Tư Tông chưa đào ra được kè. Nét bần khoản hiện ra trên mặt y. Bao nhiêu những « sáng tác, như là : ông giám-độc mời đi dự buổi liên-hoan, đi nhóm họp, đi dự buổi văn nghệ vân vân và vân vân. Tư Tông đã dùng rồi không thể đem ra « tái bản » để bịp bợm « bà xã » được nữa Phải phát-minh một cái gì mới mẻ và linh động mới đánh lừa được sư-tử Hà-Đông.

Bỗng mặt mày Tư Tông rạng rỡ lên. Nếu không kèm gấp thì anh ta đã bật ra tiếng cười lớn, vì y vừa nghĩ được một kè khá thần-tinh.

Đợi cho « bà xã » chun vào mừng, Tư Tông lên đi lấy chiếc đồng hồ reo, lên giây náo và đem để gần máy điện-thoại. Đoạn anh ta đèn nằm trên chiếc ghế xích-đu, hút

thuốc và đọc báo rất ung-dung.

Độ 10 phút sau, chuông đồng hồ náo reo lên, Tư Tông đứng dậy làm ra vẻ cau có :

— Giờ nầy mà ai còn gọi điện-thoại ?

Rồi y đèn cảm ông nói nhác lên, nói rất to cốt để « bà xã » nghe rõ :

« A-lô.. Vâng, tôi đây... Dạ, thưa ông giám-độc... Vâng... vâng... vâng... tôi nghe đây... Thưa ông giám-độc, không thể để đến ngày mai được sao?... Phải ngay bây giờ à.. Vâng.. vâng thưa, tôi đèn ngay bây giờ... Kính chào ông giám-độc».

Đặt ông nói xuống, Tư Tông làm ra vẻ tức tối, cần nhân khi đi ngang qua giưỡng vợ.

— Mọi nghĩ đã chán chưa ! Giờ nầy mà gọi người ta đi làm việc. Nếu không vì vợ vì con tôi nộp đơn xin nghỉ quách cho xong..

— Làm việc gì vào giờ nầy ? « Bà xã » hỏi.

— Đèn để dịch bức điện tín tiếng mật mã cho ông giám-độc. Tư Tông trả lời.

— Ô, thê thi cũng không

lâu lắc gì. Độ một giờ đồng hồ là xong phải không, cậu ?

— Ừ, cũng độ một hai giờ là xong, nếu bức điện tín dài cũng đến khuya tôi mới trở về được.

— Khuya là mấy giờ ? « Bà xã » hỏi gay gắt.

— Thì cũng độ 11, 12 giờ tôi về tới nhà.

— Thôi hãy chịu khó đi làm đi cho ông giám-độc vui lòng; tôi nằm một tí hết đau bụng, sẽ đi nấu chè hột sen để khuya cậu về mà ăn cho khỏe.

Được số lống, Tư Tông ra đèn đường gọi xe tắc-xi bước lên. Anh chàng gạt được vợ, thích chí cười ra tiếng làm người tài xê ngoảnh đầu lại.

— Nhanh lên, lái đèn « ba » Ngông Đực.

Chỉ địa điểm cho tài xê xong, Tư Tông huýt sáo luôn mồm. Chàng ta đang mở cờ trong bụng nghĩ đến cuộc gặp gỡ với Li-Li sảng-cờ-mu.

—... Đêm đó, trước mặt gái, Tư Tông tỏ ra người xuất sắc nhất trong bọn. Uống rượu giỏi, hát hay, diều có duyên, chàng còn có tài bắt chước giồng hệt tiếng mèo kêu, chó

sủa... Mãi vui với bạn bè lui hụi thê nào lúc về đến nhà mở cửa vào được phòng thì Tư Tông nghe chiếc đồng hồ cu cu gõ 3 tiếng. Sợ vợ biết mình về trễ, chàng ta nhanh trí chạy theo tiếng gõ của đồng hồ để đánh lừa vợ là mình về nhà mới có 11 giờ thôi.

— Cu-cù, cu-cù, cu-cù..

Khi Tư Tông bật đèn sáng trong phòng lên để thay áo thì thấy « bà xã », nằm trong mùng mở thao láo đôi mắt. Bà ta bảo :

— Này cậu, ngày mai cậu phải đi chữa chiếc đồng hồ cu cu mới được !

— Sao thê em ? chiếc đồng hồ ấy vẫn chạy tốt kia mà. Nó vừa đồ 11 tiếng đó.

— Tốt gì mà tốt ! Bà xã nói. Tôi nằm nghe nó đồ 3 tiếng đều nhau, rồi nó hục hặc như gà mắc dịch nuốt phải tóc và gõ thêm 11 tiếng nữa như thê là nó đã gõ 14 tiếng.

Tư Tông tái cả mặt, nhưng cò cãi bướng :

— Bậy nê, anh nghe nó gõ 11 tiếng hẳn hoi.

Vợ Tư Tông tức giận ngồi thóc dậy. Bà chạy lại chộp cổ áo chồng lồi



vào phòng có treo chiếc đồng hồ cu-cu và hét lên với giọng the thé :

— Đừng có búong nầy !
Đừng có búong nầy ! Lầy vãi thừa mà che mắt thánh. Đồng hồ gì 11 giờ lại gõ 14 tiếng ? ! Bà đã muốn lờ đi cho yên lại còn muốn cãi lại bà. Có phải gõ tiếp là do chiếc đồng hồ nầy không ?

« Bà xā » một tay chộp cổ áo, một tay chỉ vào cổ chồng và đâm thùm thụp, mỗi cái đâm bà điếm lên hai tiếng « cù cù » và bà đâm đủ 11 cái.

Khi được vợ búong ra, Tư Tòng xít xoa lầy tay chỉ vào cổ mình, nói khàn khàn :

— Thôi, cái đồng hồ nầy từ nay đã bị hỏng mất !



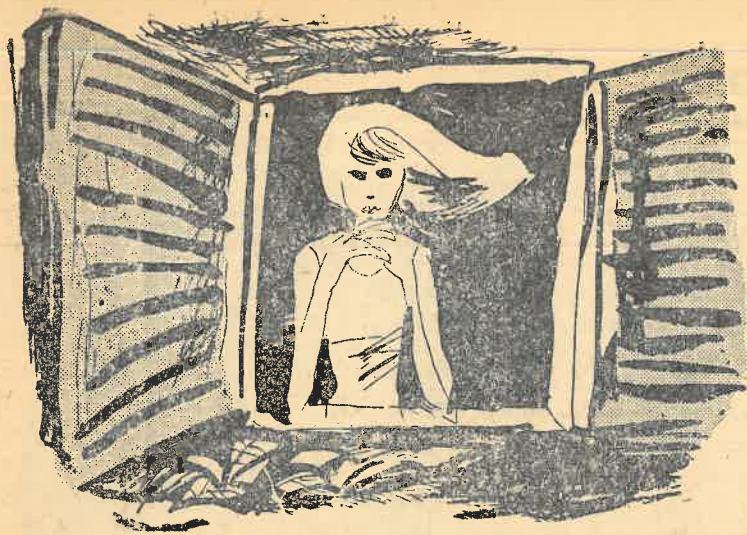
(Trong Tao-dàn Bạch-Nga)

Từ cõi trời cao rộng
Rơi xuống quả đất đầy
Người tự-do hành-động
Tất cả chờ người đây

Dù sao, người phải sống
Cho trọn vẹn kiếp này
Người không quyền thoái thác ;
Người không quyền xuôi tay.

Hãy dành một chỗ đứng
Ở dưới bóng mặt trời.
Hãy thả dòng tư-tưởng
Lan tràn khắp muôn nơi.

Rời đến khi kiệt sức,
Ngủ một giấc ngàn năm,
Không còn chi uất ức ;
Người đã nói, đã làm...



hai lối mộng

* Nguyễn

(Tiếp theo P. T. 120)

* Ngày 1 - 12

HỒ ! Con trai thật khó thương ! Khó khăn với họ thì tội mà « non tay ấn » lại bạo nói vậy đó. Có bị các nàng làm kiêu cũng là đáng lắm. Anh chàng không hiểu cho « thiện chí » của Nga, cứ tưởng bỏ là Nga « mê » cậu lắm, cũng như các cô gái thương yêu nghệ-sĩ. Kề cũng đúng. Nhưng thật ra đàn bà thích cái gì lạ lùng, ngộ nghĩnh và họ yêu « văn nghệ sĩ » cũng như hồi nhỏ họ thích chơi « búp bê » thôi, có gì

đáng cho các ông « sĩ » đó tự phụ đâu. À, sao người ta lại gọi đùa họ là văn-nghệ... sĩ nhỉ? Mà không phải là một tiếng khác, chẳng hạn văn-nghệ sĩ phải đúng hơn không? Hay tại trái tim họ... nóng bỏng như... trẻ em bị lên sỏi chớ gì. Ừ, chắc là vậy.

Nhưng họ dám tự-hào à? Trong khi họ gần như luôn luôn là kẻ đứng bên lề tình-cảm nhìn người yêu lên xe hoa, sau khi nức nở với họ, nào « Em vì chữ hiếu đành phải đau đớn xa

HAI LỐI MỘNG

anh về với... ông Kỹ-sư giàu sự...».

Nhưng nghĩ lại thì họ có đau khổ cũng không oan tí nào, vì lòng nghệ-sĩ như ngón tay búp măng của người đẹp, chiếc nhẫn-tình-cảm đeo vào không khó mà cởi ra lại dễ-dàng hơn. Nga ghét làm sao chỉ thích phá họ thôi. Hôm nào cao-hứng Nga sẽ hô-hào các cô đua nhau « đùa » các chàng « sĩ » ấy cho vui, rồi lúc nào buồn cho họ « leo cây ». Nếu quả thật họ có đáng yêu thì cũng không đáng chung-thủy. Nhưng nói nhỏ thôi, không khéo họ nghe được, kiện Nga thì nguy lắm đó.

Nào, bây giờ thì bắt đầu. « Nạn-nhân » thứ nhất là Sinh. Trong vòng hai tháng, anh chàng phải vào bầy. Đợi cho lâu mộng cậu xây độ năm, sáu, tầng, Nga sẽ... hô biển, bỏ mặc anh chàng « than mây khóc gió », một mình.

• Ngày 5 - 1 - 63

Không bao lâu nữa đến Tết. Dạo này mà học hành gì. Vào lớp chỉ nghịch ngẫm. Bọn nó « phát-giác » nhiều chuyện về người đẹp Thúy-Liêu, nhất là cô ả Ngân, sẵn tin tài quá đi. Quả bom nào nổ thì y như con nhỏ

« mở nút » cả. Được rồi, bao giờ Nga có mở nhật-báo, nhứt định dành cho nó chân phóng viên. Hết chuyện trong lớp bọn nó quay sang luận bàn « thời-đại-sự ». Đi từ các phim, báo mới, phòng trà, ca sĩ, tài tử, các kiểu tóc mới... nhập cảng, rồi dừng lại ở nhịp cầu văn nghệ, nhịp cầu thông cảm v.v... và v.v... Tự nhiên Nga... mất tự nhiên, quay sang « xóm nhà lá ». Các ả Hồng, Vân, Lệ - Khanh làm gì vui nhộn lắm.

— Hồng ơi, gì đó?

Cô nàng đưa ngón trở lên môi vừa liếc nhìn lên bàn giáo sư :

— Suyt ! Bí-mật quân sự.

Bí mật quân sự? Được, đã có con Oanh, « một cây » thám-thính.. Nó vờ đi xuống mượn bút chì, liếc nhanh rồi « làm loa » vọng lên. Không nghe rõ, Nga lại thích đùa :

— Gì Oanh? « Ma... ốm hả?

— Thôi đi, khi. « Maop » của người ta.

Con Tâm giảng giải :

— Maop. Marier, Aimer, Oublier, Partir.

Không biết nó học chuyên.. hay ho này ở đâu. Oanh có lấy tờ pelure hồng, à, cái con nhỏ

lúc nào cũng sẵn loại giấy này trong cặp, ướp Immortel No 7 cần thận kia. Nó bảo:

— Nè Nga, bỏ gạch đi. Đủ ba dòng thôi.

— Lại giờ trò phù-thủy gì đây.

— Thì cứ gạch tùy thích. Quên nữa, bỏ phải nghĩ đến một người. Anh chàng Sinh của bồ chẳng hạn. Sinh mà của Nga? Con nhỏ nói kỳ quá. Không tiện cái, đề trả thù, Nga gạch, mỗi tay thôi. Tùy thích mà. Tội nghiệp nó cặm cụi đếm từng ba gạch một những gạch chỉ chít suốt khổ dọc tờ giấy. Một lát xem chừng mỗi mắt, nàng ta cự :

— Con nhỏ này, ác lắm nghe Nga.

Rồi lại kiên nhẫn đếm. Nó làm Nga không nhìn được cười. Đề xem nó làm cái trò gì cho biết. Sao hai đứa nó cười phá lên, làm Nga cứ ngẩn ra. Tâm giật quyền sở con trên tay Oanh. ghi cái gì mà... 102, 111... chỉ cho Nga một hàng. Nga lăm lăm :

« 222. — Người ấy gửi bạn chiếc...

Tức, giận, với lại... thẹn nữa, Nga cứ đỏ má lên, không biết... « phản ứng » làm

sao.

« Đào thị Thủy Oanh ».

Chết, ông Diêm gọi trả Thế-giới-sử. Con nhỏ đang cười! tuyệt xinh đã xịu xuống, cho đáng. May mà nó thuộc. Bọn nó « bận » ghê mà lại là « cây gạo ». Chỉ có « thơ thần » và « ước át » như Nga mới học hành tài tử thôi.

● Chiều ngày 6 - I

Không biết còn có gì khổ hơn phải viết báo xuân giữa mùa... Đông không? Chứ cứ tán mãi nào là... hương xuân ấm áp, nào là... chồi xuân mơn-mỡn, trong khi vừa... kéo cao cờ áo len, vừa nhìn lên cành cây trơ lá thế này, Nga thấy... làm sao ấy! Ly cam vắt với nhiều rồi nhé. Phương Nga cười :

— Chị tìm hứng ở đó à?

Coi vậy mà nó giống màu mai vàng và màu nắng xuân lắm, chứ bộ. Đề Nga cố tìm lại hương-vị xuân qua vậy. Đây rồi, Nga say sưa viết....

— Cộp, cộp, cộp.

Ai đó? Lại các nàng « yêu nữ » chớ gì! Gặp bọn nó đừng hồng hồng viết lách. Vườn mận thơm ngon... Đang chờ tay hái...

Nhưng không phải. Hai cánh

hư qua cửa sò, nằm trên bàn. Cửa chị Sương và... một người. Thôi, tạm dẹp « chum trà bốc khói », đĩa hạt sen ngọt lịm... tượng-tượng và vườn thơ xuân ngào-ngạt... trong mơ ấy lại đi. Xem cái đã. Lại thiệp chúc Xuân.

A! Anh chàng « gan » ghê chưa, dám viết cho Nga :

« Oublier. Et ma chanson n'aura qu'un seul mot : Aimer ».

Được rồi, đề Nga hỏi anh chàng :

— Đến bao giờ thì Sinh hát :

« Aimer. Et ma chanson n'aura qu'un seul mot : Oublier ».

Chắc là cự ghê lắm. Mà Nga lạ, sao lại thích trêu Sinh. Thế nghĩa là Nga vẫn... chưa sao, tình thế chưa cần « phòng thủ » mấy...

Còn thì toàn những lời nửa bạo nửa ngại, Nga thích thế lắm đó. Túc cười, ghê, dạo này các cô gặp Nga cứ hỏi :

— Sao, có gì lạ?

Bọn nó chờ « một cái gì lạ ». Sinh cũng chờ. Hôm nay thì có « gì lạ » rồi đó. Nga, Nga chỉ thích thái độ ngập ngừng kỳ thú ấy. Vẫn biết đi lối nào rồi cũng về đến... cuối diêm mà Nga mong đừng bao giờ đến... đề Sinh còn đi mãi...

★ 11 giờ đêm Giao-thừa

Yên lặng. Bọn trẻ ngủ cả. Ba Má và Nga chờ đón giao thừa. Áp má vào gối... lắng nghe... dịu dịu... say say mùi hương đêm mới dậy. Giấc mơ xuân-nữ năm nay vẫn đẹp nhưng hình như có thêm hương vị gì... êm ái lắm mà Nga không hiểu nổi. Sao yên lặng quá? Một cánh thủy tiên nở chùng chùng nghe thấy. Chắc là trên Thiên Đình chúa xuân đang đòi ngôi với Đông quân. À, Nga nhớ Bà thường nói ở thôn quê vẫn còn tục lệ đêm giao thừa thao thức chờ nghe con gì ra đời trước nhất, tiên tri cho cả một năm. Một mỹ tục hay hay và đầy ý nghĩa làm sao. Đề Nga lắng nghe thử xem. Nhưng... không biết con gì biểu hiệu một tình yêu đẹp thanh khiết, hờ chúa xuân?

★ Ngày mồng 7 âm-lịch

Sắp sửa trở về với mấy cái lăng kính của ông Quế mà bài toán nào cả lớp cũng đều... tập quân sự... một... hai... một... hai... Nga còn nuôi xuân ghê. Dầu năm nào cũng đi chơi, đi xi-nê và... tế-độ cho hết nào bánh, nào mứt, nước ngọt, trái cây và hết chúng thì... hết Tết. Có phải nhờ vậy người ta mới

lớn chẳng? Năm nay cũng như mọi năm. À, có một chuyện có khách... khách của riêng cô gái xuân ấy mà!

✱ Đêm 10 - 3 - 63

Về thăm nhà lần này, băn khoăn quá. Ba má nhìn Nga... chắc có gì lạ. Thì đây, 9 giờ, Nga lên thang. Giọng cô ca-sĩ nào chuyên môn hát lời nhạc «mời yêu» tình-tử, tha-thiết đuổi theo.

«Hẹn rằng khi thấy nhớ nhau, mình ra bến sông tìm sao...»

Một nụ cười mỉm. Cũng lại hẹn nhau tìm sao nữa à? Không có «bến sông» thì ở đây, trên gian gác nhỏ trơ-vơ như lầu Ngưng-Bích có được không, hở cô nàng?

— Nga ơi, ngủ chưa con?

— Dạ, thưa chưa.

Má lên, Nga định bật đèn, nhưng Má ngăn và bà đến nằm ở ghế dài. Một phút. Trời, Nga «hoảng» quá, hay là...

— Con còn nhớ bà khách hôm Tết hả Nga? Hứ hờn.

— Dạ... nhớ...

Biết Má nói gì rồi, Nga cứ đáp từng tiếng một, nhu-mì ghê!

— Bà muốn «hỏi» con cho cậu con một, cậu Thanh, con biết chứ?

Cái cậu «quí tử» đó Nga lạ gì.

— Dạ...

Rồi lại... đánh chữ làm thính, chờ xem Má còn nói gì nữa. Nga tựa má lên chiếc gối nhưng mềm mát dịu mọi khi, nhưng giá ai hỏi Nga gối làm bằng hàng gì, chắc là phải năm phút sau Nga mới trả lời được. Sao mà hồi hộp. Thêm vài lần thế này, có ngày Nga phải vào bệnh viện điều trị tim mắt.

— Bà ấy với cậu Thanh xin Ba Má cho cậu đến chơi thường để con biết người ta hơn. Con nghĩ sao, nói thật Má nghe.

Còn nghĩ sao nữa. Thì cứ...

— Thôi má à, con còn học, chưa nghĩ gì (?) cả mà.

— Thì người ta có xin cưới gấp đâu cô sợ, tùy cô mà.

A! Xem bộ Ông Bà.. chấp đơn rồi đây. Sao mấy lần trước có người «gắm ghé» Má không cho Nga hay! Chí nguy! Phải «cầu viện» nước mắt mới mong.

— Con nói... con không...

— Thì thôi, không chịu thì thôi, động một tí đã khóc, cái cô này!

Đặc-thắng về vang. Tuy nhiên chỉ trong giai-đoạn thôi, vì Nga biết Má lại sẽ nhắc đến. Rồi thì tìm «kế hoãn-binh». Nhưng Nga sợ nhất cách làm xiêu-lòng

Nga của Má. Sự giận-dữ của người cha là một đám mưa rào ðạt, rồi dứt. Bên cạnh đó, người mẹ là những cơn mưa bụi day dứt, lặng lẽ và âm-thầm kiên nhẫn, gây trong lòng đứa con cảm-giác nhẹ nhưng sâu. À, từ chối thì dễ-dàng vậy đó, chớ sau này lỡ ra Nga... bằng lòng rồi lúc đó biết... ăn nói làm «răng»? Chắc là khó mở lời ghê lắm. Quên hỏi chị Sương, chị Mai xem đã nói thế nào, sao Nga lại vô ý đến thế. Hay là vẫn cái câu rất... bắt di bắt dịch, rất... đại ngoan-ngoãn... đại nề nếp.

— Dạ, Ba Má đặt đâu con xin ngồi đó cả. «Xin ngồi đó cả» mà mấy lần trước lại không dấy nẩy, dọa tự tử rồi lên cho à? Nhưng Nga ngạc-nhiên quá, mỗi lần Nga chúc-mừng cô bạn sắp sửa đi về «miền khác» là y như họ xa xôi buồn bã: «mình chỉ muốn làm vui lòng Ba Má đó thôi, Nga à». làm Nga thương cảm-tưởng như đời có nhiều «hồng-nhan bạc phận» quá. Đến khi Nga gặp lại họ sau ngày cưới thì... thú-thật, Nga không còn hiểu sao cả. Tươi còn hơn cả hoa xuân!

Nga mỉm cười nhớ câu đùa của một giáo sư: «Các cô tôi bảo cho, cố đỡ xong cái Tú-Tài rồi nghỉ nhà chờ... Học cao quá, người ta chỉ đứng xa nhìn không dám đến gần đâu!!»

Ai sợ mà nhất đó.

Má lảng chuyện khác, một lúc sau dịu dàng:

— Thôi, Má xuống. Con ngủ sớm đi.

Ngủ à? Nga còn bận nghĩ về anh chàng Thanh nữa chớ. Nga từ chối, chắc rồi. Hôn nhân! Một đời con gái chỉ giản dị có mấy cuộc lễ gò-bó, khuôn thước đó à?

Nhưng Nga vẫn dành một chút cảm-tình đặc-biệt cho người đã muốn bước vào đời Nga bằng xây dựng. Có thể họ chưa yêu Nga, nhưng đã chân-thành trao Nga chìa khóa hạnh phúc của đời họ. Chớ không như những anh chàng, chỉ chinh-phục và chiếm đoạt, bản tánh cố-hữu của họ. Nga ghét ghét làm sao, chỉ muốn tìm cách trả đũa.

Ừ, để Nga trêu Sinh xem cậu có thái-độ thế nào.

● Ngày 16 - 4

Chao ơi, chàng «buồn thân trách phận» ghê quá và hỏi Nga có đọc thơ T.T.KH:

Nếu biết rằng tôi...

Biết ngay mà, bọn họ thì vậy đó. Nhìn một cô gái xa lạ khoác áo cưới hồng, họ cũng thấy đời mất đi ít nhiều thú-vị và quyến-rũ nữa là một «cô bạn». Hẹn gì, họ cứ tự-hào là lòng họ rộng rãi lắm. «Rộng» dứt đi rồi chớ gì, có ai dám phủ nhận đâu. Đã thế Nga càng trêu giã. » (còn tiếp)

nhớ cố hương

Mến tặng chị em trong nước và thân-ái nhân nhũ
chị em hiện còn đang du-học ở nước ngoài

Xuân lữ-thứ đã tám lần bấm đốt,
Đón Xuân về lòng rộn nhớ quê hương.
Quê-hương tôi nơi muôn dặm-trùng-
dương
Có bờ đừa đẹp, có đồng lúa xanh.

Quê-hương tôi có giòng nước biếc,
Có mai quắn, có liễu rủ thướt-tha,
Có thuyền chèo với giọng hát ngâm
nga,
Có thôn-nữ tóc thề dài chấm gót.

Hồi nhớ lại ngày lia quê tách bước,
Giữa mùa Xuân ly loạn khắp Đô thành,
Súng bom rền, người chết vì chiến-
tranh,
Ôi đau đớn «cảnh tượng-tàn huynh đệ»

Rồi kể tiếp, tám mùa Xuân khói lửa,
Từ thị thành đến làng mạc xa xôi;
Dân đói nghèo tan tác hận chia phối,
Chồng xa vợ, con thiếu cha cô cút.

Ai đã giết đấm dân nghèo vô tội?
Ai đang tâm chia rẽ nước non nhà?
Ai rước voi vầy mộ tổ ông cha ???
Ai gây tạo cảnh nổi da xáo thịt?

Kẻ đã chết chưa đủ đền tội ác (1)
Người sống còn nên lấy đó làm gương
Đứt chiến-tranh hàn găng lại vết
thương,
Đừng chia rẽ đồng-bào vì lý-tưởng. (2)

Lời kêu gọi «chị em ơi đoàn kết»,
Quyết đáp xây «một Tô-quốc thanh-
bình»,

Hỡi những ai còn tàn sát sanh linh?
Hãy tỉnh thức, đừng tay, đừng say
máu. (3)

Là phụ-nữ, ta noi gương Trưng, Triệu;
Góp phận hèn kiến thiết lại quê
hương,

Gieo hến hòa, "bác ái vạn tình thương,
Mưu hạnh phúc, tương lai cho dân
tộc.

Chị em ta dầu sống xa đất Tô,
Chớ lãng quên bốn phận một công-
dân;
Nguyện trao đời đức hạnh gái thanh
tân,
Dem son phấn diêm tô non nước Việt.

(Ba-lê, ngày tàn Đông Quý-Mão)

✦ LÊ-THỊ HOÀNG-HUỆ
Nữ Sinh-viên

(1) Gia-đình nhà Ngô.
(2) (3) Việt-tổng



★ B.s. Anh-Tuấn

1946...

TÔI tản cư một buổi tối mùa
Đông năm 1946... 8 giờ tối
tiếng súng vừa mới nổ xong độ
10 phút, thì hai thanh niên vào
tìm tôi, nói rằng Ủy-ban kháng
chiến mời tôi đi theo có việc cần.
Tôi không kịp thay bộ đồ áo
ngủ vội khoác được chiếc áo
dạ, và cầm được cái ống nghe,
tôi bèn đi theo 2 thanh-niên, từ
biệt mái nhà thân yêu, từ biệt
cả gia đình đang hoảng sợ ngơ
ngác. Trời tối như mực, thỉnh
thoảng lập lòe những hỏa pháo,
tiếng đạn vèo vèo trên đầu tôi.
Đường vắng ngắt. Thật là rùng
rợn và lẩn ẩn cũng là lần đầu tôi
trông thấy cảnh tượng của chiến

tranh Một giờ sau họ dẫn tôi
đến một ngôi đình. Ở đó tôi trông
thấy nhiều người tuyền là
những người cũng mới đến tạm
trú để sáng sớm mai đi sớm.
Năm phút sau một người bị
tương được cặng đến. Một
vết thương ở bụng máu me be
bét. Thế mà anh ta vẫn còn
hăng tiết kể cho chúng tôi nghe
vừa giết được một gia đình
người Pháp. Tôi nói bệnh anh
phải đem đi giải phẫu ngay nhưng
giải phẫu ở đâu trong lúc này,
nên đành để anh nằm đó. Mấy
chàng thanh-niên đi theo tôi phải
quay về nhà tôi theo lời tôi chỉ
dẫn, vợ vết những thuốc trong
phòng mạch tôi và đem đến cho

tôi để chích cho anh ta... Nhờ có hai anh mà gia đình tôi biết chỗ tôi ở và cũng thu xếp đồ đạc để sửa soạn lên đường. Khi trời bừng sáng tôi phải đi nhận một công tác khác. Tôi đành phải để anh bị thương ở bụng lại. Lúc từ biệt anh thì mạch anh đã yếu lắm, bụng anh đã căng to và tôi đoán anh không còn sống được bao lâu nữa...



Ngày hôm sau tôi được cử vào một ban Y-Tế gồm có hai bạn đồng nghiệp và một "lô" cứu thương toàn là những chị em dưới xóm cô đầu ở Thái-hà-Ấp. Xin các bạn đừng cười... Vừa mới hôm trước các chị ấy là những người bán phấn buôn son, mắt liếc đưa tình, miệng cười tí toét và bây giờ vì hoàn cảnh khác các chị ấy đã làm một công việc mới, một phận sự mới với một tinh thần đáng khen, đáng phục vô cùng. Các chị ấy đã giúp chúng tôi không còn thiếu một thứ gì: thời cơm cho bệnh nhân, băng bó, khâu vá, đi chợ, giặt quần áo, chăm nom anh em thương binh với một sự tận tâm vô bờ bến. Khiêng cáng, thức đêm, không nề hà một cái gì, không từ chối một việc gì. Ăn cơm bao giờ cũng ăn sau anh em, lắm lúc

chỉ có tí muối và ít rau, mà mặt mày vẫn vui tươi... Dần dần một số bị ốm, một số bắt liên lạc được với gia đình, một số bị thương, một số chết vì bom đạn và sau 4 năm kháng chiến, chỉ còn lại một chị Huệ, hướng dẫn ban nấu cơm cho bệnh nhân.

Ban Y-Tế dần dần dời sang là quân-y và chúng tôi lang thang từ Hà-Đông rồi dần dần vào đến Thanh-Hóa. Trong 6 năm trời tôi tản cư ngót hai chục lần... Quân-y-viện của chúng tôi cũng di chuyển ngót hai chục lần, ở nơi nào lâu lắm là 3 tháng và ít nhất là 3, 4 hôm...

Tôi thật khờ quá! Giả sử trong thời gian đó ngày nào tôi cũng ghi vào nhật ký những việc đã xảy ra thì bây giờ tôi giữ được biết bao nhiêu kỷ niệm vui buồn, sợ hãi.



Sợ hãi là điều tôi nhớ nhất vì không có ngày nào là không thấy tử thần bên cạnh. Không có ngày nào là không nghe thấy tiếng máy bay và thỉnh thoảng mới có ngày không có tiếng bom nổ xa gần. Trong 6 năm trời nhà riêng tôi ở bị bắn trúng năm lần và 2 lần quân-y-viện của tôi bị tàn phá kinh khủng... Hai người nhà đi theo tôi một người chết vì đạn,

một người chết vì bom, và một số y tá và thương bệnh-binh của tôi cũng đã thịt nát xương tan... Những năm mờ của những người xấu số ấy bây giờ chắc khó lòng mà tìm được, mà giờ phút này tưởng tượng lại những nét mặt của những người đã giúp việc tôi lòng tôi không khỏi bùi ngùi cảm động. Đi đến đâu cũng vậy, việc đầu tiên là đi đào hầm trú ẩn: Từ "lỗ" to đến "lỗ" nhỏ, từ hầm có nhân đến hầm cho cả gia đình, đến cả hầm cho cả bệnh nhân khiêng cáng vào nằm trong đó. Ôi! những phút ngồi đợi máy bay cho nó đi qua sao mà dài đến thế! Rồi dần dần cũng quen. Cái gì chẳng phải quen ở trên đời này...



Trong 6 năm liền, chúng tôi không nghĩ việc ngày nào trừ hôm nào bị đau ốm. Trong thời gian ấy chúng tôi đau rất ít. Làm việc nhiều, ăn ở kham khổ, thiếu thốn đủ thứ, di chuyển rất nhiều, người tuy có gầy đi, mặt mày có vẻ hốc hác và già đi nhiều nhưng sao lại chịu đựng được đến thế. Thật là lạ lùng! Bao nhiêu chứng bệnh vật đều biến đi cả: Hết cả tê thấp, mỏi mệt, hết cả chóng mặt như điên. Có anh bạn tôi khỏi luôn cả bệnh đau bao tử! Tôi gặp rất nhiều người quen trong hồi đó. Anh nào mặt mũi cũng nhem nhốc, không còn mày râu nhẵn nhụi như xưa, nước da đen đi, mặt có quầng đi nhưng

thêm vẻ gân guốc và hóm hỉnh... Anh nào đi đứng cũng nhanh nhẹn, trông mạnh khoẻ tráng kiện hơn trước. Thì ra ở đời muốn khoẻ mạnh phải hoạt động, phải vận động bằng chân tay, phải dầm sương dãi nắng... như thế sẽ hết cả cảm, sỗ mũi, hắt hơi, đầy, ho, tê thấp. Những bệnh này là những bệnh của những người trường giả quen sống trong nhung lụa.

Cuộc đời trong hồi đó tuy có nhiều cực khổ nhưng cũng có nhiều lúc vui vẻ. Không tản cư thì làm sao biết được và hiểu được đời sống của những người dân quê chất phác chăm chỉ? Không tản cư thì làm sao hiểu thế nào là công việc canh nông đồng áng, thế nào là lúa chiêm lúa mùa, dự những buổi gặt hái, trông những con trâu lặng lẽ về chuồng âm thầm vẩy tai, được thấy những xóm làng, những lũy tre xanh, ánh trăng le lói mờ mờ trên những hàng cây im lặng, những buổi chiều tà vừa lạnh lẽo vừa buồn, những giòng sông quanh co và yêu điệu, những giọng cười chân thật của bác nhà nông, những đình, miếu âm thầm, cổ kính... và nhất là được hưởng cái không khí lúc nào cũng, chong veo, được nằm trên tròng ngủ trên những giường tre, ăn bằng những bát đản và sượng nhất là được tắm nước sông và đi... giữa cánh đồng bát ngát.



hẹn mùa mai nở

* DẠ-OANH
(Vinh Bình)

Hẹn mùa mai nở đón xuân sang
Đôi bóng cùng chung giấc mộng vàng
Em đốt trầm hương cho khói tỏa
Quyên tương em cắt chén hân hoan

Em đón hôm nay mùa xuân sang
Cành mai xinh xinh chen hoa vàng
Lời hẹn năm xưa còn vắng vắng
Khúc ca mừng xuân đời reo vang.

Em đón hôm nay mùa xuân sang
Xuân mang vui tươi khắp xóm làng
Nhà nhà đua nhau mừng xuân mới
Nhưng riêng em lại thấy bẽ bàng !

Thì ra hôm nay xuân vừa sang
Sao nghe tâm tư như bản nhạc hoàng
Lòng em đang vương hương mộng nhớ
Vì anh còn cách trở quan san.

Thì ra hôm nay xuân vừa sang
Xuân xưa em mơ bao huy hoàng
Xuân nay mộng tình đành tan vỡ
Em vui gì chào đón xuân sang ?

Thì ra hôm nay xuân vừa sang !
Ngày mai xuân đi rồi xuân tàn
Xuân ở lòng em âu cũng thế
Có vui gì, còn mãi bi quan.

Tình yêu anh ôi như mây bay
Hoài công em mơ ngày xa xôi
Rời ra sấm thương chia đôi ngã
Lòng em sầu mộng chia đôi nơi !

NÉT SẼU TRONG ĐÁ



* LIN YUTANG
(L. ÂM-NGŨ-ĐƯỜNG)

TINH SỬ TRUNG-HOÀ

* Trần-châu-Hồ
phóng tác

CUỘC hành-trình ngược thung lũng Dương Tử Giang thực gay go, nguy hiểm, nhưng cuối cùng tôi cũng tới được nhà viên tổng đốc hồi hưu ở vùng ngoại ô thành Trần Vũ. Viên tổng đốc là một nhà sưu tầm nghệ phẩm nổi danh, người ta nói hồi còn tại chức, ông đã dùng địa vị mình để đoạt những tác phẩm nghệ thuật giá trị. Khi ông muốn có vật gì, một pho tượng đồng, một bức tranh, ông tìm cách chiêm bái được, hoặc trả tiền, hay bằng mọi cách khác. Do đây,

những vật cổ sưu tầm của ông là cả kho tàng vô giá.

Viên tổng đốc tiếp tôi trong phòng khách bên dãy Lầu Tây, phải đi qua giải hoa viên. Phòng được trang thiết đồ gỗ quý, có những ghê tựa bọc da báo. Trong cách trang hoàng, phảng phất một vẻ tao nhã, giản-dị, làm ta nghĩ tới một khiếu thưởng thức tinh vi. Điều làm tôi ngạc nhiên, là viên Tổng Đốc có phong độ rất nhu hòa. Có lẽ tuổi già đã làm tính tình ông hiền hòa, nhìn ông ta khó có thể tin những lời đồn đãi về sự

ác độc của ông. Ông tiếp tôi như một bạn cũ, chợt ghé nhà chơi, truyện vãn. Tôi bắt đầu tự hỏi, không biết người bạn dàn xếp cuộc viếng thăm này đã cho ông hay mục đích viếng thăm của tôi chưa, có lẽ vị tổng đốc đã già lần cần nên quên rồi chăng.

Tôi lễ phép nhắc tới các đồ sưu tầm daph tiếng của ông

Ông mỉm cười khẽ nói: «Ồ, hiện giờ chúng thuộc về tôi, trăm năm sau, chúng sẽ thuộc một người khác. Ông biết là chưa có gia đình nào giữ được kho tàng nghệ phẩm lâu hơn thế kỷ. Những vật ấy có số mệnh riêng của chúng. Chúng nhìn, và cợt ngạo ta». Giọng nói của ông linh hoạt hẳn lên khi ông nói. Ông nhẹ cảm tâu thuộc vào môi:

— Ông có tin vậy không?

Tôi dè dặt hỏi lại:

— Ngài muốn ngụ ý gì?

— Bất kỳ vật gì lâu đời đều có một nhân cách, một cuộc sống của riêng nó.

— Ngài muốn nói nó trở nên một linh hồn?

Ông già đáp:

— Linh hồn là gì? Là cái làm sự sống thành

linh thiêng, thí dụ một tác phẩm nghệ thuật. Người nghệ sĩ đã truyền vào đó sự tưởng tượng cùng máu nóng đời mình, in như một đấng mẹ hiền truyền giòng máu hôi hôi của mình vào cái phôi sinh. Có gì mà ông phải lạ lùng, nêu nghệ phẩm có cuộc sống riêng của nó, khi hồn người nghệ sĩ đã nhập vào nó, trong khi sáng tạo ra nó đã vì nó mà chết, như trường hợp xảy ra cho Pho-tượng nữ-thần Bích Ngọc của tôi.

Thực ra, tôi chỉ có ý định coi mây tập bản thảo xưa, tôi chưa từng được nghe nói về Pho-tượng nữ thần Bích Ngọc, vì hiếm người có. Câu hỏi vu vơ của tôi đã làm sống lại một câu chuyện kỳ dị tôi chưa từng được nghe bao giờ.

Viên Tổng-đốc tiếp lời:

— Đây là một trường hợp lạ. Trong câu chuyện pho tượng của tôi, ông sẽ thấy người nghệ sĩ ấy dường như sinh ra để sáng tạo nghệ-phẩm này, để chịu khổ đau vì nó.

— Chắc đó phải là một tác phẩm siêu phẩm. Ngài làm ơn cho coi được chăng?

Ông già đi lấy pho tượng cho tôi coi, và nói:

— Ông thử đi quanh coi, pho tượng lúc nào cũng đổi mắt theo ông.

Tôi đi vòng quanh pho tượng để xem nó có thực sống như ông già nói, và quả thực tôi có cảm giác kỳ dị là bị đôi mắt pho tượng nhìn theo.

Đó là một pho tượng trông có nét bị thắm. Pho tượng một người đàn bà bị bắt trong lúc trốn chạy, tay phải dơ cao, đầu ngã về đằng sau, tay trái chới với ở đằng trước. Pho tượng hình dung một người đàn bà bị chia rẽ người yêu. Nhà nghệ sĩ đã truyền vào một khuôn hình không cao hơn mười tám phân một sức sống thật kỳ diệu. Ngay cả những nếp gập tà áo tượng cũng dường về thanh thoát. Pho tượng quả là một sáng tạo độc đáo.

Viên Tổng-đốc tiếp lời:

— Ông bạn hãy nhìn kỹ toàn thể, đáng diệu pho tượng, dáng điệu trốn chạy, ánh mắt nàng diễn tả biệt bao yêu đương, kinh hoàng và đau đớn. Đây, tôi xin kể ông nghe trọn vẹn câu truyện.

★

Câu chuyện xảy ra cách đây trên một trăm năm. Hỡi ày,

tại phủ Khai Phong, quan án sát Trương có một tiểu thư rất đẹp. Vì là con một nên Mỹ-Lang — tên tiểu-thư —, được song thân cực kỳ chiều chuộng. Phụ thân nàng là một vị quan nghiêm khắc, song riêng với con gái duy nhất, ông thương yêu rất mực. Theo lệ thường hồi đó, một số người thân thuộc tới ở dinh ngài, người nào học khá cho làm việc công đường, người không biết chữ hầu hạ trong tư dinh rộng lớn.

Một hôm, có một người cháu họ xa tới. Tên chàng là Trương Phò, một chàng trai thông minh, nhanh nhẹn, mười sáu tuổi. Chàng dong dỏng cao, đôi bàn tay có những ngón dài, thon nhỏ. Cả gia đình đều mến chàng, thân mẫu Mỹ Lang giao cho chàng việc hầu tiếp quan khách, đầu Trương Phò không biết đọc, biết viết.

Chàng hơn Mỹ Lang một tuổi. Cả hai còn trẻ dại nên họ thường trò chuyện vui đùa với nhau, vì Trương Phò có tài kể chuyện, Mỹ Lang rất thích nghe.

Ít tuần sau, cảm tình nồng đậm buổi đầu của gia đình

dành cho chàng trai có bề suy giảm. Chàng có vẻ bất thường và khó tính. Điều rõ nhất, chàng không phải một người hầu giỏi. Chàng thường lơ đãng bồn phận, và không chịu sự khiển trách khi làm lỗi. Vì vậy thân mẫu Mỹ Lang cho chàng ra coi hoa viên. Chàng tỏ ra vui mừng với công việc mới.

Trương Phô thuộc loại người sinh ra để sáng tạo, không phải để học những gì đời dạy. Chàng cảm thấy cực kỳ sung sướng được một mình sống giữa muôn hoa, cây cỏ, chàng đi lại, huyết sáo sung sướng như một vị chúa mọi vật. Được sống một mình, chàng làm được những việc tài tình. Chàng tự học vẽ mà không cần thầy dạy, những giờ rỗi rãi chàng làm ra những chiếc đèn lồng tuyệt đẹp, và nặn những con vật bằng đất sét vô cùng linh hoạt.

Vào tuổi 18, Trương Phô đổi khác đôi chút, cao lớn và khôi ngô hơn. Chính Mỹ Lang cũng không hiểu rõ vì sao nàng lại mến chàng. Sự thân mật tự nhiên nảy nở giữa hai người, dấu họ hiệu

hai người không thể lầy nhau, vì cùng thuộc một dòng họ.

Một hôm, Trương Phô đột nhiên báo tin cho thân mẫu Mỹ Lang hay là chàng sắp đi học nghề. Chàng mới làm quen với một tiệm ngọc, và xin làm thợ. Người mẹ bằng lòng, vì ở nhà chàng quản quýt với Mỹ Lang nhiều quá. Nhưng Trương Phô vẫn tiếp tục sống ở nhà, mỗi đêm, chàng trở về, truyện trò với nàng còn nhiều hơn trước.

Một hôm, người mẹ nói :

— Mỹ Lang con ! Giờ hai con đều đã lớn, dù Trương Phô là anh họ, các con cũng không nên gặp gỡ nhau luôn.

Lời mẹ nói làm Mỹ-Lang nghĩ-ngợi. Nàng vẫn chưa nhận thức được nàng yêu Trương Phô. Đêm ấy nàng gặp Trương-Phô trong hoa viên. Dưới ánh trăng khuya, ngồi trên ghế đá, nàng kể lại lời thân mẫu nói :

— Anh ! Mẹ nói em không được gặp anh luôn.

— Phải ! giờ chúng ta đã lớn rồi.

Người con gái nghiêng đầu, khẽ hỏi :

— Nhon thì làm sao ?

Trương - Phô choàng tay ngang lưng nàng :

— Điều ấy có nghĩa là trong em có một cái gì làm em ngày càng quên rũ hơn đôi với anh, một cái gì làm anh mong mỗi gặp em, nó làm anh thấy sung sướng khi gần em, bơ vơ buồn bã khi xa em.

Người con gái thở dài, rồi hỏi :

— Bây giờ, anh thấy sung sướng không ?

Chàng khẽ nói :

— Sung sướng, và mọi vật như đều thay đổi. Mỹ-Lang, hai ta là của nhau.

— Anh biết là em không thể lầy anh, và song thân em sẽ tìm nơi mai mối cho em.

— Không, đừng nói thế, em đừng nói thế.

— Anh cũng đã biết như vậy.

Trương-Phô nhẹ siết người con gái trong vòng tay, say sưa nói :

— Anh chỉ biết điều này : Kể từ khi trời, đất được tạo nên, em đã được tạo ra cho anh, anh được tạo ra cho em. Anh sẽ không để em ra đi. Yêu em không phải là có tội, Mỹ-Lang gỡ mình ra khỏi

tay chàng, vụt chạy về phòng.

Sự thức tỉnh của mỗi tình thật mạnh mẽ. Càng ý thức hoàn cảnh khó xử, họ càng nào núng yêu nhau. Đêm ấy, Mỹ-Lang trần trọc, nàng nghĩ tới lời mẹ nói, rồi lời Trương Phô nói. Từ đêm ấy, nàng hoàn toàn biến đổi. Hai người càng ngăn cản lửa tình bao nhiêu, nó càng bùng cháy, và họ càng cảm thấy bị ràng buộc trong cái mãnh lực của nó. Họ cố gắng không gặp gỡ nhau. Ba hôm sau, người con gái tìm lại chàng trai, cả hai xúc động nghẹn ngào. Đây là những chuỗi ngày của đam mê tuổi trẻ, những nỗi day dứt, những lời thề non hẹn biển thực ngọt ngào, và thực đắng cay, đôi bên đều hiểu họ nằm trong mãnh lực của một cái gì vô cùng lớn lao đang vây bọc họ.

Họ không dự tính gì, chỉ tha thiết yêu nhau. Theo tục lệ hỏi ấy, song thân Mỹ-Lang ước mồi nàng nhiều lần về hôn nhân, song nàng đều thoái thác. Đôi khi, nàng nói nàng không muốn lập gia đình, làm thân mẫu nàng rất buồn lòng. Vì nàng còn trẻ, lại là con một,

song thân nàng cũng không nỡ hồi thúc, để giữ nàng ở lại với gia đình ít lâu.

Trong khi đó, Trương Phò cặm cụi học nghề, chàng đã khám phá ra thiên tài chạm ngọc. Như một nghệ sĩ trời sinh, trong thời gian ngắn, chàng đã quán triệt mọi tinh vi của nghề, chàng miệt mài làm việc cho tới khi mọi chi tiết đều toàn mỹ. Người chủ tiệm phải kinh lạ vì chàng. Giới quyền quý phong lưu bắt đầu lui tới đặt hàng ở tiệm.

Một hôm, nhân lễ đại khánh của nhà vua, phụ thân Mỹ Lang muốn tìm một công phẩm dâng về triều. Ông muốn có một vật đặc biệt, cho tìm mua một khối ngọc tuyệt đẹp. Theo lời mách của thân mẫu Mỹ Lang, quan An tới tiệm Trương Phò học việc. Được coi tài chạm, khắc của Trương Phò, ông vô cùng sửng sốt vì những đường nét tài tình bay bướm.

— Nay con, ta trao cho con một việc đặc biệt. Đây là vật dâng hoàng hậu, nếu con làm được thì sự nghiệp của con thành đó.

Trương Phò xem xét khối ngọc. Đôi tay chàng nhẹ nhẹ

vuốt ve khối đá quý. Chàng quyết định tạc khối ngọc thành một pho tượng Nữ Thần Bác Ái, chàng hiểu mình sẽ tạo nên một tuyệt phẩm chưa từng ai được thấy.

Trong khi làm việc, Trương Phò không cho ai ngó pho tượng tạc dở.

Khi hoàn thành, vị Nữ Thần được điêu khắc theo dáng điệu, và kiểu mẫu định sẵn, song đó là một nghệ phẩm toàn bích, có một vẻ đẹp dịu dàng. Trương Phò đã tạo nên một tác phẩm chưa hề có tay thợ nào trước kia làm nổi. Khuôn mặt vị nữ thần giống khuôn mặt người con gái chàng yêu.

Quan An rất đôi vui mừng. Trong điện nhà vua, chắc không có một vật phẩm thứ hai như thế.

Chợt ông nhận xét :

Khuôn mặt tượng đặc biệt giống nét mặt Mỹ-Lang.

Trương Phò sung sướng đáp :

— Bẩm vâng ! Tiểu thư là nguồn cảm hứng của con.

— Tốt lắm. Kể từ nay, sự nghiệp của con vững vàng.

Ông trả công Trương Phò rất hậu, rồi tiếp :

— Con phải biết ơn ta đã cho con dịp may này.

Trương Phò đã có tên tuổi. Tuy vậy, điều ao ước nhất chàng vẫn chưa đạt được. Không có Mỹ-Lang, sự thành công đối với chàng vô nghĩa.

Giờ đây, Mỹ-Lang đã được hai mươi một tuổi, nàng vẫn chưa đính ước. Có một gia đình rất quyền thế dạm hỏi, và người con gái không tri hoãn được nữa. Lễ đính ước của nàng được cử hành trọng thể. Tuyệt vọng thành liễu lĩnh, đôi trai gái tính trốn nhà ra đi. Vững tin ở tài năng Trương-Phò có thể sinh nhai, Mỹ-Lang mang theo một ít tư trang để sống tại một tỉnh xa nào đó.

Hai người trốn đi vào một buổi tối, qua ngã sau hoa viên. Có một người đầy tớ già, chợt tới, thấy hai người, ông sinh nghi vì câu chuyện của họ trong gia đình ai cũng rõ. Nghĩ mình có bổn phận tránh cho gia đình một chuyện xấu xa, người đầy tớ giữ lại cô gái, không cho nàng ra đi. Trương Phò đầy lão qua một

bên. Lão già loạng choạng, song vẫn không chịu buông tay, Trương Phò đành phải đánh ngã người bố già bên tảng đá. Đầu ông lão va mạnh vào cạnh đá lồm chồm, người đầy tớ nằm bất tỉnh. Hai người vội vã ra đi.

Sáng hôm sau, gia đình phát giác vụ đi trốn và người đầy tớ chết. Câu chuyện xâu được giữ kín, bao nhiêu cố gắng tìm dấu vết cặp trai gái đều vô hiệu. Quan An giận dữ khôn nguôi. Ông nguyên rằng : Ta sẽ cho lùng kiếm khắp hang cùng núi thẳm, lôi chúng về cho công lý ».

Sau khi trốn khỏi thị trấn, đôi uyên ương trẻ tuổi, mãi miết đi mãi. Họ lánh các thành phố lớn, sau cùng, vượt sông Dương-tử xuôi xuống phía nam Trung-hoa.

Trương-Phò nói với Mỹ-Lang :

— Anh nghe nói ở « Quán Vê » có ngọc rất tốt.

Nàng ngập ngừng hỏi lại :

— Anh vẫn nghĩ tới nghề làm ngọc nữa ư ? Em sợ mình bị lộ diện, và bị bắt.

Trương-Phò đáp :

— Khi ra đi, chúng ta đã dự tính như vậy !

— Nếu Bô Tài không chết, thì được. Bây giờ, họ cho là mình đã mưu giết hắn. Mình không thể đổi nghề sao, như làm đèn lồng hay búp bê đất sét như hồi trước.

— Sao vậy? Anh đã tạo nên tên tuổi với loại ngọc mà.

— Tất cả rắc rối là ở đó.

— Anh nghĩ chúng ta chả phải lo phiền quá. «Quán Vê» xa thị trấn cũ tới hàng ngàn dặm. Không ai nhận ra mình đâu.

— Nhưng mình phải đổi kiêu làm đi. Đừng làm những tuyệt phẩm nữa. Chỉ làm vừa đẹp, đủ để có khách hàng

thôi.

Trương Phò cần môi, yên lặng. Chẳng có nên làm việc như trăm ngàn các thợ ngọc tâm thường khác để được sống bình yên? Nên giết chết nghệ thuật, hay để nghệ thuật giết chết chàng?

Bản năng linh mẫn của người vợ rất đúng. Nàng biết rõ tính chồng không muốn làm ra những đồ thương mại, dễ dàng. Khi vượt sông Dương Tử, nàng cũng cảm thấy một sức mạnh huyền bí đang lôi kéo chồng nàng về con đường ngọc ở «Quán Vê».

(còn tiếp)



★ NHÀ CHIẾT-TỰ ĐẠI TÀI

Một ông lớn họ thường khoe-khoang với vợ con, và bạn bè là ông đã đề nhiều năm tra-cứu và học được khoa chiết-tự tức là xem chữ đoán được tính tình và vận-mạng người, mười vụ không trật một.

“ Một hôm, người vú già mang đến cho ông một quyển vở cũ, giấy đã vàng, đề nhờ ông đoán vận-mệnh của đứa trẻ có tuồng chữ trong vở.

Ông lớn lật qua, lật lại những trang giấy một hồi lâu, rồi nói:

— Thím ạ, tôi mong thím đừng chấp lời thành-thực của tôi, tôi mới dám nói. Đứa bé có tuồng chữ trong quyển vở này, về sau chẳng làm nên trò trống gì. Nếu nó không trở thành một tên lưu-manh thì cũng là một đứa khiếp nhược. Chắc nó là cháu của thím chứ gì?

— Không phải của cháu tôi đâu cậu Hai ạ. Chính là quyển vở cũ của cậu đây, thớ cậu còn học lớp ba ở trường làng mà tôi giữ-gìn cẩn thận để làm kỷ-niệm.

P. C.



thêm
một
xuân
đoàn kết

★ Thiệu-Sơn

TRONG PHỒ THÔNG
XUÂN tôi viết bài nói về cảnh Tết trong tù với những ngày xuân đoàn kết. Tôi không đi qua những ngày *xuân Giáp Thìn* mới đây tôi lại được sống thêm với những bộ mặt quen thuộc, với những hình bóng thân yêu, những người bạn tù tưởng đã cùng tôi vĩnh biệt.

Những người bạn ấy năm 1956 đã ăn Tết với tôi ở Đê-Lao Gia định. Năm nay, năm 1964, tôi được gặp lại các anh ở ngoài đời trong những ngày đầu xuân. Tôi phải kiếm các anh để được sống thêm những ngày xuân đoàn kết.

Anh Năm Đủ ở Đalat xuống có chiếc xe con cóc đã hẹn với tôi sẽ cùng nhau đi kiếm mấy anh từ tù Côn-Sơn vừa được “hồi sinh” mà hiện có mặt ở Saigon. Mừng Hai chúng tôi đi kiếm anh Nguyễn-hữu-Thuần nhưng không gặp. Mừng Ba chúng tôi gặp hai anh Trịnh-Khánh-Vàng và Hồ-hữu-Tường.

Anh Vàng đương ngồi viết thơ cho các bạn còn ở lại Côn-Sơn. Anh ốm lắm. Răng cò hư hết. Về nhà ăn Tết mà chỉ ăn được cháo, uống được sữa ché không ăn được đồ cứng Anh nói:

— Ngoài rặng hư chắc còn nhiều bộ phận trong người suy nhược. Mà không suy nhược sao được khi đồ ăn chỉ quanh quẩn có khô mực và tương. Cơm gạo lức nhưng sạn nhiều hơn cơm. Ở thì ở khám tử hình nghĩa là phải còng cẳng cả ngày lẫn đêm. Sau người ta sợ chúng tôi chết tháo còng ban ngày nhưng lại tra còng ban đêm.

Lâu lâu họ thay khám, nhưng khám trước tệ, khám sau lại tệ hơn. Anh Tường đã có lần phát điên, còn chúng tôi đã sống nhiều giờ phút khủng hoảng, tưởng chết bao lần nhưng cũng may còn sống để gặp lại các anh Tinh thần tôi chắc chán còn yếu lắm. Mới đây, sau khi đã về tới nhà, ngồi viết một bức thư cho người bạn ở Côn-Sơn, khi đọc lại mới thấy rằng tôi đã bắt đầu viết: *Côn-Sơn ngày...* và sau khi ký tên đã ghi thêm địa chỉ: *Trình-Khánh-Vàng, T. T. số X, T. T. là Tử Tù. Tê ra tới bây giờ mà tôi vẫn nghĩ rằng tôi còn là tên tù tù ở Côn đảo.*

Anh Vàng còn cho biết thêm rằng sau khi thả đợt đầu có anh Trần-văn-Ân thì bỗng dưng được tin là 2 người sẽ ở lại không về là anh và anh Tường. Các anh đã chuẩn-bị để trở ra Côn-Sơn và trở ra chuyến này thì chắc là chết luôn chứ sống làm sao được nữa ?

Bây giờ thì anh Vàng đã chắc chắn là anh được hồi sinh thật sự. Anh đã thấy rõ cái giá trị của sự sống và sự sống chỉ có thể được tài bồi trong tình thương.

Cũng chiều hôm đó chúng tôi kiếm được nhà anh Hồ-Hữu-Tường. Anh mập tù lù nhưng coi bộ nhọc mệt và có vẻ trầm ngâm. Cái mập của anh là mập bệnh, mập thủng. Tôi có cảm tưởng như đứng trước một thân hình bằng cao su được bơm phồng lên, tròn vo và bở rệu. Gặp tôi anh nói liền: « Anh viết trong *Phổ-Thông* là anh ghét tôi sao còn tới kiếm tôi ? » Tôi cãi chảnh: « Tôi nói tôi ghét anh *Ân* chứ có ghét anh *đâu* ? »

Anh cười xòa rồi cùng chúng tôi nhắc lại những kỷ niệm ở Đê-lao Gia-định, hỏi hết người này, hỏi qua người khác, tuyệt đối không nói chảnh trị và chỉ bàn chuyện văn chương, anh khuyên tôi nên nghĩ tới viết tiểu thuyết.

Chúng tôi nói chuyện với nhau bằng mắt nhiều hơn là nói chuyện bằng lời. Tôi nhớ cặp mắt của anh Tường hồi gặp anh ngoài đời. Cặp mắt đó có vẻ kính thế, ngạo vật, coi thiên hạ như không người, biểu lộ nhiều thông minh mà rất ít tình cảm. Nhưng cặp

mắt ấy khi tôi gặp lại ở Đê-lao Gia-định thì đã có vẻ thiết tha hòa dịu, chan chứa cảm tình. Sau những năm đau khổ, tù nhục, tức bực, tôi phát điên ở Côn Sơn, cặp mắt của anh lại càng hòa dịu hơn, chứa đựng nhiều tình thương và đã khiến cho tôi phải xúc động. Chúng tôi bắt tay từ già nhau rồi chúng tôi bắt giặc ôm chầm lấy nhau trao đổi cho nhau những cái hôn nồng ấm.

! Chúng tôi còn rủ nhau đi kiếm anh Năm Huỳnh-Đại nhưng không gặp anh ở nhà. Anh Huỳnh-Đại là chủ nhà Hàng Đại-La-Thiên, người Hoa-Kiều, ở "tù lậu" mà cũng ở tới 8 năm 8 tháng và đã ở cùng khắp các nơi, cả Côn-Sơn lẫn Chí-Hòa và gần hết các Trung-Tâm Cải-Huấn. Tôi nói ở "tù lậu" là vì anh không bị đưa ra tòa bởi không có yếu tố để kết án. Tôi kêu anh Năm vì anh hơn tôi một tuổi và cũng vì anh có tư cách của một người tù. Ở Gia-định mỗi khi có anh em, bị giải đi các trại tập trung là anh đều móc hết hầu bao mua quần xà lỏn, áo thun, khăn lông, thuốc men, thuốc hút cho anh em, không phân biệt người đi là người Tàu hay người Việt. Anh khánh tận vì lòng rộng rãi của anh nhưng luôn luôn giữ vững

tinh thần, không kêu ca, không than khóc, không khuất phục trước bạo lực và cường quyền. Ở Gia-định có lần anh ngồi uống trà nói chuyện với tôi về những năm hưng thời tiền bạc vô như nước, có bao nhiêu thồn vô tù sắt không có ngày giờ đếm.

Lên Trung-Tâm Thủ-Đức, tôi lại gặp anh cầm cái lon sữa bò và cái vợt đập ruồi bỏ vào lon, mỗi tối phải đếm ruồi để báo cáo công tác.

Tôi nói đùa với anh: « Đáng đời anh! Tiền bạc không đếm nay đếm ruồi, sướng không ? »

Anh cười hề hề: « Tiền bạc hết rồi. Đếm ruồi cho vui. »

Ngay cả anh Năm Dú tức Cao-Thiên-Dú cũng là một người tù có khí-phách. Anh chỉ ở Đê-Lao Gia-Định lối trên một năm rồi được thả. Anh chẳng có chức phận gì ở ngoài đời nhưng khi vào ở tù thì tư cách anh trội hẳn lên giữa những người có tuổi và chức phận ở ngoài đời.

Tôi còn nhớ có một ông Bộ-Trưởng của ông Diệm cũng vô ở chung với chúng tôi. Ở chung, ăn chung thì cũng phải lãnh phần công-tác cho cuộc sống tập thể. Ông Bộ-Trưởng vụng về nên thường lãnh việc rửa chén. Mỗi

lần rửa là mỗi lần ông đập một cái chén mà lại là chén kiêu của gia đình gởi vô Anh Năm Dũ là bạn thân ngoài đời với ông Bộ-Trưởng nên thường kêu mầy, tao trong chỗ thân tình. Một lần anh đã rầy « yêu », ông Bộ-Trưởng như sau :

« Mầy rửa chén không nên thân, mà làm Bộ-Trưởng cái gì mầy ? »

Ông Bộ cười hề hề. Chúng tôi cũng cười theo. Phải ở tù con người mới trở lại con người, không còn ý vào tiền bạc, vào địa vị, vào quyền thế và danh vọng đề uy hiếp nhau và làm khổ lẫn nhau. Có ở tù với nhau mới hiểu nhau đầy đủ, chịu đựng lẫn nhau, tha thứ cho nhau và thật tình thương nhau có khi còn hơn anh em ruột thịt. Nhiều khi chúng tôi gần gũi bên nhau lại nhiều hơn là ngày giờ gần gũi với anh em cùng máu mủ.

★

Tôi phải chờ đến Mùng 5 Tết mới tới nhà gặp anh Trần-văn-Ân. Lần này tôi đi có một mình. Anh Năm Dũ đã gặp anh trước tôi. Hồi ở đề lao Gia-định anh bèo nhèo hơn hết thầy.

Nhưng bây giờ anh lại vững chãi và tương đối mạnh hơn mấy anh kia.

Anh cho biết cái bí quyết của

anh là những năm gần đây anh nghiên cứu thêm đạo Phật, đặt tin tưởng vào Phật pháp và mỗi ngày đều thiền định để giữ vững tinh thần. Chính nhờ thế mà anh bảo vệ được phần nào sức khỏe của anh. Hơn nữa, trong cảnh tu khổ-hạnh của người tử tù anh đã tìm ra chân lý và thấy hết thầy đều hư ảo, đường danh lợi chỉ đưa người ta vào chỗ tham, sân, si. Anh có thể không tham, không sân nhưng chắc chắn là anh đã si. Năm nay anh đã 63 tuổi, già rồi. Còn lại chỉ là kiếp tái sinh và anh tha thiết được cống hiến tất cả cho văn nghệ. Anh đã viết kịch, viết tiểu thuyết, làm thơ và hứa sẽ viết lại bộ *Đông-Châu Liệt-Quốc* vì anh cho là bộ sách hay vô giá.

Anh sẽ chia ra từng nước và có lời bình. Anh đưa cho tôi coi một tập thơ nhan đề « Văn-Lang Thi Tập ». Anh có đọc cho tôi nghe vài bài. Tôi có xin phép anh chép bài « Trước thềm đoàn khi dương » như sau :

*Đêm hôm tôi đảo vụng,
Choáng váng người phi thường.
Trời đất ngửa nghiêng đồ..
Tuồng đã tuyệt khí dương.*

*Thấy mình gần tận số,
Nhớ trẻ lệ rơi liền.*

*Hôn vụng đời thần chết,
Mơ màng tưởng cõi tiên.*

*Sắp chết thấy lần đầu,
Lạ lùng viễn cảnh thâu,
Cả mình đều lạnh ngắt,
Tâm trí mất hèn lâu.*

*Nếu phải hết đời ta,
Xin đừng kéo lết la
Cái đầu trong ngục thất
Chết gặp mau về nhà.*

Anh bảo tôi phải chép rõ ngày, tháng, năm. Tôi chép ngày 10 tháng 12 năm 1958. Ngày đó anh tưởng chết và mong được chết gấp đề mau về nhà. Tết năm nay anh vẫn còn sống mà được về nhà ăn Tết. Mùng 5 Tết tôi tới nhà gặp anh, được nghe anh nói chuyện và thấy anh khả ái vô cùng. Tôi

làm sao có thể ghét anh được ?

Tôi chỉ ghét anh khi anh làm Tổng-Trưởng Thông Tin anh đóng cửa báo của tôi năm 1948. Từ ngày đó tới nay anh đã trở lại sống với bản chất của anh là con người văn nghệ, nhân tâm anh chưa mất nhưng anh đã có đạo tâm. Chính cái đạo tâm đó đã thúc đẩy anh viết những lời thơ mừng Xuân như sau :

*Xuân về cho những người thương
nhau.*

*Ý vị hương trời lẫm ngọt ngào.
Ai nở giành riêng mình thưởng
thức.*

Có người khép cửa lòng nao nao,

★



★ CỤT MẮT HÙNG !

Một bà nọ nhận được một món nữ-trang rất đẹp của người anh họ ở *phô-nhĩ-Kỳ* gửi về biếu.

Gặp bạn bè, người quen thuộc, bà đem món nữ-trang ấy ra khoe với vẻ tự-đắc rằng chỉ một mình bà ta có được món đồ đó mà thôi.

Một hôm bà làm quen được với vị đại-sứ ở Constantinople vừa mới phái sang. Bà chìa món nữ-trang kia ra và nói :

— Xin Ngài vui lòng dịch dùm hàng chữ khắc trên món đồ này ra tiếng nước tôi, tôi rất mong ơn Ngài.

Vị Đại-sứ giương mục kính lên rồi chậm rãi nói :

— Ở có gì đâu... Hàng chữ kia đồng nghĩa thế này : « Điếm có giấy ở Constantinople ».

Bà nọ bật ngựa, cụt cả hùng, vội vã rút lui quên cả chào từ giả.

P. C.

LÁ THƯ SAIGON

★ Có Minh-Đức

Saigon, ngày 15-2-64

Bạn thân mến,

NẾU thư này bạn mở ra mà nghe có tiếng pình pình, tiếng ầm ầm và mũi có người thấy mùi xăng, mùi khói, mùi dầu nhớt thì xin bạn đừng vội trách. Đây không phải lỗi ở tôi mà lỗi tại cái bến xe đò nằm ngay dưới nhà. Mỗi sáng mới bốn giờ đã bấm còi inh ỏi để gọi khách, cố nhiên là đánh thức luôn tất cả mọi người dân ở chung quanh.

Về Saigon thế mà đã hơn



một tháng rồi bạn ơi, hẳn bạn cũng giạt mình chịu rằng thời gian đi máy bay vùn vụt.

Mách với bạn là Minh-Đức của bạn đã hết mang cái thân xác đi ở nhờ rồi. Con người chỉ có quyền đi ở nhờ đến một thời hạn nào mà thôi, điếm cần nhất là nên tránh cho chủ nhà khỏi phải bực mình. Ở đâu mà đợi chủ nhà phải lựa lời dè dặt mình ra khỏi cửa thì đáng buồn quá, phải không bạn. Đây là một trong những bí quyết của sự đi ở nhờ nhà ai, hẳn bạn

LÁ THƯ SAIGON

phải phục sao hẳn nhiều kinh nghiệm thế... Con người sinh vô gia cư... mà ít nhất cũng phải có một chút xíu kinh nghiệm nào chứ bạn nhỉ. Chẳng thế mà đã từng được mang danh đi làm trưởng phái đoàn.. lang thang.

Bây giờ để tôi xin tả cái « quá tệ xá » của tôi cho bạn nghe. Phải gọi nó là cái chợ mới đúng vì nó ồn như cái chợ. Trước mặt nhà có cái trường học, mẹ thầy Mạnh-Tử nghe đến đây chắc vui lòng lắm đấy. Hôm đầu tiên nhìn qua trường thấy một tấm biển đề bốn chữ dạy « ngày » dạy « tối » làm tôi cứ suy nghĩ mãi. Sao trường dạy hai thứ ấy mà vẫn có học trò. Thì ra ở đời cái gì cũng dạy và cái gì cũng có người thụ giáo cả chẳng ?

Sau này nhìn lại mới biết rằng đây là chữ dạy ngày và dạy tối. Bạn có chịu cái trình độ « đại ngu » của tôi chưa ?

Gọi cái nhà là cái chợ không phải chỉ vì nó ồn mà thôi, nó còn một điếm đáng quý là chung quanh đây cả những xe bán thức ăn. Đủ thứ, nào mì, phở, chè, nước uống, chả giò, cơm v.v... Đố bạn biết tôi mê hàng gì nhất, thưa bạn tôi chỉ muốn gửi

cái xe hàng chè sang Paris. Giá ở Pháp mà có ai phát minh ra sự ấy thì nhất định sẽ làm cho nhiều người cạn túi. Bạn có muốn sang Pháp làm nghề đó không ?

Ngày xưa tôi có ông bạn họa sĩ người Trung, ông ấy cứ đòi đóng một cái xe để bán chả giò ở đường St Michel. Chỉ nghe tả thôi mà đã thấy đất hàng nhưng mãi đến bây giờ vẫn chưa thực hiện được, hẳn vì thiếu vốn. Tài nghệ của người họa sĩ chỉ có thể vẽ ra những chiếc chả giò nhưng không thể tạo ra những chất vị để làm đẹp cái dạ dày của ai...

Một lý do nữa mà tôi gọi cái nhà là cái chợ vì nhớ đến một câu ngày xưa mẹ vẫn dạy : « Bàn cư nào thị vô nhân văn ». Thị là cái chợ phải không bạn. Để tỏ cho mọi người biết vì sao mà mình nào thị.

Nếu ngày nào có cơn gió lạ thổi bạn đến « văn » nhà tôi thì bạn sẽ thấy rõ rằng Minh-Đức của bạn không đối bạn chút xíu nào đâu, nghĩa là rất « bản cư ». « Giang sơn chỉ vồn vện có một cái bàn hai cái ghế. Hai chiếc chiếu một tấm nệm. Tất cả đều do các độc giả cho mượn. Mỗi lo nhất là cứ ngay ngày sợ cái nệm rách thì lúc giả biết nói làm sao. Chắc

hôm nào Minh-Đức sẽ khênh nó đi giả nó lại cho « César ». Năm dất mà tâm trí thành thời còn sướng hơn bạn nhỉ.

• Đề tự an ủi và giải thích cái sự « bản cư » nhà mình, trên bàn có một câu của Marc Aurèle « Après sa mort Alexandre le grand partage le sort de son muletier ». Tạm dịch là : Sau khi chết rồi thì Alexandre đại đế sẽ chia chung một số phận với chú chăn lừa của ngài. Đây là người ta thu gọn câu nói chứ Minh-Đức nói còn dài hơn thế.

Báo trước đề khi bạn đến mà có lỡ đường muốn ở lại ngủ đờ một đêm thì cũng chỉ có mời bạn « hạ thổ » mà thôi. Bạn đọc đến đây chắc đang nhăn mặt.

Bây giờ đề khoe với bạn tất cả những sự tai nghe mắt thấy của Minh-Đức từ ngày về đây, bạn chịu không. Khoe rằng có một hôm Minh-Đức được đến ăn ở một hiệu cơm tàu, có ca sĩ ra du dương, đi cùng với một cô bạn, mình đã nhà quê mà nàng lại còn nhà mùa hơn. Nàng hỏi.

— Sao các ca sĩ vừa hát vừa cầm cái gì giống như cái ống nhỏ để kê miệng thế nhỉ.

Bạn nghe có buồn cười không, làm tôi phải lên mặt văn minh giăng giải.

— Đây là cái micro chứ đâu phải cái ống nhỏ. Ở những sân khấu rộng lớn người ca sĩ đi từ bên này sang bên kia nên phải cầm micro trong tay. Hoặc những phòng trà hộp đêm rộng mà ca sĩ phải đi từng bàn đề hát cho gần khách. Hoặc, những ca sĩ vừa hát vừa nhảy năm dài xuống đất. Vì thế nên mới có cái loại micro giầy dài. Ở đây sân khấu bé xíu ca sĩ chỉ đứng im một chỗ hoặc nhún nhảy tí xíu mà tay vẫn phải khư khư cầm micro nên hơi có vẻ ống nhỏ đấy thôi.

Thiếu đường vẽ ra giấy nàng mới chịu hiểu cho, bạn sẽ bảo « qui se ressemble s'assemble, người làm sao thì chọn bạn làm vậy. Và Minh-Đức đành xin nghiêng mình nhận lấy lời phê bình ấy.

Hôm nọ có bà bạn đưa đi xem chợ hoa, thấy hoa nào cũng muốn mua nhưng nghĩ đến sự còn phải đề tiền giả tiền nhà nên đành im lặng. Nhất là gặp mấy chậu bông vạn thọ, mua về để đầu năm ngắt từng bông mà đá cầu thì tuyệt, thuở bé bạn có chơi thế bao giờ chưa, nếu chưa thì bạn hãy thử xem Tha hồ em chân. Quả là đồ phàm phu bạn nhỉ.

Bạn biết chứ chắc Minh-Đức sắp mở cái quán bán bánh chung vì ba

ngày Tết người ta cho những mấy chiếc, ăn sao hết. Bạn có đang nghĩ thầm rằng « Hẳn có máu do thái » không ?

Còn một chuyện đề khoe với bạn là về đây hơn một tháng Minh-Đức được đi thăm mộ mẹ những mấy lần và lần nào cũng « Một góc trời nam rừng rực khói hương chiều ». Chỉ trừ hôm 29 Tết, kỳ này có cô Bích Hiên, một nữ độc giả của Phò-Thông và là một cô bạn cảm tình với Minh-Đức qua những sự nghịch ngợm. Cô ấy mang đến cho một bao khăn mẹ vừa vênh mặt khoe, mẹ thấy chưa, ngày xưa mỗi khi nhìn con viết cứ mắng rằng vô ích tích sự. Cố nhiên là cô mẹ cười trong tiếng gió như mẹ vẫn cười mỗi khi thua cuộc.

Nhân thấy mộ mẹ có hai chậu hoa mà mộ bố thì vắng lạnh, Minh-Đức khẩn mẹ rồi bê một chậu sang chia phần cho bố. Hẳn ở dưới đất hay trên trời bố mẹ đang khen con bé ngoan lạ.

Khoe một lần cuối nữa là về đây Minh-Đức còn được hân hạnh mời đi xem đêm tất niên của một nhóm bạn trẻ. Đêm ấy vui nhất là màn « Vũ đuôi muỗi » đố bạn

biết được là cái gì ? Đây là các thiếu nữ mỗi cô cầm một mảnh màn lưới giống như cái mùng rồi mạnh ai người ấy quơ quơ. Cố nhiên là muỗi bay hết. Vừa đuôi muỗi vừa mỉm cười rất vui vẻ, ra về mà thảnh thỏang nhớ đến tôi vẫn còn vui.

Thư này quả thật là chỉ viết lảng nhãng lỏi tại trời Saigon quá nóng và cái chợ quá ồn. Bạn có cần nhận không ? Nếu cần nhận thì cũng xin bạn nhẹ nhàng lời anh Vỹ, anh ấy nghe được chắc sẽ đuổi cổ Minh-Đức thì Minh-Đức biết lấy gì mà sống. Và Minh-Đức sẽ oán bạn... ra tới cửa phòng cho mà xem.

Thư dài rồi bạn ạ, phải ngừng không thì ông Nguyễn-Thu-Minh thư ký tòa soạn sẽ khủng bố Minh-Đức vì cái tội viết « rắng » mà dài « rúa » (ông ấy người Trung đấy).

Đành từ giả bạn ở đây. Hẹn gặp nhau với bạn ở một trong mấy hiệu phở đường Võ Tánh, vì thú thật với bạn về đây nếu không bị mời thì Minh-Đức chỉ độc đi ăn phở. Bạn đề ý thấy đứa nào bé người mà tóc thắt hai cái « bính » có cột sợi giây « thung » thì đấy là chính hiệu con nai vàng...

Hẹn bạn thư sau.

★

chua chát

* XUÂN-ANH
(Vinh-Bình)

Ta muốn chết, đời ta rồi một kiếp.
 Vùi thân tàn cho hết hận đau thương.
 Xóa cuộc đời, người gọi tuổi ngát hương
 Chôn cay đắng dưới đáy mồ vô tận.
 Cuộc sống của ta toàn đây khóc hận!
 Mang hồn đơn lặn lóc giữa muôn người
 Lủi-thủi trong trần-thế rộn vui cười,
 Ta uơng lệ, trắng đêm sầu có quạnh,
 Ta lần đếm những chuỗi ngày khô-hạnh,
 Thành sầu cao bùng-bứt lối Thiên-thai.
 Bước bơ-vơ trong sa-mạc lạc-loài,
 Lấm mưa gió, bẽ-bàng xuân tan-tác...
 Đành nhận lãnh những mảnh đời tan-nát,
 Tìm nguyên-trình xơ-xác mấy đường tơ
 Đây, đời ta còn lại ít vần thơ
 Gói-ghém chút hương nguyên đầy cay đắng...



gởi người chiến sĩ

Anh có nhìn trời cao
 Anh có nghe gió nức
 Chiều rơi phương nao?...
 Dáng chiều buồn bơ vơ

Anh ơi
 Em tìm đến hôm nay
 Hay muôn đời chẳng nữa
 Một vì sao sáng
 Hơn là ánh mắt người yêu...
 Ngày tháng năm nào đó
 Giờ phút giây
 Anh ơi
 Em có biết nhớ gì?

Em đem muôn vầng ánh sáng
 Đắp lên mây dậm đường đi
 Đám mây vàng bờ ngõ
 Làn khói lạnh biên thù

Em vẫn ngỡ rằng
 Ngày mai chưa vội
 Lệ em sẽ thấm ngàn cây
 Rồi em nhìn qua phía cửa
 Sương đêm thấm mát canh dài!
 Anh hãy hứa lời em hôm nay
 Nghe anh!

* THANH-THÚY
 Cuối mùa xuân Quý-Mão



* Nguyễn-Vỹ

(tiếp theo P.T. 120)

TUẤN ở lại thành phố. không dám về nghỉ hè ở quê nhà, cậu sợ bị cha mẹ đánh đòn. Vì cậu đã bị đuổi sau cuộc chủ trương bãi khóa. Lần đầu tiên, chàng thiếu-niên nước Việt tự cảm thấy nỗi sầu hận chua cay khi đã đến tuổi hiểu biết tình cảnh Nước-nhà bị một cường-quốc Tây phương đô hộ. Tuấn là một thiếu-niên đa cảm, cũng như đa số thiếu niên Việt-Nam thời bấy giờ đã chịu những ảnh hưởng trái ngược: một phần thì được thấm nhuần khá sâu đậm bởi văn chương học thuật Pháp, rất ham thích văn-minh tiến bộ của Pháp, nhưng phần khác lại được sách báo cách-mạng lên lút của các bậc chí-sĩ Việt-Nam nung đúc

tinh-thần ái-quốc, cách-mạng chống Pháp, khiến cho tư tưởng thanh-thiếu-niên của thế-hệ 1925 luôn luôn bị dày vò xé xé bởi hai ảnh hưởng chống chọi ấy. Ai đời, một học-sinh Trung-học ở các lớp đệ-tam, đệ-tứ niên, đọc say-mê các kịch bằng thơ alexandrins của Corneille, Racine, lại bắt chước làm thơ Pháp theo kiểu đó đề hồ hào các lớp học sinh bãi khóa, hoặc đề ứng hộ cuộc bãi khóa của các trường khác. Thí dụ như dưới đây là mấy câu « thơ » alexandrins Pháp của trò Tuấn, cô-vô anh em học sinh trường Quốc-học, Huế:

En avant mes amis! Bravo les plus hauts coeurs!

*Armez sans faiblesse nos commu-
nes douleurs !
Sachons nous conduire en bérés.
en fils de braves !
Soyons des enfants fiers, mais
pas de vils esclaves !*

Đó là những câu "thơ" tập tễnh, của một « thi-sĩ cỏ » áp dụng những niêm luật thơ Alexandrins mà cậu vừa học trong trường, và bây giờ mò mẫm cách diễn tả những ý nghĩ say sưa nhiệt cuồng của tuổi trẻ.

Tưởng ghét người Pháp thì ghét cả tiếng Pháp mới hợp lý ; hoặc là yêu chuộng văn-chương học thuật Pháp thì thân thiết với người Pháp, nhưng thực tế không phải vậy. Trừ những kẻ có sẵn óc nô-lệ, quen nịnh hót Tây, cho đến cái gì của Tây họ cũng khen ngợi cả, tôn thờ Tây như bậc Thầy, bậc Thánh, ngoài ra, đại đa số thanh thiếu niên lãng mạn 1925, đa sầu đa cảm, đều chịu sự trái ngược lạ lùng của hai phong độ trí thức chống chọi nhau : thích học chữ Tây, thích nói tiếng Tây, mà lại ghét Tây, thù oán Tây đã đem ách nô lệ tròng vào cổ dân « An-nam ». Đó là tâm lý chung của thế-hệ **Nguyễn-thái-Học** (sinh viên Cao Đẳng Thương Mại), **Đặng thái-Mai**, **Phan-Thanh**, **Vô-**

nguyên-Giáp, **Nguyễn-an-Ninh**, **Tạ-thu-Thâu**, v.v...

Trò Tuấn, 16 tuổi, học sinh Trung học, cũng bị hai ảnh hưởng trái ngược chi phối các hoạt động văn hóa và chính trị mà Tuấn là một thiếu niên tập sự, vụng về nhưng hăng hái.

Trong hai tháng đầu của mùa nghỉ hè (nghỉ hè 3 tháng), Tuấn không ôn lại bài vở như các trò không bị đuổi, Tuấn thường ra bãi biển ngồi ôn lại những tư tưởng cách mạng hấp thụ trong các sách của hai Cụ Phan Sào Nam, Phan Tây Hồ, những thành kiến cách mạng, như :

*Việt-nam vong quốc, dân nô lệ,
người dân mất nước như đứa
con mất mẹ, xiềng xích, áp-bức,
ngục tù, v.v...*

Tuấn tự cho rằng mình là một người dân mất nước, và ngồi khóc sướt sùi, thê thảm như một người con mất mẹ.

Năm 1925-1927, những danh từ và thành ngữ cách mạng trên kia hãy còn quá mới mẻ, còn chứa đựng men nồng của nhiệt huyết, có đủ mãnh lực để làm say sưa, xúc động, những tâm hồn trai trẻ còn đang trong trắng. Dù bị các học đường đuổi vì tội chủ trương bãi khóa, hay là

còn được tiếp tục học, thanh thiếu niên học sinh 1925-27, là thế hệ của Tuấn, đều phần đông có tâm hồn vừa lãng mạn theo kiểu Alfred de Musset. Lamartine (*Ô temps, suspends ton vol !*)... vừa cách mạng, theo truyền thống Phan-Chu-Trinh, Phan-Bội Châu.

Những trò bị đuổi sau cuộc bãi khóa, như Quỳnh, Tố, v.v... đều tiếp tục đi học "Trường Thầy Dòng Pellerin" ở Huế, để thi "Diplôme". Riêng Tuấn, còn do dự, không dám về nhà để thăm cha mẹ, và để xin tiền đi học ở Huế, vì sự thật nhà Tuấn nghèo từ khi anh Tuấn làm thông-phán Tòa-sứ, đã bị bắt đi ở tù ở Banmethuôt. Ngẫu nhiên một hôm Tuấn đến thăm ông chủ nhà trọ của vài người bạn đồng lớp, ông này cho biết hăng nấu rượu ở An-Thái, Bình-Định, cần dùng một thư ký, học lực Đệ nhị hoặc đệ-tam-niên, hỏi Tuấn muốn đi làm không ? Sẵn trong lúc buồn vì bị nhà trường đuổi, chưa biết làm gì, và lần đầu tiên thấy có một chỗ làm có lương tháng 100\$ (một trăm đồng, Tuấn nhận lời ngay, và chiều hôm đó, thầy Đậu dẫn Tuấn vào giới thiệu với ông Bouillon, người Pháp, giám đốc hãng « Société des Distilleries de l'Indochine ». (Hội nấu rượu Đông-dương).

Thầy Đậu không dám nói với ông Bouillon là Tuấn vừa bị đuổi vì tội bãi khóa, Thầy chỉ nói

qua loa rằng Tuấn nhà nghèo không muốn tiếp tục học nữa nên xin đi làm.

Hôm sau, Tuấn được ông Rocca, phó giám đốc cùng với thầy Đậu đưa Tuấn đi xe hơi của Hãng lên tận An-Thái, một chi nhánh của hãng, do một người Hoa-Kiều làm quản lý. Tuấn thỏa mãn được giúp việc thư ký cho "chú" quản lý Huế Kiêu tại một nơi hương thôn có con sông lớn.

Tuấn mới có 17 tuổi.

Chiều hôm ấy, chú quản lý Diệp Thành đưa Tuấn sang chào ông tây có tên là Rossignol. Tuấn rất ngỡ ngàng khi ông Tây và bà đầm tiếp Tuấn và chú Diệp Thành tại phòng khách. Đưa con trai duy nhất của gia đình người Pháp này, tên là Louis, 4 tuổi, được giới thiệu với Tuấn. Nó đưa bàn tay nhỏ bé ra bắt tay Tuấn với một câu tiếng Pháp :

— Bonjour monssieur le cratère. (chào ông miệng núi lửa).

Chữ *Secrétaire* (thư ký), bị cậu bé Pháp mới tập nói bập bẹ thành ra *cratère*, ai cũng phì cười, nhưng Tuấn lần đầu dụt dè không dám cười.

Từ hôm ấy, Trần-em-Tuấn, cậu học-trò đệ tam niên bị đuổi vì chỉ huy bãi khóa, đành bỏ học

đi làm cậu thư ký quèn cho một chi nhánh hãng rượu của Pháp ở thôn quê, dưới quyền một chủ quản lý người Tàu, với lương tháng 100 đồng, ăn và ở ngay tại nhà viên quản lý.

Đêm ấy, Tuấn nằm nghỉ trên chiếc giường kê ngoài hè nhà quản lý nhưng Tuấn thao thức suốt đêm, nghĩ ngợi và khóc liên miên.

Lần đầu tiên chàng trai tuấn tú của nước Việt, 17 tuổi, đã phải thôi học để đi làm thư ký, kiếm tiền nuôi thân. Nhưng Tuấn cho rằng đây chỉ là một giai đoạn tạm thời. Tuấn nuôi hoài vọng dành dụm tiền bạc để một vài năm sau sẽ ra Hà Nội hoặc vô Sài Gòn để tiếp tục học.

Chủ quản lý Diệp Thành là người Tàu Hải-Nam, còn trẻ, độ 30 tuổi, không thạo tiếng Pháp mà chú nói được bập bẹ năm ba câu theo kiểu « tiếng Bồi ». Vì vậy, chú rất mến Tuấn, và mỗi khi có việc phải qua tiếp xúc với ông Tây Thương-chánh, Tuấn đi theo để làm thông ngôn.

Công việc của Tuấn là mỗi buổi sáng ngồi bàn giấy bán rượu, thu tiền, đếm tiền và viết biên lai trao cho người mua.

Có những buổi sáng, để việc bán rượu cho một người khác, Tuấn ra ngồi sau chiếc cân lớn để mua gạo. Từng đoàn người thôn quê, đàn ông, đàn bà, thiếu niên, thiếu nữ, ở trong làng ấy và các làng kề cận, gánh gạo đến hảng để bán.

Người bán đặt bao gạo lên bàn cân, Tuấn ghi số cân trên một mảnh giấy trao cho người bán cầm giấy ấy vào trong phòng kế cận để lấy tiền.

Buổi chiều, Tuấn làm các sổ sách. Buổi tối Tuấn dạy chữ Pháp cho chú Quản lý Huê-Kiểu.

Tuấn sống cuộc đời khắc khổ, noi theo gương các bậc hiền triết mà Tuấn đã đọc tiêu sử và nghiên cứu sự nghiệp trong các sách Pháp. Tự nguyện rằng cuộc đời mình còn dài và mình còn phải làm một công việc gì cho xứng đáng với thân nam-nhi, không được hoang phí tuổi trẻ trong cuộc chơi bời phù phiếm, Tuấn quyết tâm dùng thì giờ ở hãng Rượu An-Thái (người Pháp viết là *Antay*), để tu tâm tu tính, cố giữ được tư cách một thanh niên học thức, đứng đắn.

Một hôm Tuấn mượn người thợ hớt tóc cạo trọc đầu Tuấn, như một ông thầy chùa. Việc ấy làm xôn xao dư luận An-Thái.

Chủ Tàu Quản lý, và ông Tây Thương-chánh Rossignol ngạc nhiên hỏi Tuấn nguyên nhân gì khiến Tuấn cạo trọc đầu. Tuấn chỉ tùm tùm cười đáp: « cạo cho mát ».

Và từ đấy, dân làng An-Thái cũng như nhân viên và lao động hãng Rượu gọi Tuấn là « Thầy Ký Trọc »...

(Còn tiếp)

XEM TRIỂN LÃM
HỘI HỌA
CỦA

SINH
VIÊN
CAO - ĐẲNG
MỸ

THUẬT



GIA - ĐỊNH

★ *Chau-Giang*

LÀ một cuộc trưng bày của Sinh Viên Cao Đẳng Mỹ-thuật, mỗi năm tổ chức một lần để giới thiệu với công chúng một số tài năng và để kiểm điểm những điều đã ghi nhận được của thời gian vừa qua. Nghĩa là vẫn thuộc trong phạm vi nhà trường.

Tôi nhấn mạnh điểm này để công chúng thường ngoạn không có những thắc mắc quá đáng đối với những tài năng tương lai của chúng ta, những người mà sau này sẽ giữ trách nhiệm phổ biến rộng lớn cho ngành nghệ thuật này:

Tuy là giới hạn trong phạm vi nhà trường nhưng vẫn thấy có những chiều rộng lớn muốn vượt

khỏi, muốn vượt tới cái đà ngoài phạm vi nhà trường, bằng sự học tập có sẵn, bằng kinh nghiệm đã thu lượm của riêng mỗi người (và cũng bằng cả sự bắt chước nữa). Tôi nhắc đến « sự bắt chước » ở đây với một ý nghĩ dịu dàng, nó sẽ tha thứ đối với công chúng thường ngoạn, dù là công chúng thường ngoạn khó tính.

Tôi nghĩ rằng: ở những tài năng trẻ này không thể đặt thành vấn đề phê bình như phê bình những tác phẩm mà là nhìn vào những chân thành, những thiện chí muốn đi tới, xa hơn. Bây giờ mới bắt đầu.



Khỏa thân
(sơn dầu)
HUỲNH
MINH
CHÍ

Bước chân hôm nay của các anh các chị mới chỉ là bước chân những "e ngại rụt rè". E ngại vì kinh nghiệm của thời gian không có mà tài năng vẫn còn nằm trong khuôn khổ học đường...» (1) Đúng, đó chỉ là một thí nghiệm. Một chặng khởi vậy.



Trên sáu chục bức tranh gồm sơn dầu, bột màu và lụa. Kể ra đã vừa đủ cho một cuộc trưng bày, nhưng cả một trường Cao đẳng mỹ thuật mà chỉ có được số lượng tranh như thế thôi thì hơi ít (ấy là tôi còn kể cả những tranh của những cựu sinh viên).

Ít nhiều điều quý mến đã dành

sẵn ở tôi ngay khi vào xem tranh của các anh các chị sinh viên Cao đẳng Mỹ-thuật.

Đó là những tâm hồn phong phú về nghệ thuật và chân thành của tuổi trẻ. Bây giờ có thể còn chập chững, chưa thành hình thù gì rõ rệt nhưng ở tuổi các anh, các chị hứa hẹn những điều tốt đẹp sau này (tôi bao giờ cũng tin vào tuổi trẻ).

Phòng tranh kỳ này của các sinh viên Mỹ-thuật cho tôi thấy. Sự muốn bước dài hơn ra ngoài phạm vi học đường. Có thể là một điều tốt.

Nhưng nếu không "biết" được

mình, nghĩa là nếu không mang một chân thành, thích thú của mình có thực. Tất nhiên sẽ rơi vào chỗ bế tắc, vài chỗ trống không bao la đáng lo ngại. Từ đây có thể mất đi lòng tin của mình. Như một người nói dối một lần là sẽ tiếp tục nói dối thêm mãi. Trường hợp này tôi đã thấy ở một số tranh thuộc loại trừu tượng.

Thường thường nhiều người hay có ý nghĩ : Làm tranh trừu tượng mới là "tiến bộ", "mới" mới mong được những "suy tư" vào tác phẩm Mới "diễn tả nỗi tâm trạng con người của thời đại". Nhà n. Hội Họa chú trọng vào ác đường nét, bố cục, màu sắc. Phải có đủ những yếu tố cần thiết để trở thành một bức tranh trước đã. Dù có hình thù hay không có hình thù. Và lại Mới, nằm ở trong mình. "Người họa mới vẽ một bông hoa cũng mới, gạch một nét cũng mới" (2). Sự nhầm lẫn như trên không chỉ riêng ở phòng tranh các sinh viên Mỹ thuật lần này, mà tôi bắt gặp khá nhiều ở những phòng tranh khác trước đây (cái lỗi chung của sự đột giai đoạn).

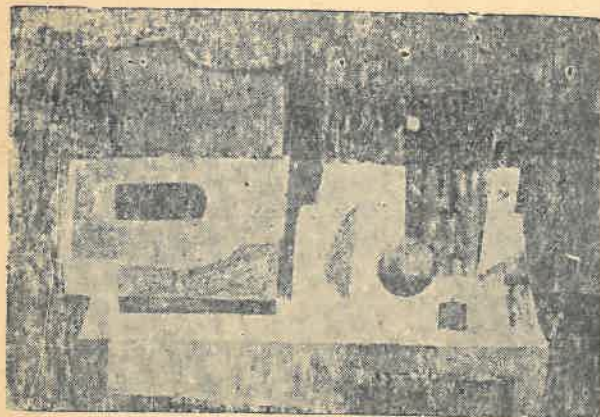
Trở về phòng tranh sinh-viên. Cái nhìn chung của tôi là sự đồng đều. Nghĩa là sự cách biệt, hơn kém không bao nhiêu (trừ một số

tranh trừu tượng). Có một xu hướng hội họa mới rất rõ.

Những tác giả trội, tôi có thể kể : NGUYỄN-THÀNH (mưa ngoài phố — số 35, và nắng trưa — số 36) ; TỐNG HUY ĐỨC (một tâm hồn 3 cuộc đời — số 9) ; NGUYỄN THỊ BÉ (Kim Soan Ai) (Tĩnh vật — số 1) LÂM-THÀNH-CÔNG (Chùa Ngọc-Hoàng — số 8) Vũ thành Long, Trương thị Phương, Đinh thọ Nhã, Từ kim Chi, v.v... Sáng nhất và nổi nhất là NGUYỄN THÀNH trong 2 bức "Nắng Trưa" và "Mưa ngoài phố" THÀNH xử dụng bột màu (gouache) khá vững. Chất gouache thật trong và mát. Nét thì bạo và thoải mái. Tiếc rằng "nắng trưa" có hai mái nhà hơi khó chịu. Như một chấp vá không phải của một người. Vũ Hoàng Long vẽ kỹ quá nên rơi vào tranh trang trí. Cái lỗi chính ở Long là tham lam quá...

Một số tương đối kém hơn như Lưu mỹ Tâm (Lưới cá Kiên-giang, số 33, tĩnh vật số 34) sơn đắp dày và gai cho sẵn sù. Nhưng chỉ là tiêu sào. Không

(1) (2) Đọc "Ngôn ngữ mới" trong hội họa, sáng tạo số 3 của Thanh tâm Tuyên



Tinh vật
(Bột màu)
VŨ THÀNH
LONG

giúp gì cho bức tranh cả mà trái lại; Phạm-văn-Thông: vẽ tranh lớn chưa đủ với sức mình...

Điều mà tôi dễ thấy nhất và "Cao đẳng Mỹ Thuật" nhất là loại tranh lụa. Nhìn vào vải là biết ngay "lò" Mỹ-Thuật.

Tôi nhắc đến loại tranh này vì: Đó là những bài học thực thụ. 10 năm trước đây tôi cũng chỉ được xem tranh lụa — có thể này, bây giờ và về sau—có thể 10 năm hơn — tôi chắc cũng chỉ được xem có thể này? Không thể hơn được nữa? Tôi vẫn thường gọi loại tranh lụa là loại tranh "Trường Mỹ Thuật".

Vào xem tranh của Sinh viên Cao đẳng Mỹ thuật kỳ này tôi có một ý nghĩ — Cần nâng đỡ, và khuyến khích việc làm tốt của

họ — những người trẻ — là bổn phận của mọi người.

— Về tinh thần: khen ngợi và chỉ dẫn (những người trong nghề đã đi trước).

— Về vật chất: Mua tranh để giúp anh chị em sinh viên phương tiện (những người có tiền và chánh quyền). Đó là những khuyến-khích đẹp nhất và chân thành nhất.

Cũng nên nói thêm: Trong bài tựa tôi đã đọc được một câu đầu tiên, nguyên văn như sau:

"Cánh cổng của bức tường cao đã mở sau chín năm khép kín!"

Một câu rất sáo và rỗng. Có cần phải như thế không?

● ✱

Handwritten notes in cursive script, including the characters "hà", "bi", and "long".

SÁNG mồng 8 Tết, 7 giờ ông Tú bà Bú ngồi ăn lót lòng trước khi ông Tú đi làm việc. Hai người ăn một góc tư cái bánh chưng chiên, với dưa chua, củ hành, củ tỏi, ớt... ông Tú ngó lên mặt tú, thấy một hộp trà Tàu còn bọc giấy bóng y-nguyên, chưa mở. Ông hỏi:

— Hộp trà kia ai cho thế hả em? Chứ năm nay tụi mình đâu có mua trà.

— Cô bạn nào của Minh

Large handwritten notes in cursive script, including the characters "hà", "bi", and "long", and other illegible characters.

đem quà « Tèt » cho Minh, em làm sao biết được.

— Cô bạn nào nhỉ ?

— Ai cho Minh cái gì Minh cũng không nhớ nữa !.. Thật Minh đang trí quá, chính Má em đến chơi hôm 28, đem cho tụi mình hai cái bánh chưng, 1 kí mít, và 1 hộp trà đó, Minh cũng quên !

— Ờ nhỉ ! Nhưng Anh quên lúc nãy, bây giờ anh nhớ rồi. Nè em à, trà đó là trà Chính-Thái ngon có tiếng từ hồi anh còn ở Hà-nội kia lặn ! Thế mà từ Tèt đến nay, tụi mình có bao nhiêu khách khứa bạn bè, cứ lấy Bireley's và rượu ra uống, không pha trà... Hoài của !.. Thôi, hôm nay chúng mình khai-mạc hộp trà đó đi.

— Em cũng định thế.

Bà Tú đứng dậy lấy hộp trà đưa ông Tú :

— Minh khai hộ cho em.

Ông Tú mở nắp xong, dí ngay mũi vào ngửi :

— Hứm ! Thơm kinh-khùng. Đồ em biết thơm mùi gì ?

— Mùi hoa lài.

— Không, hoa sen. Hoa lài thơm gắt hơn. Đây, hoa sen thơm dịu-dàng, yêu-yêu-yêu lài ! Bây giờ em bỏ một nhúm vào bình trà, để nước thật sôi hãy chẻ vào, rồi để yên đó trong 20 phút. Theo anh, cái thú uống trà không phải là ở lúc uống trà sau khi rót trà nóng ra chén, mà chính là ở trong 20 phút trà đang ngấm trong bình. Trong 20 phút rạo-rực ấy, trà đang lên hương, như nguồn Thơ lên hương... Nước sôi là dương, mùi trà là âm, âm-dương đang phối-hợp nhau, hòa mình với nhau, để rồi, đây nhé... em xem...

Ông Tú nâng bình trà lên, khẽ nghiêng miệng bình rót chậm-chậm vừa đủ để nước trà chảy róc-rách vô chén, ngào ngạt hương Thơ. Làn hơi bay lên, như tình vương ý nhạc, để ta nâng chén uống hương vào lòng, như uống nhạc uống thơ. Cái thú uống trà là như thế vậy. Cho nên, trong lúc đôi ba bạn tâm phúc ngồi «đồi diện âm trà», không ai còn hứng bàn về chánh trị, tôn-giáo, kinh-tê,

hoặc nói chuyện đả-đảo hoan-hô, mà chỉ thích ngâm thơ của Đỗ-Phủ, Lý-Bạch, Đào-Tiềm ..., hoặc một vài Tanka của công-chúa Shikiko, hay Vườn-Hồng của Saadi.

— Saadi nào đó, Minh ?

— Thi sĩ danh tiếng nhất của Ba-Tur, thế kỷ XII.. Đây là anh nói cái thú uống trà của thi-nhân, hoặc là hạng quý-tộc muốn thưởng thức thú vui của nghệ-sĩ. Còn có cái lối uống trà tuyệt thú nữa, là của anh em nông-dân và thợ thuyền, uống trà tươi thật nóng nấu trong chiếc nồi đất và đổ vào một cái bát lớn cho nổi bọt. Trời nắng, làm việc mệt nhọc trong công xưởng, ngoài đồng ruộng, đang khát nước mà uống hết một tô nước chè tươi nóng và chất, chất thì ngon lành tuyệt diệu, Lối uống nầy, hồi thời kỳ kháng chiến quốc-gia, năm 1950 - 54, trong khu gọi là U.T.Q. (Uống trà quạu).

Trong số các dân tộc Tây-phương, chỉ có người Anh là niềm nhiều nhất cái thú uống trà của người Đông-phương,

nhưng người Anh có cái lối uống trà hồi 5 giờ chiều, (họ gọi là Five-oclock nhưng họ uống kiểu trà « Lip-ton » thật đậm, vắt một múi chanh vào, đổ một vài muỗng đường vào, khuấy thành một thứ nước chua-chát-ngọt, không còn gì là trà nữa.

— Minh có biết truyền tích gì hay hay về cây trà hay là nước trà không ?

— Có. Về văn-nghệ, thì gòc tích cây trà nghe cũng vui. Em muốn nghe không ?

— Muốn.

— Hồi xưa... xưa thật là xưa đó, có một vị Tu-sĩ, tên là Lạt-Ma-Tổ-sur...

— Eo ôi ! Cái tên gì kỳ vậy ? Lạt-Ma Tô-Sur là Tô-Sur Ma hả. Ma hay là người ?

Bà Tú cười dòn, ông Tú cũng cười :

— Ma đây là Lạt-Ma, nghe, Bô ! Nghĩa là Tu-sĩ chứ không phải là ma quỷ đâu.

Vị Lạt-Ma Tô-Sur đó là một vị chân tu, ngồi nhập-định, nghĩa là ngồi yên-tĩnh, không quấy-cựa, dòn hết tư tưởng

trong sách vào Niết-bàn, và cứ ngồi như thế suốt 14 năm liền, đôi mắt vẫn mờ, tự mình quyết không cho phép mình ngủ. Nhưng đến năm thứ 15, bỗng một đêm Tô-Sư Lạt-Ma ngồi ngủ quên lúc nào không biết. Bỗng mắt dậy thì trời đã sáng. Tô-Sư tức giận cho mình hoài công tu tịnh trong 14 năm trời để bây giờ hãy còn thêm ngủ. Ông tự phạt ông, liền nhổ hai sợi lông mi trên con mắt quăng ra xa... Không dè, một việc huyền bí xảy ra: hai sợi lông mi của ngài mọc rễ đâm xuống đất và lớn dần dần thành cây. Dân trong vùng thấy sự kiện lạ-kỳ, rủ nhau hái những lá cây huyền-bí đó đem về nấu uống thử. Uống vào là không ngủ được...

Đó là điển tích của Nhật-bồn về cây trà.

Theo Lịch-sử thì người Tàu đã biết dùng trà từ 46 thế kỷ trước Thiên-chúa. Từ đời Hán (206 năm trước J.C.) vua đã biết pha trà tiếp các quan khách. Từ đó, trà mới thành giống cây quen thuộc của các tiểu quốc ở chung quanh Đại Hán. Cũng từ đạo ấy, cây trà mới được đem về trồng ở xứ ta.

Nhưng ở Nhật-bồn thì mãi đến thế kỷ XI mới bắt đầu trồng trà và có những trà thật (*chaseki*) để các nhà thơ và các nhà quyền thế đến đây uống trà ngâm vịnh.

Trà-thật phần nhiều là ở những nơi vắng và phong cảnh đẹp, giữa một khu vườn nên thơ nên mộng. Thi sĩ *Okakura* có bảo: « Nơi đây không có màu sắc sắc-sỡ, không có tiếng ồn náo-dộng lòng người, không có một câu một chữ làm mất điều-hòa của ý-nghĩa... »

Người Nhật đặt sự uống trà vào một nghệ-thuật rất tề-nhị, có khi tề-nhị quá thành ra phiền phức, không khác nào một nghi lễ. Trà phải rang trong một cái chảo gọi là *hairo*, rồi đem ra nấu uống phải có cả một bộ đồ trà riêng biệt: một hộp hương gọi là (Ko-bobo), một hộp đựng giấy và nghiên mực riêng để làm thơ khi uống trà. (Chứ không phải lúc uống trà lấy bút chỉ BIC mà làm thơ được đâu nhé). 1 giỏ than để lựa chọn thứ than tốt để nấu nước, một cái quạt lông (*mitsuba*)

để quạt than, mấy cái mỗi đĩa (*hibashi*), một cái bình tro nóng để đốt than, hương trầm sẽ làm mất mùi than khét, mấy cái vòng để cầm quai ấm khi nước sôi, và sau cùng là một cái bàn chải để lau các thứ đồ dùng ấy.

Có điều lạ là sự uống trà là cả một nghệ-thuật, nhưng các nhà thơ Nhật uống trà cũng như uống rượu để thưởng thức cảnh đẹp của thiên nhiên, mà ít có bài thơ nào ca ngợi chính nước trà, hoặc cây trà, hoa trà...

Thi sĩ Việt-Nam, như Nguyễn Du thỉnh thoảng còn nhắc đến trà:

*Hương gây mùi nhớ, trà khan
giọng tình.*

Chứ thi sĩ Nhật không nói đến bao giờ. Thi sĩ Trung hoa cũng thế, chỉ còn để lại một vài câu:

Bán dạ tam bôi tửu

Bình minh số trận trà.

— Chữ Tàu em không hiểu gì hết nhưng nghe đọc lên cái giọng thầy hay hay...

— Ý nghĩa thì xoàng lắm..:

Nửa đêm ba ly rượu,

Sáng sớm vài chén trà...

Không có gì hay hết, nhưng nó hay chính vì nó gợi ra một bức tranh nên thơ...

Hỏi anh còn bé, anh nhớ về

đạo mùa Xuân, buổi sáng thấy hái một cành hoa cúc, (loại cúc nhỏ dễ thương và thơm lắm, chứ không phải thứ cúc bự mà tụi mình thấy bán ở Sac-ne đó đâu) Thấy bỏ hoa ngâm trong ấm nước trà Tàu vừa mới pha, đập nắp ấm lại, một lúc Thấy rót ra chén, thấy đĩa chén trà lên mắt, hơi trà bay tỏa lên xông đôi mắt già càng sáng tỏ ra. Rồi Thấy khẽ nhấp một hớp trà còn nóng hôi hôi, vừa ngâm lên một bài thơ Bạch-Cư-Dị, và rung đùi có vẻ khoái lắm. Anh còn nhớ những cứ-chỉ nên thơ ấy, sau này ở Hà-nội anh cũng bắt chước Thấy, ngồi ghế x-lông uống trà rung đùi theo kiểu đó mà không được. Nó nhạt nhẽo và vô-duyên làm sao.

Thế cho nên nghệ thuật uống trà phi các cụ thì mới xài được, chứ tụi mình thì khỏi đi!

Bà Tú cười:

— Em thì pha trà ra là uống ngay, xin miễn rung đùi!... Nhưng dù sao uống trà tàu như tụi mình sáng nay, tuy không có nghi lễ kiểu-cách nhưng cũng phải thân mật và tao nhã như thế này mới thấy thú vị chứ, Minh nhi. Sẵn nói chuyện về trà, em muốn

biết trong Lịch-sử nhân-loại. Trà có đóng vai trò nào không Minh?

— Có chứ, quan trọng lắm chứ. Ngay như xứ Hoa - kỳ, ngày nay mà độc - lập hùng cường cũng là nhờ một chuyên tàu chở trà của người Anh. Em nên biết rằng từ thế kỷ XI cho đến XVIII, Mỹ gần như là một thuộc địa của Anh. Người Anh ở tràn khắp các tỉnh Virginie, Massachusetts, Maryland, Rhodes Island, New York, New Jersey, Connecticut, New Hampshire, cho đến... Pennsylvania, Georgie... Nhưng rồi người Mỹ nhất định đòi độc-lập, người Anh không cho. Ngày 19 tháng 4 năm 1775, một chiếc tàu buôn người Anh chở trà qua bán cho Mỹ. Theo thể lệ từ trước, hàng hóa Anh vào đất Mỹ không bị đóng thuế. Nhưng lần này người Mỹ phản đối phải trả thuế thương - khẩu, mới được đem trà xuống bến. Thế là quân lính Anh can thiệp bằng vũ lực. Linh Bào-an Mỹ ở Massachusetts chống lại. Trận giặc khởi nghĩa bắt đầu, và ngày 15-6-1775, G. Washington được cử làm đại tướng tổng tư lệnh, chỉ-huy đoàn quân cách mạng.

Không ai ngờ mầy thùng

trà có công dụng như mầy thùng đạn, làm nổ bùng cuộc chiến tranh của toàn thế quân dân Mỹ chống lại quân Anh để đòi độc-lập...

★

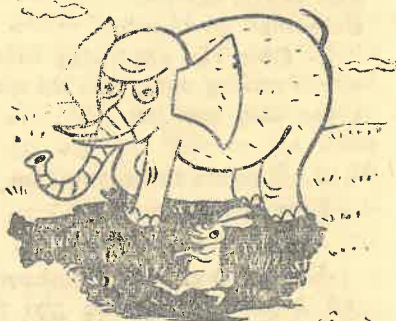
Thôi, Minh ơi, tại có hộp Trà của Má mà anh đã mất hết 20 phút...

Ông Tú ngó đồng hồ đeo tay :

— Ủ... 20 phút để nói cho em nghe về công dụng của trà trong văn-chương, chính-trị, Lịch-sử... Bây giờ anh đi Bureau...

Ông Tú sờ tay lên bình trà, thấy đã hơi nguội, ông cầm cả bình đưa lên miệng, ngậm cái vòi dọc xuống rút một vài giọt nước trà còn dính trong bình.

★ *Đieu - Huyền*



THỎ. — May quá, không gặp bác chắc bữa nay em phải chết vì nắng mặt!

những người đàn bà

★★★★★★★★★★★★★★

lừng danh
trong lịch - sử

★ TÂN-PHONG

20. — Lucrece borgia

TRONG mục này tôi đã kể rất tường tận chuyện 19 người đàn bà lừng danh nhất trong Lịch-Sử Đông-Tây Kim Cổ, trong số đó có Poppée, Catherine II, Từ Thái-Hậu, Vũ-Hậu, v.v., là những vị vua chúa của phái đẹp mà nhan sắc và đức-tình quá độ đã gây ra bao nhiêu sóng gió trong đời họ và trong Lịch-sử loài người.

Hôm nay, về người đàn bà lừng danh thứ 20, tôi muốn nhắc đến Lucrece, em gái một Đức Giáo-Hoàng Ý, ở cuối thế

kỷ 15, mà vừa rồi các báo chí Ngoại-quốc đã so sánh với bà Ngô-dinh-Nhu về phương diện dâm-dục và ái tình truy-lạc.

Họ so sánh như thế có thật đúng hay không? Có những điểm gì giống nhau giữa Trần-lệ-Xuân với Lucrece Borgia? Các bạn đọc chuyện sau đây sẽ thấy rõ.

Xin nói rằng trong bản kịch *Lucrece Borgia* của Victor Hugo, nhà Thi-hào Pháp đã diễn tả đời của nàng với những màu sắc quá đen tối, như một nữ quái dâm dục vô cùng ghê



gia đình nàng sau khi giáo hoàng Calixte III có tham vọng áp dụng chính-sách gia-đình trị để thu cả giang sơn Ý-đại-lợi vào trong tay dòng họ Borgia.

Đức Giáo hoàng Calixte III đã thu góp được của giáo dân một kho vàng bạc của cải mênh mông. Đến khi cháu đích tôn của ngài, là Rodrigue Borgia, được tôn lên ngôi Giáo hoàng năm 1492 lấy tên là Alexandre VI (1492-1503) thì cả nước Ý đều phải phục tùng dòng họ Borgia trong thời gian 11 năm.

tóm. Sự thật, Lucrece Borgia không đến nỗi quá tồi tệ như vậy. Đây tôi viết theo những tài liệu Lịch-sử xác thực, không thiên vị.

Con cưng của một Đức Giáo-Hoàng.

Borgia là gia đình thế phiệt nhất của nước Ý, ở thế kỷ XV, Uy danh của dòng họ Borgia bắt đầu vang lừng từ khi Alphonse Borgia, vị Hồng y giáo chủ địa phận Valence được tôn lên Giáo hoàng (Pape) năm 1455, lấy tên là giáo hoàng Calixte III (1455-1458). Lịch-sử của Lucrece Borgia dính chặt với lịch sử

Nước Ý lúc sống trong chế độ tôn-giáo gia-đình-trị của họ Borgia mà Sử sách gọi là chế độ « vô luân lý », trụy lạc và hỗn độn. Đức giáo hoàng Alexandre VI có lấy một người đàn bà không có hôn - thú tên là Rosa Vanozza de Cattanei, và sinh được 4 người con, ba trai một gái. Trưởng nam là Jean Borgia được vua xứ Espagne (Y-pha-nho) ban cho làm quận công quận Gandia. Thứ - nam là César Borgia được cha cho làm Hồng-y Giáo chủ (Năm 1497. César Borgia ám-sát người anh cả là Quận công Gandia, Jean Borgia, vì ganh ghét). Người con

NHỮNG NGƯỜI ĐÀN BÀ

trai thứ ba là Geoffroy Borgia. Ông này sau lấy một cô gái con riêng của Quận Công quận Calabre và trở thành Hoàng thân Squillace. Người con thứ tư của Giáo-Hoàng Alexandre VI, và được ngài cưng nhất là nàng Lucrece Borgia, sinh năm 1480. Năm 13 tuổi, (1493), nàng lấy Jean Sforza, một vị quan-liêu ở Pesaro.

● Ly-dị lần thứ nhất

Trong điện la-mã Santa Maria in Porticu, ở phía bên kia Escalier de Saint Pierre, trong Tòa-thánh Vatican, đang nở đùa vui-vẻ hai cô thiếu-nữ diễm-tuyệt, cô nào cũng có mái tóc ánh vàng, hai mái tóc đẹp nhất trong thành-phố La-mã, theo quyển « Nhật-ký » (Journal) của Burchard, thư-ký Tòa-Thánh.

Năm 1497, cô lớn nhất được 22 tuổi, phương-danh là Giulia, tình-nhân của Đức Giáo hoàng Alexandre Borgia. Cô bé hơn, 17 tuổi, quý-danh là Lucrece Borgia, con gái út của ngài, và vợ của vị Đại-quan Jean Sforza lấy nhau đã 4 năm.

Trong Sử chép rằng (1) ở xã

hội La-mã thế-kỷ XX, những chuyện yền-tiệc say sưa và cuộc sống trụy lạc trong Tòa thánh Vatican, không hề bị dư luận bình phẩm hay công kích gì cả, vì ở thời-đại ấy những chuyện như thế là thường.

Lucrece Borgia lấy chồng đã 4 năm, nhưng Jean Sforza không phải thật là chồng, vì theo lời người ta đồn thì cặp vợ chồng này chưa hề sống chung với nhau đêm nào. Và lại, đức Giáo-Hoàng Alexandre VI là cha vợ, và Jean Borgia là anh cả của vợ, đều kinh ghét y. Lý do là Jean Sforza không tỏ ra trung thành chút nào với đường lối chính trị của gia đình Borgia. Nhất là người anh vợ Jean Borgia cứ ép buộc Lucrece Borgia phải ly dị với chồng, để lấy chồng khác.

Sforza được làm con rể của Đức Giáo-Hoàng và đang được hưởng thụ uy quyền lớn lao, nhất định không chịu ly dị vợ,

Nhưng một hôm Lucrece

(1) Lucrece Borgia hors sa légende, của André Castelot. Journal của Burchard.

Dictionnaire Encyclopédique Larousse du XX^e Siècle.

Borgia bảo kê cho chàng biết rằng anh cả của nàng đã được lệnh của Đức Giáo-Hoàng, thân phụ, phải thủ tiêu chàng. Sforza sợ quá, vội vàng phi ngựa trở về quê quán của chàng là Pesaro, trên bờ biển Adriatique. Y giục ngựa chạy quá sức để kịp lánh nạn, đến nỗi vừa đến nhà thì ngựa kiệt lực té xuống chết.

Sforza trốn đi được 2 tháng thì ngày 6-6-1497 Lucrece Borgia vào ở trong nhà tu kín của các bà Xơ Dominicaines ở San Sisto, trên đường Appienne.

Tám ngày sau, ngày 14-6 người anh cả của Lucrece, là Jean Borgia, bị ám sát.

Ngày 20-12-1497, Đức Giáo hoàng Alexandre Borgia tuyên bố hủy bỏ hôn thú của ái nữ Lucrece Borgia với Sforza và nhìn nhận Lucrece Borgia còn trinh tiết nguyên vẹn. Dân chúng La-Mã không tin được rằng Lucrece còn trinh, nhất là từ ngày 14-2-1498 người ta khám phá ra xác chết của một người đàn ông trôi trên sông Tibre, tên là Perotto mà ai cũng biết rằng y là tình nhân của Lucrece Borgia. Một tháng sau, tháng 3-1498,

Lucrece Borgia sinh một thằng con trai, đặt tên là Jean de Borgia. Con của ai? Sử sách quả quyết rằng không phải con của Sforza, người chồng bị ly dị. Nhưng có kẻ thì báo chính là con của Giáo hoàng Alexandre Borgia, có kẻ thì báo con của César Borgia, có kẻ lại báo là con của Perotto.

Sở dĩ có dư-luận Sử sách hoang mang như thế, là chính tại đức Giáo hoàng Alexandre ban bố hai bản « Bulles » hai Sắc-lệnh khai sinh cho hai nhi, khác nhau :

« Alexandre, évêque, Serviteur des serviteurs de Dieu, à notre fils bien-aimé, noble Jean de Borgia ».

Giáo hoàng Alexandre, kẻ phụng sự của những kẻ phụng sự Chúa, trao đến con trai yêu dấu của ta, Jean de Borgia quý tộc).

Nhưng trong Bulle đầu, thì nói : « Jean de Borgia là con trai của César Borgia, và mẹ vô danh ». Trong bulle sau, thì lại nói chính là con trai của Đức Giáo-Hoàng. Sự lầm lẫn ấy để lại cho Lịch-sử một nghi vấn nặng nề, và một bản kết

tội Lucrece Borgia là loạn luân. Nhưng cố sách bênh vực cho Lucrece thì quả quyết rằng Jean de Borgia là con trai của Lucrece với tình nhân của nàng là Perotto. Dư luận thời bấy giờ cho rằng tại anh chàng Perotto phạm-phu nấy đã dám lên-lút trao-đôi ái-ân với Lucrece Borgia, nên y bị thủ-tiêu, xác vớt xuống sông Tibre.

Dù sao, Đại-sứ Cộng-hòa Venise ở cạnh Tòa Thánh Vatican có viết thư về Chính-phủ Cộng-hòa như sau : « Vị Giáo Hoàng ấy tự cho phép mình làm những việc dị-thường và không thể dung-tửu được ». (Ce Pape se permet des choses extraordinaires et intolérables).

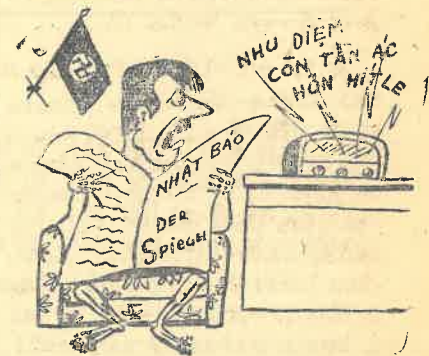
★ Người chồng thứ hai của Lucrece Borgia

Thành thử, Jean de Borgia con đầu lòng của Lucrece, là đứa con hoang-thai mà không ai biết thực rõ ai là cha, ai là mẹ.

Sau đó, Đức Giáo Hoàng Alexandre VI gả Lucrece Borgia cho Alphonse d'Aragon, Hoàng thân tiểu quốc Salerne, ông Hoàng nầy cũng

lại là con ngoại tình của Vua Alphonse de Naples. Người chồng thứ hai nầy mới 17 tuổi của Lucrece lại không phải ai xa lạ, mà là em trai của Sancia, bà nầy là vợ của Geoffroy Borgia, anh của Lucrece. Lễ đính hôn của Alphonse và Lucrece cử hành ngày 20-6-1498 ; và có điều kỳ lạ, là chàng rể không có mặt hôm lễ mà lại có Hồng-y Giáo-chủ Sforza là chú ruột của người chồng trước của Lucrece, đại diện.

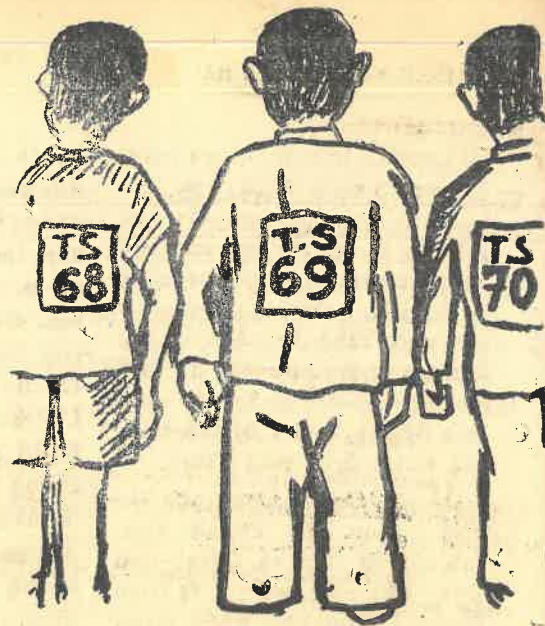
(kỳ sau đăng hết)



Hôn HIT-LE. Phên nầy mà anh em hẳn xuống đây mình phải mang xôi gà lại để học hỏi thêm kinh nghiệm...

Người tù

69



Hồi ký của NGUYỄN-VỸ ★ Hồi ký của NGUYỄN-VỸ

(Tiếp theo P.T. 118)

MỘT việc xảy ra làm náo động cả ba xà.lim mật thám, Chị Mẫn bị đưa đi lấy khẩu cung từ 8 giờ sáng, đã được trả về xà.lim phụ nữ hồi 11 giờ, nằm mê man bất tỉnh trên một chiếc brancard do hai người tù khiêng.

Tôi đang ngồi dưới bóng cây mai, nghe một bạn Việt-Nam Phục-Quốc-Hội kể lại tỉ-mỷ vụ Nhật đánh chiếm Lạng Sơn hồi tháng 9 năm 1939, bỗng thấy cảnh tượng bi-thảm kia, vội vàng chạy lại gần xem.

Hai người tù « kinh tề » đặt chị Mẫn nằm trên hè xà.lim phụ nữ, xong khiêng brancard trả lại Mật thám. Tụi tù chánh trị chạy đến chỗ chị Mẫn nằm để « hỏi tin tức ». Nhưng chị Mẫn còn mê man, đôi mắt nhắm, mặt tái mét. Chúng tôi

NGƯỜI TÙ 69

hoàng-hốt thầy nơi quán chị máu chảy ra ướt nhẹp cả. Vì xà.lim phụ nữ chỉ có một mình chị Mẫn, (có tất cả 3 chị, nhưng 2 đã bị đưa đi an trí rồi), nên một anh trong bọn chúng tôi khế đập vào cánh tay chị Mẫn, hỏi :

— Chị Mẫn, chị làm sao thế ? Sao máu chảy nhiều thế ?
Mãi vài chục phút sau, chị Mẫn mới tỉnh dậy, rên-rỉ trả lời :

— Tôi bị tra điện, các anh à.

Tụi đàn ông ngó nhau ngờ ngạc, chưa hiểu rõ « tra điện » cách nào và chỗ nào. Hai ba anh hỏi dồn mãi, chị Mẫn đáp rất yếu ớt :

— Tụi nó cho điện vào cửa mình tôi... đau quá... máu chảy ra đây...

Đồ-Tê (Coiffeur Đồ-Tê) mạnh-dạn bảo :

— Chị cho phép mầy đưa tôi đưa chị vào xà.lim, để rửa ráy và săn sóc cho chị nhé ?

Chị Mẫn, như người sắp chết :

— Vâng.

Thề là, Đồ-Tê với một anh nữa bê chị Mẫn vào xà.lim phụ nữ. Đồ-Tê làm dấu hiệu gọi một anh nữa và tôi đi theo phụ giúp. Tôi không biết tôi sẽ giúp được việc gì, và lại tôi còn mặc nguyên bộ đồ Tây, luộm thuộm lắm, nhưng tôi cứ phải « tuân lệnh » Đồ-Tê, vì ở trong tù ai cũng có bôn phận giúp đỡ người đồng cảnh và tuân lệnh kẻ chỉ huy, bắt cứ ai và bất cứ một việc gì có tính cách đoàn thể.

Dưới đây tôi thuật lại một vài chi tiết, hơi... tục tũn, nhưng cần thiết để bạn theo dõi tất cả cảnh đau đớn ê-cái của kẻ bị tra tấn trong tù, đặc biệt là phụ nữ.

Trước hết Đồ-Tê bảo tôi bật đèn điện lên, và khép kín cửa xà.lim phụ nữ, đừng cho ai ngó vào. Trong phòng xà.lim chỉ có 4 đứa chúng tôi, Đồ-Tê đóng vai bác-sĩ, còn 3 đứa tôi là vai trò phụ tá. Đồ-Tê sai tôi đi múc ba thùng nước,

và hai anh kia đi về xà lim chúng tôi để lấy bông gòn, pommade và thuốc tím. (Trong xà lim chính trị, anh em có giấu chút ít vật dụng và thuốc men để tạm thời săn sóc bệnh nhân cấp cứu).

Tôi chạy ra nhà tắm, múc ba thùng nước, (khô nổi thùng chảy l) và lần lượt xách vào. Một anh nữa và tôi bê nhẹ-nhẹ chị Mẫn đặt chị nằm trên sàn gỗ. Chị mệt lả người, mắt luôn luôn nhắm lại, mặt tái mét, người lạnh như xác chết. Thỉnh-thoảng chị rên lên mấy tiếng: « ời giờ ơi, tôi chết mất! » Hai anh khác đứng hai bên giữ hai chân chị để chị nằm dạng háng ra.

Với sự cho phép của chị Mẫn, nạn nhân đau đớn của cuộc tra tấn dã man bằng giây điện, Đố-Tê cởi quần của chị ra, thấy máu chảy từ trong cửa-mình ra quá nhiều. Đố-Tê sai tôi bưng chậu nước đứng bên cạnh anh, anh lấy hai tay tát nước vào cửa-mình chị Mẫn, và rửa cho sạch máu. Máu còn chảy, Đố-Tê còn rửa. Hết 3 thùng nước, anh bảo tôi đi múc thêm 3 thùng nữa. Tôi ngoan-ngoãn làm theo lệnh của anh.

Đố-Tê rửa thuốc tím, rồi bôi một lớp pommade trên vành cửa-mình chị Mẫn. Chúng tôi thấy nơi đó hình như thịt bị cháy, phồng lên, xém cả mấy chòm lông. Chị Mẫn rên la: « Đau quá... ời giờ ơi... Tôi chết mất... giờ ơi! ». Chúng tôi đưa nào thầy thê cũng cảm động, lo sợ cho chị quá, vì xem các vết cháy, chúng tôi đoán chừng như bọn Mật thám Tây không những cho luồng điện chạy vào cửa-mình chị, mà còn chơi tàn ác dí vào nhiều nơi da thịt chung quanh, cốt ý làm cho chị đau kinh hồn để khai ra những hoạt động bí mật của chị và các đồng chí của chị.

Rửa thuốc tím và bôi thuốc xong, Đố-Tê mặc quần vào cho chị, và lấy chiếu rách đắp cho chị. Chúng tôi dọn dẹp rồi ra, khép cửa lại.

Ra ngoài sân, chúng tôi kể lại tỉ mỉ cho anh em nghe công việc chúng tôi vừa làm, ai cũng cảm động, lo sợ cho

chị Mẫn, và chửi rủa mấy thằng Mật-thám tra tấn vô nhân đạo.

Tôi thành thật khâm phục Đố-Tê. Tôi không ngờ một anh thợ hút tóc chuyên nghiệp ở ngoài đời, vào tù có thể làm công việc của một bác-sĩ, và làm rất gọn-gàng, nhanh-chóng, tận-tụy, với một « lương-tâm nghề-nghiệp » rất đáng kính phục. Từ hôm ấy tôi mến Đố-Tê vô-cùng, và tôi cho rằng anh em nào đã đặt cho anh cái hung-danh « Đố-Tê » thật là bất công.

Mỗi buổi sáng, Đố-Tê và một vài bạn nữa vào xà-lim phụ nữ để săn-sóc cho chị Mẫn. Một tuần sau, các vết thương đã bớt và chị đã đi dạo chơi được ngoài sân.

Nhưng chị đi và ngồi lâu không được, cứ phải nằm. Chị cho chúng tôi biết rằng hai tên Mật-Thám tra-khảo chị bằng điện không phải là người Pháp, mà là người Việt. Chị không khai gì cả, vì, theo lời chị nói, chị chỉ có cái tội là đại-lý duy nhất bán báo Cộng-Sản ở tỉnh chị, và có người chống Cộng-Sản đã bị dày đi Côn-Lôn. Ngoài ra, cũng theo lời chị, chị không có hoạt-động gì cả.


★

Tôi ở Lao Mật-thám Hà-nội đã hơn 10 ngày rồi, mà không thấy trên văn-phòng kêu hỏi gì cả, và cũng không có áo quần để thay. Hỏi ra thì anh em cho biết rằng ở Lao mật-thám là những người bị giam để tra-tấn, chứ chưa phải là tù thiệt-thọ. Cho nên không có áo quần riêng của nhà Tù như ở bên khám Hòa-Lò. Có nhiều người bị giam giữ khá lâu, tùy theo hồ-sơ cá-nhân, và không được người nhà đến thăm, hoặc gửi cho quà bánh và các vật-dụng.

Vì thế, nên đời sống ở đây rất thiếu thốn và bực-bội vô kể. Bộ đồ Tây của tôi mặc, đã dơ bẩn và nhều-nát hết vì mặc luôn ngày đêm, cả lúc đi ngủ cũng không thay được. Trời Hà-nội tháng Giêng năm ấy lạnh quá chừng, đêm mặc luôn cả bộ đồ Tây như thế để ngủ mà vẫn không đủ ấm. Một buổi sáng, nắng đẹp, tôi ngồi một mình nơi sân sau, bỗng thấy một con rệp mập thù-lù bò khệ-nệ trên tay áo của tôi. Tôi bắt nó, vứt xuống

công cho trôi theo nước. Nhân đó, tôi mới sực nhớ rằng bộ đồ Tây của tôi mặc đã lâu ngày chưa giặt, chắc có nhiều rận. Ngồi không chẳng làm gì, tôi cởi áo veste ra xem. Vừa vạch ra chỗ nếp áo sau lưng, tôi thấy rệp bỏ lằng-xăng có đến ba bốn chục con. Tôi lấy tay phải chúng nó xuống công, nhưng không sao hết được vì nhiều con chạy tròn rất nhanh, tôi đuổi theo bắt không kịp, và sau cùng đành chịu thua, tìm không ra hết những nơi chúng núp. Tôi rút cravate ra, nơi đây cũng có hai ba ô rệp, tôi đoán còn nhiều ở sau đường khâu nhưng không thể nào bắt được. Tôi cởi hai áo len (của Thu-Tâm và Khuê-Lưu mặc cho, đêm tôi lên được về nhà), áo len thì dĩ nhiên là có cả một rừng rệp, tôi không có can-đảm nhìn chúng nó. Tôi cởi nốt áo sơ-mi vừa rít mồ-hôi, vừa là trại an-tri của hàng trăm con rận. Tôi chỉ kêu lên một tiếng hoảng-hốt: « Ôi giờ đi! Đâu mà đông-đúc thế này! » rồi quăng sơ-mi xuống đất...

(còn nữa)



MỸ-DUNG-LÔ
Hồng - Nguyễn

*Làm cho da mặt mịn màng
Tiêu tan các vết nám đen
Các thức mụn trên mặt,
và hơn bẩy cho trẻ em*

Nhà thuốc **HỒNG-NGUYỄN**
246, đại lộ Nguyễn-Hoàng
Chợ Lớn

Ở BÀN KHẮP NƠI

K.N. số 600 - 18.12.63



Tòa soạn Đính-Chính

Trong Phở Thông số 118 ra ngày 1-1-1964, nơi trang 9 có một câu: « **một Trung-học Tư-thực Thiên Chúa Giáo Qui-nhon** » và trong P.T số 119 ra ngày 15-1-1964, nơi trang 8 có câu: « **một tư thực ở Qui-nhon** » và « **một vị Frère** ».

Có 2 chữ sai lầm trong mấy đoạn trên:

1.— một tư-thực Thiên chúa giáo **AN-NHON**, chứ không phải **Qui-nhon**.

2.— một **Thầy giáo**, chứ không phải « **một vị Frère** »

Chúng tôi xin đính-chính lại rõ ràng như trên, và thành thật xin lỗi Quý vị Frères Trường Lasan Qui-nhon. Mặc dầu đã đính chính rõ ràng như trên, để sáng tỏ thiện chí hoàn toàn, chúng tôi xin vui lòng đăng-bức thư sau đây của quý vị Sư Huynh Ban giám đốc Trung học Lasan Qui-nhon.



Qui-nhon, ngày 21 tháng 1 năm 1964

Kính gửi ông Nguyễn-Vỹ, Giám-Đốc Chủ-bút Tạp-chí Phở-Thông, 531, Trần-Hung-Đạo Saigon.

Kính thưa ông GIÁM-ĐỐC,

Chúng tôi ký tên dưới đây, BAN GIÁM-ĐỐC, BAN GIÁO-SƯ và ĐẠI-DIỆN HỘI PHỤ-HUYNH HỌC-SINH Trường Trung-Học Tư-Thực Lasan Qui-nhon, trân trọng kính báo Quý Ông một việc như sau:

Nguyên tạp-chí văn-hóa Phở-Thông số 118 và 119 ra ngày 1-1-64 và ngày 15-1-64 đã đăng những lời lẽ không tốt đẹp liên-hệ tới trường chúng tôi. Xin Quý Ông nhận rõ rằng toàn thể Giáo-Sư, Phụ-huynh và Học-sinh chúng tôi thấy đều phần uất trước sự vu khống hoặc xuyên-tạc của vài phần-tử bất-mãn, ghen tương thù hằn cá-nhân, đã gieo đặt đề, thừa cơ tình-trạng khó khăn đề

bồi nhọ thanh-danh Trường chúng tôi xưa nay được mọi tầng lớp xã-hội, không phân-biệt tôn-giáo, rất tín-nhiệm.

Phải chi Ông Giám-Đốc đừng khá vội tin và vội đăng-tải trên mặt Quý Báo như thế để tránh những hậu-quả chẳng lành cho cả đôi bên. Chính ra Quý Ông phải trực tiếp thư từ với chúng tôi hoặc với chính quyền địa-phương cho vấn-đề sáng tỏ hứ-thực làm sao trước đã...

Chúng tôi đã hỏi ý kiến những vị có thẩm quyền sở - tại về Quân-sự, Hành-Chánh và Học-Vụ... Các Ngài đều công-nhận rằng chúng tôi không có gì đáng trách như trong hai bài ở hai số Phồ-Thông 118 và 119.

Kính thưa Ông Giám-Đốc, qua mấy dòng chữ chân thành và hòa-nhã trên, xin Ông thông cảm vì lòng mến yêu chân-thật, vì đức Bác-ái Từ-Bi, vì tình đoàn kết để diệt cộng và Kiến-Quốc. Đề chấm dứt mọi tình-trạng hoang-mang, đề lấp đầy mọi hố chia rẽ hoặc Kỳ-Thị Tôn-Giáo, đề gián đoạn mọi lợi khí cho mọi kẻ thù-dịch, chúng tôi thiết-tha yêu cầu Ông Giám-Đốc đính-chính trên Quý tạp chí Phồ-Thông, rằng những thí dụ về Trung-Học Tư-Thực Thiên-Chúa-Giáo ở Qui-Nhơn và về một "Frère" Giáo-Sư, đều là những tin xuyên-tạc do những kẻ bất mãn đã tuyên truyền.

Được như lời thỉnh cầu, chúng tôi xin thành tâm đa tạ, giữ vững mối thiện-cảm đối với Tạp-Chí Văn-Hóa Phồ-Thông và cầu chúc Ông Trên ban cho quý Ông được nhiều may mắn.

Kính chào Ông.

Ban-Giám-Đốc Ban-Giáo-Sư Đại-Diện Phụ-Huynh Học-Sinh
Ký tên đóng dấu Ký tên Ký tên



● Ngoài ra, chúng tôi có nhận được thư của một số học sinh trường Đức-Minh Tân-Định yêu cầu đính chánh về chữ « Frère » trong bài Phồ-Thông số 119. Chúng tôi thiết tưởng bức thư của Ban giám-đốc trung học Lasan Qui-nhơn và mấy lời tòa soạn đính chánh ở trên đã làm sáng tỏ vấn đề.

Mong các bạn thông cảm,

★ Bạn **Quốc-Đoàn** và **nhóm Học-Sinh** và **phụ-huynh học-sinh AN NHƠN**, (Bình-định). Xin cho thông qua vấn đề, đề tránh mọi gay gắt có lợi cho sự tuyên truyền của Cộng-sản, Mong các bạn thông cảm.

● Của cô Trang-Thiên-Kim (Mỹ-châu)

Beverly Hills, January 27, 1964

Dear Mr. Nguyễn-Vy,

Tears were in my eyes when I read a very sad story written by Miss Thái-Diệp-Thu, titled « Nỗi buồn tuổi trẻ » which appeared in your January 1, 1964 issue of Phồ-Thông magazine.

I would like with all my heart to write to Miss Thu personally and become a friend of hers. Please forward my picture and address to Miss Thu or please let me know her address so I could contact her directly my mail.

I love my country so dearly so do I love Miss Thu's writings and so do I love all the young people of Việt-nam with all their hope, desire and sadness in life. I love them all so dearly and so Miss Thu's writings really touch me so deep down love for my country is...

Please do not disappoint me for I shall ever be grateful to your help.

Very many thanks.

TRANG-THIÊN-KIM

P.S. My address :

Miss KIM-TRANG

173 N. Rextford Drive

Beverly Hills, California

U. S. A.



✱ Của Bà J. J. Welsh

18 Zaara St Newcastle NSW Australia

Dear Sir,

I am writing on behalf of my husband Mr. J J. Welsh. He would like to ask could you please send him another copy of your New Year edition of « Phồ-Thông », as he was involved in a car accident in which the book was destroyed by fire. Also could you please point this letter in your next issue as after the printing of his other letter in your magazine my husband received a letter from a man wishing to become his pen friend, This letter also destroyed in the fire. My husband would like to try and get in touch with this man again through your magazine.

Hoping you can help me with the above requests.

Your sincerely

Mrs. J J Welsh

Số-Số Kiến-Thiết Quốc-Gia
Giúp nước thêm nhà ta thêm cửa

3 LÔ ĐỘC ĐẮC

mỗi lô :

1.000.000\$

XỔ THỨ BA HÀNG TUẦN, MỖI VÉ 10\$

THẦN-TÀI CHẴNG VỊ RIÊNG AI
CỬ MUA VÉ SỐ
THÌ THẦN-TÀI SẼ ĐẾN THĂM

Lò ngói và gạch máy PHÚ - HỮU

TUILPHUHUU

(SÁNG LẬP 1929)

GẠCH BÔNG

CƯ-XÁ TUILPHUHUU

Xưởng: Phúhưu — Đôngphủ — Phuthu — (Cầntho)
Hãng: kép-đường Phan-Châu-Trinh — (Giadinh)

ĐT. 20.715

CƯ-XÁ TUILPHUHUU

Chắc-chắn, Mỹ-thuật, giá phải chăng,
Trả tiền dễ-dàng, vùng an-ninh, giao
thông thuận-tiện, đầy đủ tiện-nghi.
GẠCH BÔNG MÁY ÉP HƠI

CHIẾM GIẢI NHẤT **Chắc-chắn, bền-bỉ, ciment hảo-hạng,**
MARSEILLE và màu không phai lạt. giá rẻ.

CUNG CHỨC TÀN XUAN

TUILPHUHUU

HO, **Bổ-phé linh-dơn Thụy-Lâm loại A**
TR: Các chứng ho lâu năm, nhiều đờm, ho cảm, ho
đờm, ho gió, yếu phổi, rang ngực, tự nhiên sút cân.
Bạch-Đới, **hoàn Thụy-Lâm**

TR: Cứng đầu cứng, ngứa cửa mình, ra huyết
trắng (Các tiệm thuốc Bắc đều có bán)
Nhà thuốc **THUY-LÂM** 191 Gia-Long Saigon
KN. số 425 ngày 25-9-63

Cần Đến kinh kỳ, Bần thần đá dợt, hay là đang
hành kinh mà đau bụng uống:
Lôi Công Hoàn « ÔNG TIÊN ». Hỏi các tiệm thuốc Hoa-Việt.
Saigon 228 Lê-thánh-Tôn. Nhà thuốc **Ông Tiên,** Phú-Lâm Cholon
K.N. BYT. số 1— 9-5-63

Phong Ngứa, Ghê chốc, lở loét, gãi tới đâu lan tới đó
không phải thoa phết sơ sài ngoài da mà
hết, uống **Giải Phong Sát-Độc-Hoàn « ÔNG TIÊN »**
30 sáng lập. Hỏi các tiệm thuốc Hoa-Việt.
Nhà thuốc **Ông Tiên** Phú-Lâm Cholon (K.N BYT. số 3— 9-5-63)

HO! HO!

1) Các chứng ho: Ho Phong, ho đờm, ho siêng Ho rang tức
ngực, ho lâu ngày, ho sản hậu, nên dùng **HUỆT PHÁT**
PHÒNG LAO THẢO do Tang Nha chế tạo, đề mạnh Phổi, lành ho.

2) Yếu Tim, Đau Tim, Thần Kinh suy yếu! dùng: **AN THẦN**
BỮU trị các chứng tim đập hồi hộp, mất ngủ xây xàm chóng mặt,
Dùng để an thần định trí, mát gan dễ ngủ.

3) **ĐẠI BỔ LONG PHỤNG TINH:** Thuốc bổ cho người lao
lạc, lao lực, mệt mỏi đau lưng kém ăn ít ngủ, và các chứng thiếu máu.

4) Bệnh của Phụ nữ: Kinh nguyệt bất thường thiếu máu, mặt
mét, đau lưng, bạch đới hạ ít ăn ngủ, nhức mỏi tay chơn quí Bà
dùng **PHỤ NỮ HỒI XUÂN TỐ.**

5) Bệnh Phong Thấp, đau khớp xương, nhức gân, tê bại, tay chơn
hay sờ mồ hôi tứ chi bại hoại dùng **THẢO LINH SƠN** Di An Hòa.

6) Quý Bà có thai bị bệnh thiếu máu sanh ra ứa mưa, bần thần,
mỏi mệt, thai trắng đau lưng. Quý Bà dùng: **DUỠNG THAI BẢO**
SẢN HOÀN Di An Hòa.

7) Ai có bệnh Phong ngứa, ghê chốc, lở loét ngoài da tìm thuốc
PHONG NGỨA Di An Hòa để lọc máu giải phong.

(Có để bán ở các tiệm thuốc bắc)

Tổng Phát hành: Nhà thuốc **DI ANH HÒA.**

252A LÊ THÁNH TÔN Saigon — BYT/Kiểm Nhận ngày 18-12-1963

HEPATIC

Ai đau gan?

NÊN DỪNG THUỐC

HEPATIC

CÓ BÁN KHẮP CÁC NHÀ THUỐC AU MỸ

HEPATIC

Chuyên trị bệnh đau gan rất công hiệu

Kiểm nhận số 38/Q.C.D.P.BY.T. ngày 22-7-60

BAN . NÓNG . CẢM . HO
Euquinol

K.N. số 351/BYT 2-8-63



POLYVIT C_a
TÉVÉTÉ

ĐÀN BÀ DƯỠNG THAI và THỜI KỲ CHO CON BÚ
TRẺ EM ỒN-YẾU, ÉO-OT, CHẬM MỌC RĂNG
THUỐC BỔ MÁU, XƯƠNG, PHỔI
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY và TIỆM TRỪ AU-DƯỢC

K.N. số 251 BYT/QCDP/18-10-62



GLUCOCÉ
TÉVÉTÉ

KÉO SINH TỔ
CHỐNG MỆT-MỎI THỂ XÁC và TRÍ-ÓC
NGỪA NHIỄM-ĐỘC VI-TRÙNG
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY và TIỆM TRỪ AU-DƯỢC

K.N. số 252 BYT/QCDP/18-10-62

Công - Ty Bảo - Hiểm

« LE SECOURS »

Công-Ty Bảo-Hiểm và Liên-Hiệp Bảo-Hiểm những tai-nạn, hỏa-hoạn, hàng-hóa, trộm cắp và tất cả các rủi ro

Trụ sở chánh :

30-32, đường Laffitte — Paris (9ème)

Chi-Cuộc Viễn-Đông :

16, đại-lộ Nguyễn-Huệ (Charner cũ) Saigon

Điện-Thoại : 20.461

- Bồi thường mau lẹ
- Nghi thức giản tiện

Khi hữu sự hãy hỏi thăm liền chớ ngần ngại — Mọi sự dễ dãi và tiếp rước niềm nở sẽ dành cho khách bảo-hiểm.

Nhà xuất - bản « HUỆ-MINH »

Chuyên xuất bản tác phẩm của Hồ-hữu-Tường.

Sẽ lần lượt tái bản :

Muốn hiểu chính-trị.— Tương lai Văn-hóa Việt.— Tương lai Kinh-tế Việt.— Vấn đề Dân-tộc.— Xã-hội học nhập môn.— Kinh-tế học nhập môn.— Quả trứng thần.— Nỗi lòng thành Hiệp.— Tam-Quốc chí I (dịch).— Lịch-sử Văn-chương Việt-Nam, I.— Thu-Hương (Gái nước Nam làm gì ? I).— Chí Tập (Gái nước Nam làm gì ? II).— Phi-Lạc sang Tàu (Ngàn năm một thuở, I).

Và sẽ lần lượt xuất bản :

Kế thế.— Thuốc trường sanh.— Là một mùa thu.— Nghề làm báo. Muốn làm chánh trị.— Đối tượng của xã hội học.— Nợ tình thần.— Quỳnh-Dao.— Vũ Luân-Lan, Gái thời loạn.— Mùa Xuân chim Lạc.— Phi-Lạc bôn Nga (Ngàn năm một thuở, III).— Trầm tư của một người tội tử hình.

Những người đã viết ở Người Việt (1955) Sáng Tạo (1956-1961) sẽ hợp nhau chủ trương tuần báo Ý-Thức : Doãn-quốc-Sỹ — Nguyễn-sỹ-Tế — Duy-Thanh — Mai-Thảo — Ngọc-Dũng — Trần-thanh-Hiệp — Trần-lê-Nguyễn.

Phát hành tháng 3-1964.

Giấy phép số 292 CDV/TT/NĐ ngày 9-10-1961

Quản nhiệm : NGUYỄN-VỸ

In tại THƯ LÂM ÁN THƯ QUÁN
231-233, Phạm Ngũ-Lão — Saigon

PHỔ - THÔNG

TẠP - CHÍ VĂN - HÓA CÓ UY - TÍN TRONG
NƯỚC VÀ Ở HẢI - NGOẠI

Phát - hành thường xuyên mỗi kỳ :

50.000 SỐ



NHẬT BÁO CÁCH MẠNG, BẢO VỆ
TỰ DO DÂN CHỦ

tục bản lần thứ hai

phát hành mỗi ngày :

120.000 SỐ